

KĨ NĂNG TIỀN ĐỌC VIẾT VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ

TÀI LIỆU CHO GIẢNG VIÊN



BỘ TÀI LIỆU

"KỸ NĂNG TIỀN ĐỌC VIẾT VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ"

Đã được Hội đồng thẩm định - Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội đánh giá đạt tiêu chuẩn
triển khai bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non
(Theo GCN số 400/GCN-ĐHSPHN ngày 24/08/2026)

KĨ NĂNG TIỀN ĐỌC VIẾT VÀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ

CUỐN 2 - TÀI LIỆU CHO GIÁO VIÊN

MÔ-ĐUN 4: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ.....3

- 4.1. Thiết lập môi trường học tập giàu ngôn ngữ 6
- 4.2. Môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong các hoạt động hàng ngày.....23
- 4.3. Các nhiệm vụ có ý nghĩa.....27

MÔ-ĐUN 5: HỖ TRỢ TRỌNG TÂM THÔNG QUA TƯƠNG TÁC.....37

- 5.1. Những vai trò khác nhau của giáo viên tại góc chơi 40
- 5.2. Đặt câu hỏi hiệu quả.....47
- 5.3. Phản hồi thông qua các tương tác ngôn ngữ.....54

MÔ-ĐUN 6: KỸ THUẬT SỬ DỤNG SÁCH TRUYỆN 67

- 6.1. Kể chuyện tương tác 70
- 6.2. Vòng tròn kể chuyện 81
- Phụ lục A: Môi trường học tập giàu ngôn ngữ 89
- Phụ lục B: Bộ thẻ suy ngẫm về môi trường học tập giàu ngôn ngữ..... 92
- Phụ lục C: Các nhận định về môi trường học tập giàu ngôn ngữ 92
- Phụ lục D: Một ví dụ về kể chuyện tương tác..... 93
- Phụ lục E: Bảng tiêu chí lựa chọn sách.....105
- Giải thích thuật ngữ.....106



LỜI NHẮN ĐẾN HỌC VIÊN

Bạn có thể tìm đọc lại các thông tin chi tiết về cấu trúc khóa học, biểu tượng và nguyên tắc cơ bản khi thiết kế khoá học này trong phần giới thiệu ở cuốn 1. Trong đó, bạn cũng có thể tìm thấy các gợi ý để điều hành các khoá tập huấn hiệu quả.

GIỚI THIỆU

Trong mô-đun 1-3, bạn đã được tìm hiểu về quá trình một đứa trẻ học một ngôn ngữ mới. Bạn cũng đã tìm hiểu về các kỹ năng tiền đọc viết và những phương pháp khác nhau nhằm hỗ trợ trẻ phát triển những kỹ năng này. Trong ba mô-đun đầu tiên của khóa học, chúng tôi tập trung nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng và sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ và đưa văn hóa gia đình, cộng đồng trẻ trong môi trường lớp học. Một trong những phương pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển các kỹ năng tiền đọc viết hiệu quả cho trẻ (đặc biệt đối với những trẻ có nền tảng ngôn ngữ và văn hoá dân tộc đa dạng) là thiết lập một MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ. Trong cuốn sách này, các mô-đun 4-6 sẽ hướng dẫn bạn các phương pháp thiết lập môi trường học tập phong phú về ngôn ngữ để hỗ trợ sự phát triển cân bằng đa ngôn ngữ cho trẻ.

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ là gì?

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ là một lớp học được thiết kế có chủ đích nhằm giúp trẻ tiếp cận và khuyến khích trẻ tương tác nhiều hơn với ngôn ngữ theo những cách có ý nghĩa với trẻ. Môi trường học tập giàu ngôn ngữ tập trung vào môi trường xã hội, cảm xúc và các kỹ năng sư phạm, chứ KHÔNG chỉ đơn thuần là việc sắp đặt môi trường vật chất trong lớp học. Môi trường học tập giàu ngôn ngữ có những đặc điểm nào?

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ mang những đặc điểm cơ bản sau:

- ◆ Trẻ cảm thấy tự tin khi giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ hoặc tiếng Việt.
- ◆ Trẻ tham gia tích cực vào việc thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động có ý nghĩa để thực hành ngôn ngữ.
- ◆ Trẻ tham gia vào các hoạt động học hoặc góc chơi thể hiện các tương tác xã hội.
- ◆ Một lớp học mà ở đó ngôn ngữ và văn hoá gia đình, cộng đồng của trẻ được đề cao và coi trọng.
- ◆ Một lớp học có đầy đủ các tài liệu đọc, ấn phẩm đa dạng và mang tính tương tác ngôn ngữ cao.
- ◆ Một môi trường học giúp nuôi dưỡng và hình thành sự tự tin cho trẻ.
- ◆ Giáo viên tận dụng mọi cơ hội để sử dụng ngôn ngữ, tương tác và trò chuyện với trẻ.
- ◆ Một môi trường học tập mà ở đó tập trung bồi đắp tình yêu của trẻ đối với việc đọc viết và học tập.

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ: Khung lý thuyết sư phạm

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ là một khung lý thuyết sư phạm có thể được hình dung như sau, với ba thành tố chính và ba tiêu chí cho mỗi thành tố:

1. Môi trường tích cực, an toàn, và phong phú

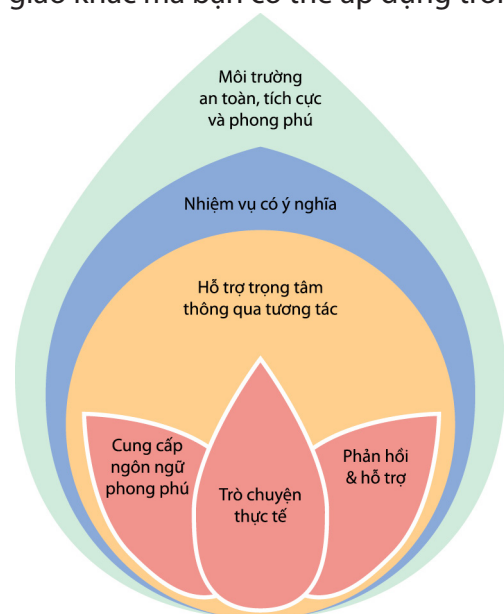
2. Các nhiệm vụ có ý nghĩa

3. Hỗ trợ có trọng tâm thông qua tương tác

Trong mỗi thành tố được trình bày ở trên, giáo viên cần được trang bị kiến thức và kĩ năng về cách thiết lập môi trường học tập giàu ngôn ngữ (cả môi trường vật chất và môi trường cảm xúc xã hội) cũng như các kĩ thuật giảng dạy cụ thể để từ đó có thể hỗ trợ sự phát triển ngôn ngữ của đứa trẻ hiệu quả. Các kĩ thuật giảng dạy này để cập tới những cách hỗ trợ từng bước nhỏ để hỗ trợ việc học ngôn ngữ của trẻ (Scaffolding: phương pháp giàn giáo, bắc cầu). Trong phần hai của khoá học này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu cách thiết lập từng thành tố cấu thành môi trường học tập giàu ngôn ngữ cho trẻ.

Vậy phương pháp giàn giáo, bắc cầu (scaffolding) có nghĩa là gì?

Phương pháp bắc cầu, giàn giáo (hỗ trợ từng bước nhỏ) là một thuật ngữ khởi nguồn được dùng trong lĩnh vực xây dựng để chỉ sự hỗ trợ tạm thời cần thiết để xây dựng một tòa nhà. Sau khi xây dựng xong từng bước đó, giàn giáo được dỡ bỏ và chúng lại được sử dụng để xây dựng các hạng mục cao hơn hay phức tạp hơn. Cũng tương tự như vậy, giáo viên cần cung cấp hỗ trợ có chủ đích cho từng trẻ khi trẻ học một kĩ năng mới. Khi một đứa trẻ đã thành thực các kĩ năng này, hỗ trợ có chủ đích này có thể không cần thiết nữa (giàn giáo có thể được gỡ bỏ) và để hỗ trợ trẻ phát triển ở mức độ cao hơn, giáo viên cần cung cấp các hỗ trợ ở mức độ cao hơn (lắp đặt các giàn giáo mới). Trong mô-đun 3, bạn đã học được một số kĩ thuật bắc cầu, giàn giáo, chẳng hạn như việc sử dụng hình ảnh, đồ dùng trực quan, phương pháp phản xạ toàn thân để dạy từ vựng. Trong ba mô-đun tiếp theo, chúng ta sẽ tìm hiểu thêm các kĩ thuật giàn giáo khác mà bạn có thể áp dụng trong lớp học của mình.



Mặc dù những thành tố này được trình bày một cách độc lập và lần lượt, tuy nhiên ba thành tố này có quan hệ chặt chẽ với nhau cấu thành nên môi trường học tập giàu ngôn ngữ. Mỗi thành tố của môi trường học này sẽ hỗ trợ lẫn nhau và không nên tách rời.

Sự kết hợp giữa các thành tố này với nhau chính là điều kiện cần thiết để tạo ra một **MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ**. Như bạn đã học ở Mô-đun 1-3, việc thiết lập một môi trường học hòa nhập ngôn ngữ và văn hóa của trẻ là một phần quan trọng trong quá trình học tập. Trong suốt ba mô-đun tiếp theo, bạn sẽ học các kĩ năng để khuyến khích và áp dụng ngôn ngữ và văn hóa của trẻ trong lớp học.

Trong tài liệu này, bạn sẽ được quan sát và trải nghiệm các hoạt động học tập trên lớp cùng với những ví dụ minh họa về các hoạt động giáo dục. Những ví dụ này được thiết kế phù hợp với trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Hãy linh hoạt điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với độ tuổi và mức độ phát triển của trẻ trong lớp của bạn, để hoạt động trở nên đơn giản hơn hoặc có tính thử thách hơn khi cần thiết.

TRƯỚC KHI BẮT ĐẦU

- ◆ Giảng viên tổ chức một hoạt động ôn tập các nội dung đã học trong mô-đun 1 – 3.
- ◆ Phát tài liệu cho học viên và hướng dẫn học viên cách sử dụng tài liệu trong quá trình tập huấn. Đây là cách hữu ích để lưu giữ tất cả kiến thức mới trong một cuốn tài liệu!
- ◆ Yêu cầu học viên đọc phần giới thiệu mô-đun 4.
- ◆ Thiết lập các “quy tắc chung” cho khoá tập huấn.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

TĐV - Tiền đọc viết

MHTTGNN - Môi trường học tập giàu ngôn ngữ



MÔ-ĐUN 4: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ

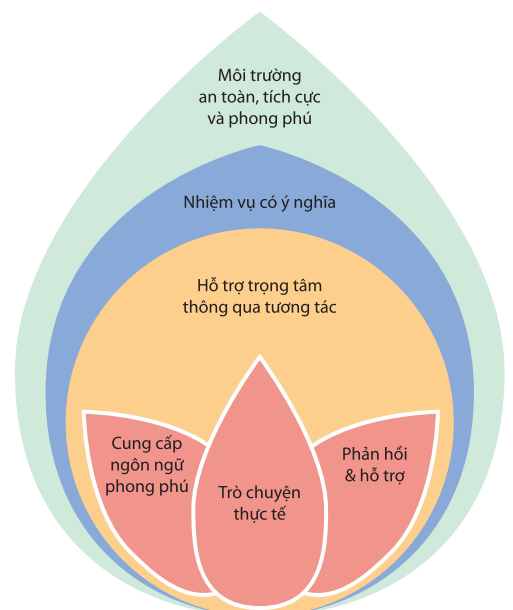


GIỚI THIỆU

Xây dựng môi trường học tập giàu ngôn ngữ là tạo ra một môi trường giáo dục toàn diện cả về thể chất, tình cảm, xã hội để trẻ phát triển ngôn ngữ. Trong các phần nội dung trước, chúng ta đã biết rằng ngôn ngữ được phát triển hiệu quả nhất thông qua tương tác. Điều này có nghĩa là môi trường học giàu ngôn ngữ cần cung cấp cho trẻ nhiều cơ hội để trẻ tương tác với ngôn ngữ một cách tự nhiên và có ý nghĩa nhất. Giáo viên có thể thiết kế các bài học cụ thể cho trẻ hay tận dụng những khoảnh khắc nhỏ hàng ngày để khuyến khích trẻ tương tác nhiều hơn bằng ngôn ngữ. Trẻ sẽ không chỉ học ngôn ngữ từ giáo viên mà còn học từ môi trường xung quanh cũng như từ các bạn trong lớp. Một môi trường học tập giàu ngôn ngữ sẽ tạo ra không gian cho tất cả trẻ em cảm thấy an toàn để thử nghiệm ngôn ngữ và nuôi dưỡng niềm say mê học tập.

Trong mô-đun này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu khung lí thuyết về môi trường học tập giàu ngôn ngữ, bao gồm những điều kiện cần và đủ để giáo viên có thể tạo ra một môi trường học tập giúp trẻ phát triển ngôn ngữ. Nền tảng quan trọng đầu tiên của môi trường học giàu ngôn ngữ là tích cực, an toàn, và phong phú (vòng tròn 1). Khi nghe điều này, có thể giáo viên sẽ liên tưởng đến môi trường cơ sở vật chất trong trường, lớp. Mặc dù khía cạnh này rất quan trọng, nhưng một môi trường học an toàn cũng bao hàm cả các yếu tố về tình cảm xã hội. Khi trẻ cảm thấy bình an, trẻ sẽ tham gia tích cực trong các nhiệm vụ có ý nghĩa (vòng tròn 2). Các nhiệm vụ có ý nghĩa bao gồm các hoạt động học tập được thiết kế có chủ đích, liên quan đến các tình huống thực tế trong đời sống và các thói quen hàng ngày của trẻ. Đây chính là những tình huống có ý nghĩa, nơi phát sinh các tương tác ngôn ngữ và từ đó giúp trẻ phát triển kĩ năng ngôn ngữ. Những nhiệm vụ có ý nghĩa được thiết kế dựa trên đời sống thực tế và sở thích của trẻ nên trẻ sẽ cảm thấy có sự kết nối tốt hơn. Điều này sẽ giúp trẻ có thể hiểu những từ mới và cách sử dụng ngôn ngữ một cách dễ dàng hơn. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ có ý nghĩa, trẻ cần nhận được những hỗ trợ có trọng tâm thông qua tương tác (vòng tròn 3) từ giáo viên để giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ hiệu quả hơn. Những hỗ trợ này bao gồm nhiều hình thức khác nhau như cung cấp vốn ngôn ngữ phong phú, trò chuyện một cách thực tế, và đưa ra các phản hồi cho trẻ.

Mô-đun này sẽ tập trung giới thiệu những thành tố chính của môi trường học tập giàu ngôn ngữ và mô tả một cách cụ thể những thành tố này trong thực tế. Học viên sẽ học cách lưu ý tới cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong lớp học, điều chỉnh các phương pháp hay hoạt động nhằm cải thiện hai khía cạnh này. Thông qua các hoạt động trong một ngày, học viên sẽ có thể xác định được những đặc điểm chính của môi trường học giàu ngôn ngữ và suy ngẫm làm thế nào có thể áp dụng những kiến thức này trong lớp học của mình. Môi trường học giàu ngôn ngữ đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau, không chỉ đơn thuần là một bài giảng, một trò chơi, hay một hoạt động học nhất định. Một môi trường học giàu ngôn ngữ là khi mà giáo viên và trẻ tương tác với nhau trong mọi hoạt động, mọi thời điểm trong một ngày ở lớp và ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp chính.



HƯỚNG DẪN PHÂN BỐ THỜI GIAN MÔ-ĐUN 4

Nội dung	Thời lượng (phút)
4.1 Thiết lập môi trường học giàu ngôn ngữ	120
Kết nối	10
Học tập	45
Thực hành	55
Suy ngẫm	10
4.2. Môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong các hoạt động hàng ngày	120
Kết nối	10
Học tập	45
Thực hành	55
Suy ngẫm	10
4.3 Các nhiệm vụ có ý nghĩa	120
Kết nối	10
Học tập	45
Thực hành	55
Suy ngẫm	10
Tổng thời lượng	360 phút (6 giờ)

4.1 THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ

Mục tiêu:

- ♦ Mô tả khung lý thuyết về môi trường học giàu ngôn ngữ và hình dung được môi trường học này trong bối cảnh lớp học thực tế.
- ♦ Phân tích các thành tố cấu thành môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong một ví dụ cụ thể trong lớp học.
- ♦ Nhận ra những cơ hội có thể lồng ghép dạy ngôn ngữ cho trẻ trong những hoạt động, thói quen hàng ngày để thiết lập môi trường học giàu ngôn ngữ.

Các thuật ngữ chính

Bản in môi trường: Là những ký hiệu, hình ảnh và chữ viết mà trẻ thường thấy trong đời sống hàng ngày, ví dụ: các biển báo giao thông, thực đơn trong nhà hàng, các nhãn thực phẩm, bảng kí hiệu...

Bản in trong lớp học: Là các tài liệu thường thấy trong lớp học như sách, nhãn dán, bảng từ, v.v.

Định kiến về giới: Những định kiến về đặc điểm cá nhân, hành vi và vai trò được xác định và giới hạn bởi giới tính.

Môi trường lớp học: Môi trường lớp học không chỉ giới hạn ở không gian vật chất hay sắp xếp đồ dùng dạy và học tập, mà còn bao gồm cả không gian cảm xúc và tâm lí, những yếu tố định hình quá trình học tập và tương tác của trẻ trong lớp học.

Môi trường học giàu bản in: Trẻ có thể xem, tiếp cận và tương tác với các bản in phù hợp trong lớp học với sự phát triển bằng tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ: “Một không gian học tập được thiết kế nhằm thúc đẩy và khuyến khích việc nâng cao khả năng giao tiếp và phát triển ngôn ngữ của trẻ. Môi trường học giàu ngôn ngữ đề cập đến các khía cạnh thể chất, cảm xúc và giác quan của không gian dành cho trẻ em, cũng như các nguồn lực được sử dụng và sự tương tác với người lớn.” (Jones, 2023).

Phương pháp bắc giàn giáo: Sự hỗ trợ từng bước nhỏ của giáo viên dành cho trẻ liên tục trong suốt quá trình học tập.

Chuẩn bị



In áp phích
số 6 trong phần
phụ lục F



In và treo trên
tường 5 áp phích đã
sử dụng trong các
hoạt động học ở
mô-đun 1 – 3



Bộ thẻ môi trường
học tập giàu ngôn
ngữ Phụ lục B



In và cắt rời các
nhận định trong
phần phụ lục C

Giới thiệu: 5 phút

- ♦ Giảng viên yêu cầu học viên đọc Phần giới thiệu 4.1 trong tài liệu.
- ♦ Giảng viên giải thích các mục tiêu của phần nội dung này.

KẾT NỐI: 10 PHÚT

Hoạt động 1 – Đây là môi trường học ngôn ngữ hiệu quả cho trẻ mầm non?

Thảo luận - Làm việc theo cặp

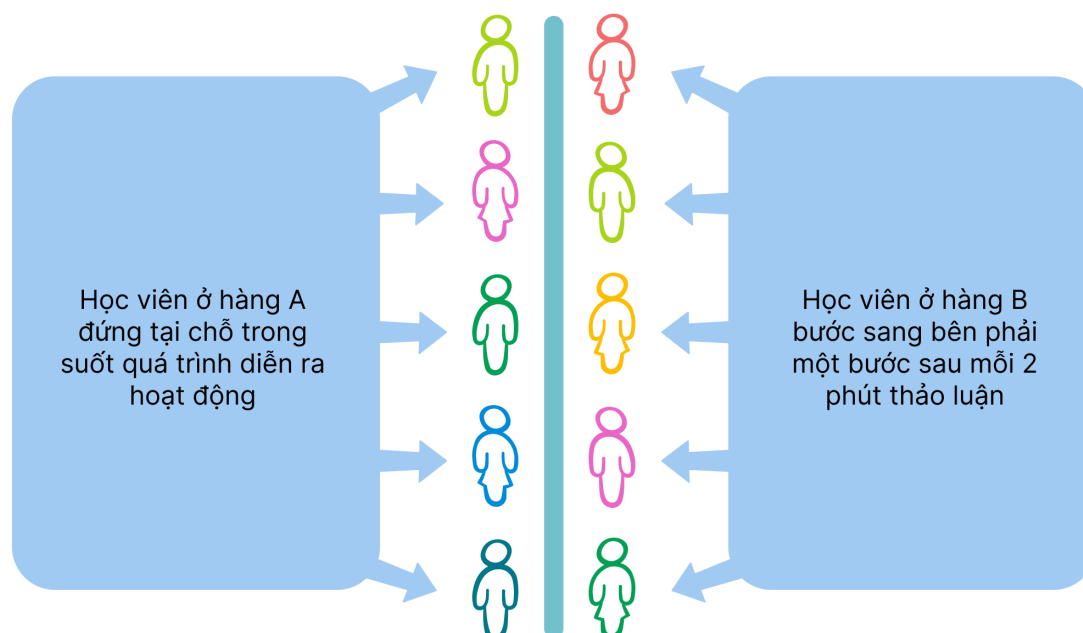
Thảo luận nhóm lớn: 5 phút

- ♦ Học viên sẽ tham gia vào một trò chơi có tên gọi “Trao đổi nhanh”.
- ♦ Yêu cầu học viên đứng thành hai hàng đối diện nhau (hàng A và hàng B), mỗi học viên sẽ ghép cặp với một người đứng hàng đối diện.
- ♦ Giảng viên đặt câu hỏi: “Bạn hình dung một môi trường học ngôn ngữ hiệu quả cho trẻ trông như thế nào?” Học viên sẽ lần lượt trả lời.
- ♦ Sau hai phút, giảng viên thông báo hết giờ và yêu cầu người tham gia ở hàng B di chuyển một bước sang bên phải (người tham gia ở hàng A vẫn đứng tại chỗ). Thảo luận tiếp tục về cùng câu hỏi nêu trên, tuy nhiên cặp thảo luận đã thay đổi.
- ♦ Giảng viên đặt câu hỏi tiếp theo “Bạn hình dung môi trường học ngôn ngữ hiệu quả cho trẻ nghe sẽ như thế nào?” Học viên sẽ lần lượt trả lời câu hỏi này.
- ♦ Sau 2 phút, tiếp tục yêu cầu người tham gia từ hàng B di chuyển một bước về bên phải và ghép cặp thảo luận với một học viên khác.
- ♦ Giảng viên đặt câu hỏi tiếp theo “Bạn có cảm nhận như thế nào đối với môi trường học hiệu quả đó?”

Lưu ý: Sau hoạt động này không cần tổ chức phần thảo luận chung hoặc chia sẻ nhóm lớn.

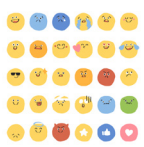
Lưu ý:

Khi các cặp lần lượt chia sẻ, giảng viên lắng nghe những điều học viên thảo luận. Giảng viên ghi lại một số những điểm chính lên bảng trắng hoặc lên giấy A0. Giảng viên cần lưu ý tới những ý kiến này để xem nó có được đề cập tới trong suốt quá trình điều hành khoá học không.



Làm việc cá nhân: 5 phút

- ♦ Cho học viên 5 phút để viết tất cả các ý tưởng vào trong tài liệu của mình. Nhấn mạnh việc ghi lại tất cả mọi ý tưởng đó để học viên có thể tham khảo và nhìn lại các ý tưởng của mình thay đổi như thế nào sau khi học xong khoá học.

Trông nó như thế nào? 	
Nghe nó như thế nào? 	
Cảm thấy nó như thế nào? 	

HỌC TẬP: 45 PHÚT

Hoạt động 2: Môi trường học tập giàu ngôn ngữ là gì?

Khi suy nghĩ về môi trường lớp học, chúng ta cần nghĩ đến tất cả các khía cạnh của lớp học, bao gồm môi trường cảm xúc xã hội và những tương tác trong lớp học. Nó không chỉ là về cách bố trí vật lý của một không gian mà là toàn bộ bầu không khí của môi trường học tập.

Thảo luận - Trò chơi - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm: 20 phút

- ♦ Chia học viên thành 3 nhóm. Mỗi nhóm được chỉ định tìm hiểu một thành tố của môi trường học tập giàu ngôn ngữ:
 - o Nhóm 1: Vòng tròn 1 - Môi trường tích cực, an toàn, và phong phú
 - o Nhóm 2: Vòng tròn 2 - Các nhiệm vụ có ý nghĩa
 - o Nhóm 3: Vòng tròn 3 - Hỗ trợ trọng tâm thông qua tương tác
- ♦ Mỗi nhóm sẽ tự tìm hiểu nội dung theo từng thành tố chính của môi trường học tập giàu ngôn ngữ, sau đó sẽ chia sẻ lại nội dung mình đã tìm hiểu cho các nhóm khác.

Làm việc nhóm: 30 phút

- ♦ Chia học viên thành các nhóm gồm 3 người (Nhóm mới này bao gồm thành viên từ 3 nhóm trong hoạt động trước).
- ♦ Mỗi nhóm cần có ít nhất 1 thành viên từ hoạt động trước, người này đóng vai trò là một “chuyên gia” về nội dung mà họ vừa tìm hiểu.
- ♦ Mỗi thành viên chia sẻ một đặc điểm mô tả các thành tố chính của môi trường học tập giàu ngôn ngữ (vòng tròn) của nhóm mình vừa tìm hiểu và đưa ra các ví dụ để các thành viên khác trong nhóm có thể hiểu được.

Thảo luận chung: 10 phút

- ♦ Giảng viên trình bày các đặc điểm chính của từng vòng kết nối (thông tin bên dưới và/ hoặc trên file PowerPoint).

MÔI TRƯỜNG HỌC GIÀU NGÔN NGỮ

VÒNG TRÒN 1

Môi trường tích cực, an toàn, và phong phú

Môi trường an toàn, tích cực, và phong phú là gì?

Môi trường an toàn, tích cực, và phong phú bao gồm cả môi trường vật lí lẫn môi trường cảm xúc - xã hội hay bầu không khí lớp học. Trẻ cần một môi trường vật lí không gây hại, song các em cũng cần một môi trường an toàn về mặt cảm xúc và tinh thần. Môi trường an toàn, tích cực, và phong phú là môi trường mà mọi đứa trẻ đều cảm thấy được tôn trọng, được chăm sóc và văn hoá của trẻ được đề cao. Điều này bao gồm việc đề cao văn hóa gia đình, ngôn ngữ, giới tính và sở thích của các em. Môi trường học tập này là nơi mà trẻ cảm thấy an toàn về mặt cảm xúc và tinh thần. Điều này sẽ cho phép trẻ cảm thấy thoải mái và tự tin chấp nhận rủi ro, thể hiện cảm xúc và tham gia sâu vào việc học.

Một môi trường “phong phú” không chỉ đơn thuần về yếu tố vật chất. Ngoài những yếu tố phong phú về mặt vật chất như: đa dạng các bản in bao gồm các tài liệu đọc, viết, đồ chơi, các cơ hội tương tác với bản in phản ánh đời sống văn hoá hàng ngày của trẻ, sự “phong phú” còn có ý nghĩa về mặt CHẤT LƯỢNG các tương tác ngôn ngữ và sự ĐA DẠNG trong cách giáo viên cung cấp ngôn ngữ cho trẻ. Một cuộc trò chuyện “phong phú” có nghĩa là giáo viên tích cực tham gia vào việc trò chuyện với trẻ, cung cấp từ mới, thú vị thông qua một nhiệm vụ hay hoạt động học có ý nghĩa. Điều này có nghĩa là trẻ sẽ được tham gia vào việc học ở mức độ sâu.

Trong một môi trường tích cực, an toàn và phong phú, tất cả mọi trẻ bất kể giới tính hay dân tộc, đều cảm thấy an toàn, thoải mái và được chào đón. Trẻ phải cảm thấy an toàn khi khám phá các hoạt động hoặc sở thích có thể khác biệt với các khuôn mẫu về giới tính hoặc sắc tộc.

Làm thế nào để tạo ra môi trường học như vậy?

Dưới đây là một vài gợi ý để giáo viên có thể tạo ra một môi trường học tích cực, an toàn và phong phú:

- ◆ Sắp xếp học liệu ngang tầm với của trẻ, để các em có thể lấy mà không cần sự trợ giúp.
- ◆ Tạo ra một môi trường vui vẻ và đầy màu sắc, không quá bận rộn hoặc choáng ngợp – chúng ta muốn có một môi trường vui vẻ mà yên tĩnh.
- ◆ Sử dụng một số hình ảnh của trẻ và gia đình trẻ trong lớp học.
- ◆ Thường xuyên trang trí hay trưng bày các sản phẩm của trẻ.
- ◆ Sử dụng các đồ vật trang trí trong lớp học thể hiện cho văn hóa gia đình trẻ.
- ◆ Thường xuyên thay đổi các vật trưng bày để giữ cho mọi thứ được thú vị.
- ◆ Sử dụng giọng điệu tích cực khi trả lời trẻ.
- ◆ Khen ngợi tất cả những cố gắng và nỗ lực của trẻ, không chỉ giới hạn ở những câu trả lời đúng.
- ◆ Cố gắng tìm hiểu sở thích và văn hóa của trẻ.



- ◆ Sử dụng bản in từ môi trường văn hoá hay cộng đồng của trẻ em (thực đơn, báo, nhãn mác thực phẩm, v.v.).
- ◆ Các trẻ trai và trẻ gái có cơ hội bình đẳng để thể hiện bản thân và tham gia vào các hoạt động tương tác có chất lượng (Tránh sử dụng các ngôn ngữ như “Con trai không được khóc!” hoặc “Con gái phải gọn gàng, sạch sẽ và không được làm bẩn!”). Những kiểu nhận xét như vậy tạo ra định kiến về giới và tác động tiêu cực đến môi trường tích cực và an toàn.
- ◆ Giáo viên hỗ trợ và khuyến khích trẻ thử các hoạt động mới và phù hợp với sở thích của trẻ ngay cả khi điều đó đi ngược lại vai trò giới truyền thống.

Hãy thực sự tìm hiểu trẻ thay vì đưa ra những giả định về trẻ dựa trên giới tính hoặc dân tộc của trẻ.

Tại sao thành tố này lại quan trọng?

Quá trình học một ngôn ngữ mới đòi hỏi phải chấp nhận rủi ro. Khi trẻ cảm thấy không an toàn, lo lắng, buồn chán hoặc căng thẳng, trẻ sẽ không thể học tập hiệu quả được. Trẻ cần được cảm thấy an toàn và yên tâm trong môi trường học của mình khi thực hành ngôn ngữ mới. Hãy nhớ lại những kiến thức về quan sát trẻ theo quá trình. Trẻ cần có cảm giác thoải mái và sự tham gia cao để đảm bảo quá trình học sâu và hiệu quả. Nếu mức độ thoải mái và sự tham gia của trẻ thấp, điều này có thể ảnh hưởng tới việc học ngôn ngữ mới của trẻ. Vòng tròn đầu tiên này liên quan trực tiếp đến việc đảm bảo các điều kiện để có mức độ cảm giác thoải mái và sự tham gia cao.



Các nhiệm vụ có ý nghĩa là gì?

Một nhiệm vụ có ý nghĩa là một bài học được thiết kế dựa trên bối cảnh của trẻ nhằm phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cụ thể. Tuy nhiên, các nhiệm vụ có ý nghĩa không nhất thiết lúc nào cũng phải là một bài học đặc biệt được thiết kế một cách hoàn hảo. Đó có thể là bất kỳ khoảnh khắc ý nghĩa nào trong ngày mà giáo viên tận dụng được để hỗ trợ phát triển ngôn ngữ cho trẻ. Dù là trong một nhiệm vụ có ý nghĩa ở một bài học hay các nhiệm vụ có ý nghĩa diễn ra trong suốt cả ngày học, giáo viên nên chú ý đến ba điểm sau: cung cấp ngôn ngữ phong phú, các cuộc trò chuyện thực tế và phản hồi cho trẻ (Hadianto et al., 2022).

Làm thế nào để đưa ra các nhiệm vụ có ý nghĩa?

- ◆ Lên kế hoạch bài học dựa trên sở thích, trải nghiệm và văn hóa của trẻ.
- ◆ Sử dụng các hoạt động có ý nghĩa như một cơ hội để tất cả trẻ đều có thể tham gia vào mọi hoạt động (bất kể giới tính hay sắc tộc nào). Ví dụ: Ở góc nấu ăn, các trẻ trai cũng có thể làm công việc nấu nướng; Ở góc phân vai, trẻ gái cũng có thể làm cảnh sát...
- ◆ Sử dụng các hoạt động hàng ngày trong lớp để dạy ngôn ngữ (giờ ăn, xếp hàng, giờ chơi, v.v.)
- ◆ Tái hiện lại các hoạt động hàng ngày như đi chợ, đi khám bệnh, ... để dạy trẻ từ mới.
- ◆ Chọn những nhiệm vụ trẻ có thể chủ động dẫn dắt, thử nghiệm và khám phá.
- ◆ Lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ có liên kết một cách tự nhiên đến hoạt động học.
- ◆ Thiết kế các nhiệm vụ mở (có nhiều phương án và giải pháp khả thi).

Tại sao thành tố này lại quan trọng?

Trẻ em cần cảm thấy có kết nối với những gì chúng đang học và hiểu cách sử dụng ngôn ngữ theo những cách thực tế và tự nhiên nhất. Trẻ sẽ cảm thấy có động lực hơn nếu chúng có thể thấy mục đích và ý nghĩa của những gì mình đang học. Điều này có nghĩa là hoạt động cần được kết nối với những trải nghiệm và thói quen hàng ngày của trẻ. Nhiệm vụ có ý nghĩa cũng mang đến cho trẻ những cơ hội để khám phá vai trò mới và thực hành cách sử dụng ngôn ngữ khác nhau để hoàn thành những vai trò đó.

Hỗ trợ trọng tâm thông qua tương tác có nghĩa là gì?

Ngôn ngữ của trẻ được phát triển thông qua tương tác đời thực giữa giáo viên với trẻ cũng như giữa trẻ với trẻ. Giáo viên cần hỗ trợ một cách cụ thể và có trọng tâm trong khi tương tác với trẻ. Điều này bao gồm những phương pháp hỗ trợ từng bước nhỏ khác nhau (Scaffolding: phương pháp bắc giàn giáo). Khi đưa ra các phản hồi cho trẻ, giáo viên cần phải luôn tích cực và có chủ đích. Có ba cách để hỗ trợ trẻ từng bước một cách có trọng tâm thông qua các tương tác là: Cung cấp ngôn ngữ phong phú, trò chuyện một cách thực tế, và đưa ra những phản hồi và hỗ trợ.

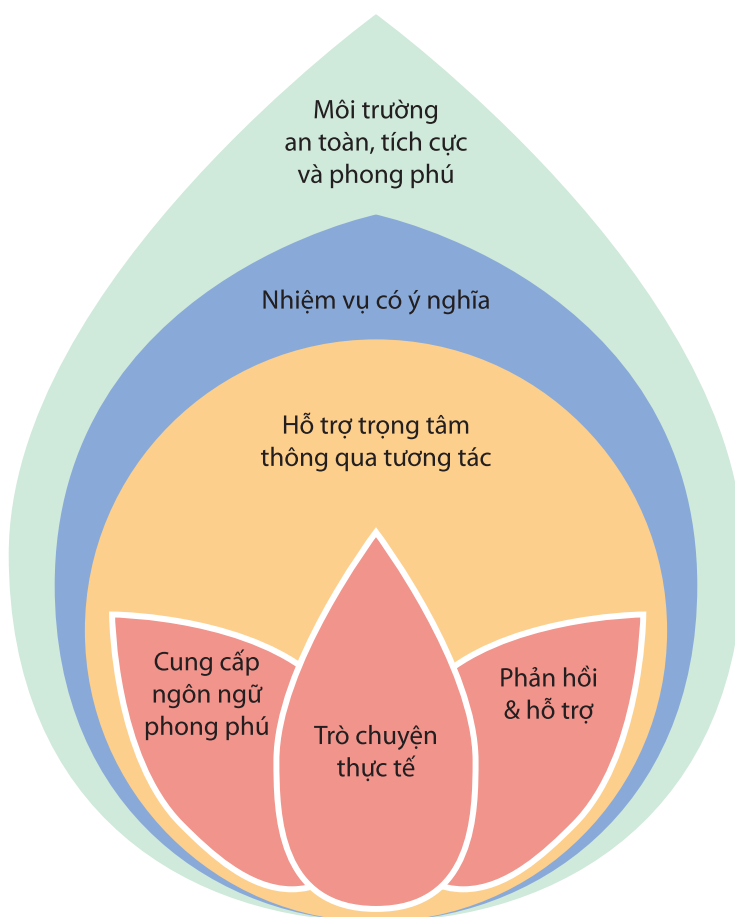
Làm thế nào để đưa ra các nhiệm vụ có ý nghĩa?

- ◆ **Cung cấp vốn ngôn ngữ phong phú:** Cung cấp ngôn ngữ phong phú là cách hướng dẫn cho trẻ những từ mới hay cách sử dụng ngôn ngữ mới phù hợp với trình độ thông qua các bài học hoặc hoạt động hàng ngày. Điều này sẽ giúp trẻ mở rộng vốn ngôn ngữ mới và giáo viên cũng sẽ lưu tâm tới điều này một cách có chủ đích hơn.
 - o Ngôn ngữ giáo viên sử dụng khi giao tiếp với trẻ cần phù hợp với khả năng của từng trẻ.
 - o Điều chỉnh ngôn ngữ khi nói chuyện với trẻ.
 - o Cung cấp ngôn ngữ phù hợp với ngữ cảnh và trực quan cho trẻ.
- ◆ **Các cuộc trò chuyện thực tế:** Trò chuyện thực tế có nghĩa là thực sự gắn kết với trẻ trong các cuộc thảo luận, trò chuyện và đặt câu hỏi. Giáo viên cần cố gắng để tâm đến những gì trẻ đang nói và dẫn dắt cuộc trò chuyện theo một cách tự nhiên. Điều này có thể diễn ra trong sinh hoạt hàng ngày, trong hoạt động học và các hoạt động khác. Giáo viên cũng cần khuyến khích cuộc trò chuyện thực tế giữa các trẻ.
 - o Sử dụng đa dạng nhiều loại câu hỏi.
 - o Mở rộng hội thoại dựa trên ý tưởng và sở thích của trẻ.
 - o Tạo không gian tương tác giữa giáo viên với trẻ và giữa trẻ với trẻ.
 - o Tạo những khoảnh khắc hoặc tình huống để trẻ trò chuyện thực tế và một cách tự nhiên với nhau; giáo viên có thể hỗ trợ trẻ nếu cần để bắt đầu chủ đề trò chuyện.
 - o Kể lại những việc mà giáo viên hoặc trẻ đang làm (kết hợp lời nói và cử chỉ, điệu bộ).
- ◆ **Đưa ra phản hồi và hỗ trợ:** Phản hồi và hỗ trợ có thể bằng lời nói hoặc bằng các hình thức khác để hỗ trợ cho trẻ. Điều này đề cập đến cách giáo viên phản hồi với trẻ và phản ứng của giáo viên hỗ trợ sự phát triển ngôn ngữ của trẻ như thế nào. Nó cũng bao gồm các khía cạnh khác khi tổ chức các hoạt động học như: thời gian của các hoạt động, đồ dùng vật liệu bổ sung, hình ảnh trực quan, v.v.
 - o Giáo viên cố gắng hiểu trẻ đang muốn nói điều gì.
 - o Hỏi trẻ thêm các câu hỏi để làm rõ ý tưởng.
 - o Đưa ra gợi ý cho trẻ.
 - o Chỉnh sửa lỗi sai một cách gián tiếp.
 - o Lặp lại và mở rộng thêm những gì trẻ đang nói.

Tại sao thành tố này lại quan trọng?

Khi học ngôn ngữ, trẻ em cần được hỗ trợ và phản hồi cụ thể. Đây là phương pháp bắc giàn giáo có chủ đích cả trong quá trình chuẩn bị bài giảng và trong khi tổ chức hoạt động thông qua tương tác. Như đã học trong mô-đun 2, ngôn ngữ phát triển thông qua các tương tác và thông qua những phản hồi từ môi trường. Phản hồi mà giáo viên cung cấp cho trẻ sẽ giúp trẻ điều chỉnh ngôn ngữ và học nhanh hơn.

Các mô tả nêu trên không phải là một bảng kiểm hay dùng để đánh giá giáo viên. Thay vào đó, giáo viên có thể sử dụng để chuẩn bị bài giảng hoặc để suy ngẫm sau khi thực hiện xong một hoạt động.



Học viên có thể tìm thấy thông tin chi tiết về các thành tố cơ bản của môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong phụ lục A.

THỰC HÀNH: 55 PHÚT

Hoạt động 3: Phân tích môi trường học tập giàu ngôn ngữ

Bảng hình - Làm việc nhóm lớn

Thảo luận nhóm lớn: 5 phút

- ♦ Giới thiệu bộ thẻ môi trường học tập giàu ngôn ngữ và cách sử dụng bộ thẻ này.

Làm việc nhóm nhỏ: 20 phút

- ♦ Giảng viên chiếu các đoạn phim ngắn về môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong đường dẫn: <https://www.youtube.com/watch?v=q9gZWgoBcLU> hoặc scan mã QR bên cạnh:
 - o Đoạn 1: Giới thiệu về cô giáo Jelke 22:46-26:00
 - o Đoạn 2: Cô giáo Jelke 13:35-19:20
 - o Đoạn 3: Đoạn phim trẻ chơi với búp bê hoặc cô giáo Jelke 28:10-30:55
- ♦ Giảng viên phát cho mỗi nhóm một bộ thẻ môi trường học tập giàu ngôn ngữ. Sau khi xem xong mỗi đoạn phim, mỗi nhóm chọn 1 thẻ thể hiện điều mà giáo viên trong đoạn phim đã làm tốt và 1 thẻ thể hiện điều giáo viên có thể làm tốt hơn. Các nhóm giải thích cụ thể điều mà giáo viên đã làm tốt hoặc điều gì có thể làm tốt hơn nữa trong đoạn phim.



Khung lí thuyết được chia thành các vòng tròn tách biệt, tuy nhiên học viên sẽ nhận thấy rằng các khái niệm và ví dụ này có sự liên quan và đan xen hỗ trợ lẫn nhau. Đó là việc tạo ra môi trường học tập và những điều kiện cần thiết cho việc học ngôn ngữ, chứ không phải tập trung vào khái niệm và khuôn khổ một cách rập khuôn.

Làm việc cá nhân: 5 phút

- ♦ Học viên nêu các ví dụ cụ thể đã quan sát được về bảy kĩ năng tiền đọc viết từ đoạn phim trên.
- ♦ Học viên có thể áp dụng những ý tưởng này như thế nào trong lớp học?

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Chia học viên thành các nhóm gồm ba thành viên.
- ♦ Giảng viên phát cho từng nhóm bộ thẻ gồm các phát biểu đã được cắt rời sẵn (Phụ lục C của tài liệu).
- ♦ Học viên thảo luận trong nhóm và quyết định xem các phát biểu đó thuộc vòng tròn nào của môi trường học giàu ngôn ngữ.

Lưu ý dành cho người giảng viên:

Các đặc điểm của môi trường học tập giàu ngôn ngữ không phải là một bảng kiểm gồm các tiêu chí để đánh giá giáo viên. Các đặc điểm này được sử dụng khi giáo viên chuẩn bị bài giảng hoặc để suy ngẫm sau khi tổ chức xong một hoạt động dạy học.

Hoạt động 4: Mối liên hệ giữa môi trường học tập giàu ngôn ngữ với sự tham gia và cảm giác thoải mái của trẻ

Nền tảng quan trọng để giáo viên có thể thiết lập một môi trường học tập giàu ngôn ngữ là tập trung vào cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ. Chúng tôi khuyến khích giáo viên dành thời gian để nghiên cứu thêm về “Quan sát trẻ theo quá trình” được giới thiệu bởi VVOB. Kỹ năng quan trọng đầu tiên mà giáo viên cần có là khả năng quan sát cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong lớp học. Khi trẻ cảm thấy an toàn, được quan tâm và có cảm giác thoải mái, trẻ sẽ có khả năng tham gia vào các hoạt động học tốt hơn và có mức độ thoải mái cao hơn. Hơn nữa, đảm bảo các hoạt động vừa phù hợp với khả năng, vừa mang tính thử thách (có hỗ trợ) đối với trẻ là một khía cạnh quan trọng để tăng cường ‘sự tham gia’. Môi trường học tập giàu ngôn ngữ là một trong những phương pháp sư phạm để nâng cao cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ.

Làm việc nhóm lớn: 5 phút

- ♦ Giảng viên giải thích mối liên quan giữa môi trường học tập giàu ngôn ngữ với quan sát trẻ theo quá trình và các khái niệm cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ.
- ♦ Yêu cầu học viên đọc nội dung trong bảng dưới đây.

Dưới đây là những ví dụ cụ thể về một số nguyên nhân dẫn đến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ cao hay thấp.

Cảm giác thoải mái và sự tham gia thấp		Cảm giác thoải mái và sự tham gia cao	
Các hoạt động buồn tẻ, nhàm chán	Đứa trẻ bị phân tâm, rời mắt khỏi phần nội dung hoặc công việc chính hoặc tham gia vào một hoạt động khác.	Thiết kế những bài học thú vị và hấp dẫn	Những bài học của giáo viên càng hấp dẫn thì trẻ sẽ càng vui vẻ trong lớp học và trẻ sẽ học tốt hơn. Nội dung bài học cần được xây dựng dựa trên sở thích của trẻ.
Giọng điệu tiêu cực	Cô giáo nói lớn tiếng hoặc thở dài khi trẻ phát âm sai	Thái độ và ngôn ngữ cơ thể của giáo viên cần phải tích cực	Thái độ của giáo viên có thể hình thành thái độ và hành vi của trẻ. Giáo viên cần giữ thái độ tích cực và tràn đầy năng lượng khi tương tác với trẻ.
Quá nhiều nhiệm vụ	Giáo viên cung cấp một lượng nhiệm vụ, bài tập quá sức đối với lứa tuổi của trẻ.	Lập kế hoạch bài học phù hợp với lứa tuổi và trình độ của trẻ.	Hãy suy ngẫm về giai đoạn phát triển của trẻ khi thiết kế bài học và sắp xếp thời gian cho các hoạt động. Đảm bảo có đủ thời gian để tổ chức hoạt động thành công.
Không đủ thời gian	Giáo viên cho trẻ thời gian không đủ để hoàn thành một bài tập hoặc một nhiệm vụ học.		
Sửa lỗi sai cho trẻ nhưng không đúng cách	Giáo viên la mắng trẻ vì đã dùng sai một từ và lớn tiếng sửa lỗi sai của trẻ trước cả lớp.	Sửa lỗi gián tiếp cho trẻ.	Sử dụng những cách gián tiếp để sửa các lỗi sai cho trẻ, ví dụ: nói lại bằng một cách đúng.
Nhiệm vụ hoặc nội dung học quá dễ hoặc quá khó	Hoạt động ở mức độ cao hơn hoặc thấp hơn nhiều so với trẻ.	Tìm hiểu thêm về trẻ của mình trong lớp.	Khi biết được khả năng của trẻ, có thể giáo viên sẽ tránh được việc thực hiện các hoạt động quá dễ hoặc quá khó. Một hoạt động học có thể được tổ chức ở nhiều cấp độ khó khác nhau.

Môi trường không thân thiện	Không khí lớp học buồn tẻ, thiếu sôi nổi.	Văn hóa của trẻ được tôn trọng trong lớp học. Lớp học là không gian chung, giống như ngôi nhà của giáo viên và trẻ. Giáo viên có thể cùng trẻ trang trí lớp học để trẻ cảm thấy thoải mái trong không gian chung này.	Giáo viên không chỉ tôn trọng sự khác biệt của từng trẻ mà còn đảm bảo trẻ tôn trọng lẫn nhau và can thiệp kịp thời nếu thấy trẻ có những hành vi không phù hợp. Tìm hiểu những trò chơi yêu thích của trẻ và những gì trẻ thường làm nhân dịp cuối tuần. Điều này sẽ giúp giáo viên hình thành tình cảm thân thiết với trẻ của mình.
Ép trẻ nói – tình huống căng thẳng cao độ	Giáo viên yêu cầu trẻ nhắc lại từ trước lớp.	Hãy kiên nhẫn với trẻ của bạn. Giáo viên cũng có thể học một chút tiếng mẹ đẻ của trẻ. Giáo viên thói quen có thể dự đoán được.	Giáo viên cần nắm chắc về các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ để đảm bảo không ép buộc trẻ nói khi trẻ chưa sẵn sàng. Giáo viên nên học một chút tiếng mẹ đẻ của trẻ. Điều này sẽ khiến trẻ cảm thấy được tôn trọng và có cảm giác an toàn và thân thiện. Đôi khi chỉ cần học cách nói “Xin chào! Con có khỏe không?” bằng ngôn ngữ của trẻ, giáo viên cũng làm trẻ cảm thấy hạnh phúc. Khi nắm rõ nề nếp, trẻ sẽ cảm thấy an tâm và chủ động hơn thay vì phải loay hoay dự đoán những việc sắp xảy ra.



Làm việc nhóm: 10 phút

- ♦ Chia học viên thành các nhóm gồm 5 thành viên.
- ♦ Mỗi nhóm dành 5 phút để nghiên cứu tình huống của nhóm mình.
- ♦ Mỗi nhóm dành 10 phút để thảo luận những giải pháp dựa trên các thành tố chính (3 vòng tròn) của môi trường học tập giàu ngôn ngữ và sơ đồ phía trên.

Làm cách nào để tôi biết điều gì dẫn tới cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ thấp?

Hãy theo dõi mức độ thoải mái và sự tham gia của từng trẻ dựa trên thang đo và dấu hiệu nhận biết cụ thể. Đây cũng là cơ hội để giáo viên tự nhìn nhận và đánh giá lại các phương pháp giảng dạy của chính mình.

Giáo viên có đang tạo ra một môi trường thân thiện và đủ an toàn để trẻ chấp nhận rủi ro không? Khi giáo viên nhận thấy rằng một đứa trẻ không tham gia vào các hoạt động học, trông có vẻ bức bối hoặc đang không học, hãy đối chiếu với bảng ở phía trên và thử tìm cách gỡ bỏ các rào cản đó. Hãy thử các phương pháp khác nhau và quan sát nếu đứa trẻ phản hồi khác lạ.

Nghiên cứu tình huống - Làm việc nhóm

Học viên hãy đọc tình huống cùng các thành viên khác trong nhóm và suy ngẫm xem giáo viên có thể làm gì từ những điều đã học được về môi trường học giàu ngôn ngữ để hỗ trợ những trẻ này học tốt hơn?

Tình huống 1

Bé A Sinh (bé trai, 4 tuổi) là người dân tộc H'mông. Ở nhà, A Sinh giao tiếp với bố mẹ bằng tiếng H'Mong và gần như không bao giờ nói chuyện bằng tiếng Việt. A Sinh đã đi học được 6 tháng. A Sinh học tiếng Việt khi bắt đầu đến trường và cho đến nay A Sinh chưa nói được nhiều tiếng Việt (chỉ nói một vài từ hay những cụm từ ngắn).

A Sinh rất thích đi học vì đến trường A Sinh được vui chơi. Tuy nhiên, A Sinh không muốn tham gia các hoạt động ở góc đọc sách. A Sinh chỉ tới góc đọc sách khi nhìn thấy cô ngồi đọc cùng các bạn. Những cuốn sách ở góc đọc có vẻ như không tạo hứng thú cho A Sinh bởi vì sách rất nhiều chữ và khi mở ra A Sinh không hiểu gì cả.



Tình huống 2

Cầm Di năm nay 5 tuổi, là trẻ dân tộc Nùng và đã đi học được hai năm. Cầm Di rất thích học tiếng Việt và có thể sử dụng tiếng Việt để hỏi giáo viên về các đồ vật và đồ chơi trong lớp.



Cầm Di cũng hỏi giáo viên rất nhiều câu hỏi khác nhau khi trẻ không hiểu điều gì đó. Mặc dù trẻ đôi khi còn mắc một số lỗi khi sử dụng ngôn ngữ nhưng giáo viên có thể hiểu trẻ đang muốn nói gì. Các bạn trong lớp không muốn chơi với Cầm Di và đôi khi cảm thấy rất khó hiểu những điều mà Cầm Di nói bằng tiếng Việt. Thỉnh thoảng, các bạn cười Cầm Di vì bé nói tiếng Việt không chính xác.

Tình huống 3

Duy đã đi học được vài tháng. Duy năm nay 3.5 tuổi và là người dân tộc Kinh. Duy thường phản hồi những câu hỏi của cô giáo bằng cách gật đầu đồng ý hoặc chỉ chính xác vào những bức tranh khi cô hỏi Duy. Giáo viên nói rằng Duy có thể hiểu những điều cô dạy bởi vì Duy có thể làm theo những hướng dẫn của giáo viên một cách chính xác. Tuy nhiên, Duy không trả lời được bằng tiếng Việt. Giáo viên của Duy cũng cảm thấy có thể chấp nhận được nếu Duy chỉ trả lời mình bằng cách dùng các cử chỉ hay hành động khi Duy chưa nói được thành lời. Giáo viên không ép Duy phải nói hay chia sẻ cảm nghĩ của mình khi Duy chưa sẵn sàng. Quá trình này diễn ra liên tục trong một thời gian.



Tình huống 4

Hương (4 tuổi, người dân tộc Bru – Vân Kiều) rất thích chơi ở góc xây dựng cùng với các bạn trong lớp. Khi chơi với các bạn ở góc này, nếu cần đồ chơi nào đó, Hương sẽ vớ tay và nói



với cô hoặc các bạn: “khối gỗ”, “viên gạch”, “cây”, hay “đưa”. Hương gặp khó khăn khi nói những câu đầy đủ. Đôi khi, Hương cảm thấy áp lực khi giáo viên yêu cầu: “Con phải nói đầy đủ câu với cô và các bạn chứ không được nói trống không hoặc cọc lốc như thế. Con đã hiểu chưa?”.

Tình huống 5

Y Hên là người dân tộc Ba Na. Năm nay, bé 5 tuổi và đã đến trường mầm non được 3 năm. Y Hên có thể giao tiếp với giáo viên hàng ngày hoàn toàn bằng tiếng Việt và có thể tham gia tất cả các hoạt động trong lớp mà không cần bất cứ sự hỗ trợ nào thêm. Tuy nhiên, giáo viên vẫn thường giao cho Y Hên những nhiệm vụ hoặc yêu cầu quá dễ so với khả năng của Y Hên. Các hoạt động này thường không mấy thú vị với Y Hên.



Điều gì khiến cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ thấp?	Làm thế nào để hỗ trợ những trẻ này học tốt dựa trên những kiến thức đã học về môi trường học tập giàu ngôn ngữ?
..... 	

“Nếu trẻ em cảm thấy an toàn, trẻ có thể chấp nhận rủi ro, đặt câu hỏi, mắc sai lầm, học cách tin tưởng, chia sẻ cảm xúc và trưởng thành.”

Alfie Kohn

SUY NGẪM: 10 PHÚT

Hoạt động 5: Suy ngẫm

Làm việc cá nhân và chia sẻ với đồng nghiệp: 10 phút

- ♦ Xem lại nội dung đã học phần 1.2, mô-đun 1: Các giai đoạn phát triển ngôn ngữ.
- ♦ Suy ngẫm và trả lời câu hỏi sau: Việc tạo ra một môi trường học giàu ngôn ngữ góp phần hỗ trợ giáo viên như thế nào để có thể đáp ứng nhu cầu của những trẻ đang ở các giai đoạn phát triển ngôn ngữ khác nhau trong cùng một lớp học?
- ♦ Học viên chia sẻ với một đồng nghiệp khác.
- ♦ Giảng viên quan sát và lắng nghe phần trao đổi của học viên.

Gợi ý đáp án:

- ♦ Môi trường an toàn và tích cực đặc biệt hỗ trợ và có ý nghĩa đối với trẻ ở giai đoạn “im lặng”.
- ♦ Nhiệm vụ có ý nghĩa cho phép giáo viên giao các nhiệm vụ phù hợp với năng lực của trẻ.
- ♦ Khi hỗ trợ ngôn ngữ cho trẻ, giáo viên có thể điều chỉnh tùy theo khả năng của trẻ.
- ♦ Hỗ trợ phản hồi cho trẻ cũng được điều chỉnh dựa trên năng lực của trẻ.



Mục tiêu:

- ♦ Xác định những khoảnh khắc hàng ngày có thể được làm cho “giàu ngôn ngữ” hơn.
- ♦ Điều chỉnh những hoạt động và thói quen hàng ngày của trẻ nhằm làm phong phú các tương tác ngôn ngữ.

Các thuật ngữ chính

Những hoạt động có thể lồng ghép việc dạy học: Những cơ hội học tập bất ngờ, tự phát, nảy sinh từ các câu hỏi, sở thích hoặc hành động của trẻ, cho phép giáo viên đi sâu hơn vào một chủ đề và thúc đẩy sự tham gia.

Nói chuyện song song: Giáo viên mô tả những gì trẻ đang làm ngay thời điểm trẻ đang thực hiện các hoạt động đó.

Trò chuyện lấy trẻ làm trung tâm: Trò chuyện trực tiếp với trẻ về những gì trẻ đang làm.

Tự nói chuyện: Giáo viên mô tả những gì mình đang làm.

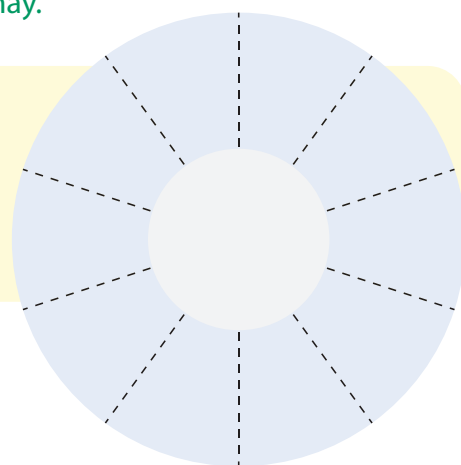
KẾT NỐI: 10 PHÚT

Hoạt động 1: Thời gian của giáo viên được sử dụng trong lớp như thế nào?

Làm việc theo cặp: 5 phút

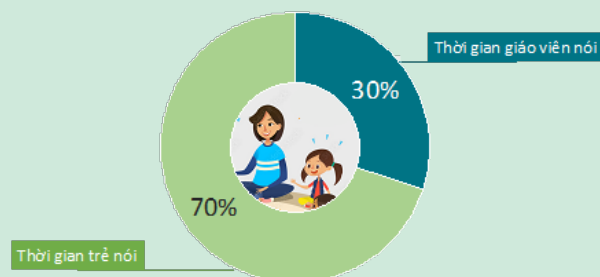
- ♦ Học viên sử dụng biểu đồ hình tròn sau đây để suy ngẫm và trả lời các câu hỏi bên dưới về việc sử dụng thời gian xuyên suốt một ngày trong lớp học.
- ♦ Giảng viên có thể cung cấp một ví dụ để học viên hiểu bài tập này.

Chia biểu đồ thành tỉ lệ phần trăm: Tỉ lệ thời gian giáo viên nói chiếm bao nhiêu phần trăm? Tỉ lệ thời gian trẻ nói chiếm bao nhiêu phần trăm?



GIÁO VIÊN CÓ BIẾT?!

Tỉ lệ phần trăm lí tưởng giữa “thời gian giáo viên nói” so với “thời gian trẻ nói” là 30% và 70%. Điều này có nghĩa là giáo viên chỉ nên nói 30% tổng thời gian trong ngày và cho trẻ cơ hội để nói 70% thời gian trong ngày. Đây có phải là tỉ lệ phần trăm giáo viên đã đưa ra ở câu trên?



Một môi trường học tập giàu ngôn ngữ là môi trường tổng thể được tạo ra trong lớp học nhằm thúc đẩy sự tương tác và ngôn ngữ. Điều này không chỉ bao gồm các bài học và hoạt động, mà còn cả những khoảnh khắc và thói quen sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở lớp. Giáo viên dành trung bình 8 giờ một ngày với trẻ của mình ở lớp, tương đương khoảng 1500 giờ một năm. Giáo viên có cơ hội thực sự tác động đến sự phát triển ngôn ngữ của trẻ trong những giờ này, nhưng chúng ta cần học cách tận dụng mọi khoảnh khắc, cơ hội, hay các thói quen sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

Phần lớn thời gian trong ngày trong lớp học của chúng ta được dành cho việc quản lí lớp học, thực hiện các thói quen hay các thủ tục hành chính khác. Điều này là hoàn toàn bình thường, đặc biệt trong giáo dục mầm non khi giáo viên cần quản lí lớp học và chăm sóc trẻ. Chúng ta cũng nên coi đây là những khoảnh khắc cho học tập và tận dụng những hoạt động đó để cung cấp ngôn ngữ cho trẻ, tham gia vào cuộc trò chuyện với trẻ một cách tự nhiên và cung cấp những phản hồi cho trẻ. Những khoảnh khắc này có thể là một cách tuyệt vời để hỗ trợ trẻ học ngôn ngữ chức năng (*Hadianto et al., 2022*).

Thảo luận: 5 phút

- ♦ Thảo luận theo các nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi sau: Những thời điểm nào trong ngày (không phải trong hoạt động học) mà giáo viên có thể tận dụng để tương tác ngôn ngữ với trẻ?
- ♦ Giảng viên yêu cầu học viên viết lên bảng những khoảnh khắc hàng ngày mà giáo viên có thể tận dụng để tương tác ngôn ngữ với trẻ (giờ ăn trưa, dọn dẹp, xếp hàng, cởi giày vào buổi sáng, v.v.).

HỌC TẬP: 45 PHÚT

Hoạt động 2: Phân tích những hoạt động trong sinh hoạt hàng ngày của trẻ trong lớp học mầm non

Băng hình - Làm việc nhóm lớn

Thảo luận nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Xem đoạn phim cô giáo đón trẻ vào buổi sáng: <https://youtu.be/q9gZWgoBcLU> (hoặc scan mã QR): Thời gian từ 2:40 đến 3:19.
- ♦ Thảo luận theo cặp: Cô giáo đã làm tốt điều gì để tạo ra môi trường học tập giàu ngôn ngữ? Điều gì cô ấy còn có thể làm tốt hơn nữa?
- ♦ Xem đoạn phim cô giáo Jelke + Hoạt động tư vấn của chuyên gia: Thời gian từ 3:20 đến 5:10.



Một số chiến lược giúp giáo viên có thể tương tác ngôn ngữ với trẻ trong các hoạt động.

Thảo luận nhóm lớn: 20 phút

- ♦ Chia học viên thành các nhóm gồm ba người. Mỗi người trong nhóm được giao một trong các chiến lược được liệt kê dưới đây.
- ♦ Mỗi người trong nhóm đọc kĩ các thông tin, chia sẻ và lấy ví dụ để giải thích với hai người cùng nhóm.

- o **Trò chuyện trực tiếp với trẻ về những gì trẻ đang làm:** Đây là cách mà giáo viên sử dụng lời để nói trực tiếp với một trẻ về những điều trẻ đang làm ngay tại thời điểm nói. Hãy đảm bảo luôn đủ thời gian chờ để trẻ phản hồi lại giáo viên.

Ví dụ: Giáo viên nhận thấy trẻ đang ăn táo vào bữa trưa. Giáo viên nói: “Con có thích táo không? ... Vì sao con thích ăn táo?... Cô cũng thích ăn táo!”

- o **Tự nói:** Giáo viên mô tả cho trẻ những hành động mà mình đang làm.

Ví dụ: Giáo viên đang chuẩn bị cho một hoạt động mới trong lớp học. Giáo viên cần di chuyển ghế để tạo không gian. Khi di chuyển ghế, giáo viên nói: “Cô đang di chuyển những chiếc ghế này để có chỗ cho các con đấy.”

- o **Nói song song:** Giáo viên mô tả những gì trẻ đang thực hiện.

Giáo viên bước đến chỗ những trẻ đang chơi ở góc xếp hình. Một trẻ tên là Hằng đang xếp tất cả các khối gỗ thành một hàng. Giáo viên sử dụng lời nói để mô tả những gì trẻ đang làm. Giáo viên nói: “Ồ, cô thấy bạn Hằng đang xếp các khối gỗ thành một hàng thẳng và rất dài”.

THỰC HÀNH: 30 PHÚT

Hoạt động 3: Thay đổi cách tương tác với trẻ trong các hoạt động hàng ngày

Làm việc nhóm: 30 phút

- ♦ Học viên xem đoạn phim cô giáo Jelke tương tác với trẻ trong giờ ăn trưa (11:54-13:11 và 27:26-28:10).
- ♦ Yêu cầu học viên chỉ ra những tương tác ngôn ngữ của cô giáo Jelke với trẻ.
- ♦ Học viên hãy nghĩ về lớp học hoặc trường học của mình, thảo luận cùng các thành viên trong nhóm và điền vào bảng dưới đây.

Những thời điểm nào trong ngày giáo viên có thể tận dụng để tương tác và cung cấp thêm ngôn ngữ cho trẻ?	Làm thế nào giáo viên có thể làm điều đó?
◆ Giờ ăn bữa phụ hoặc ăn trưa ◆ Khi trẻ xếp hàng ◆ Khi trẻ tới lớp vào buổi sáng ◆ Khi trẻ chờ bố mẹ tới đón vào buổi chiều ◆ Trong khi chuyển tiếp giữa các hoạt động học ◆ Trong giờ chơi tự do hoặc giờ giải lao chơi ngoài trời ◆ Khi trẻ đi nhà vệ sinh	◆ Ngồi chơi và cùng trò chuyện với trẻ. ◆ Xây dựng nội dung hội thoại/ trò chuyện dựa trên sở thích hoặc kiến thức sẵn có của trẻ ◆ Hỏi trẻ những câu hỏi mở ◆ Giúp khơi gợi cuộc trò chuyện giữa các trẻ ◆ Cho trẻ làm chủ cuộc trò chuyện ◆ Tự nói chuyện: Giáo viên mô tả những gì mình đang làm trong khi đang thực hiện hành động đó. ◆ Trò chuyện: Giáo viên vừa quan sát và mô tả những gì trẻ đang làm trong khi trẻ đang thực hiện hoạt động nào đó. ◆ Dán một số hình ảnh/ biểu tượng trong nhà vệ sinh (ví dụ: hình ảnh rửa tay, khăn lau...). ◆ Để trẻ trò chuyện cùng nhau trong khi xếp hàng chờ tới lượt mình.

SUY NGẪM: 10 PHÚT

Hoạt động 4

Làm việc cá nhân: 10 phút

- ◆ Học viên suy nghĩ về một thời điểm cụ thể trong ngày mà họ sẽ bắt đầu thực hiện những cách làm khác để cung cấp thêm vốn ngôn ngữ phong phú cho trẻ cũng như trò chuyện một cách thực tế với trẻ.

Làm việc theo cặp: 5 phút

- ◆ Học viên chia sẻ những ý tưởng của mình với một đồng nghiệp khác.

Mục tiêu:

- ◆ Xác định được các nhiệm vụ có ý nghĩa.
- ◆ Thiết kế các hoạt động có ý nghĩa trong lớp học.

Các thuật ngữ chính

Nhiệm vụ có ý nghĩa: Một hoạt động dựa trên bối cảnh của trẻ để phát triển kĩ năng ngôn ngữ hoặc tận dụng những khoảnh khắc hàng ngày để thực hành ngôn ngữ.

KẾT NỐI: 10 PHÚT

Hoạt động 1: Nhiệm vụ có ý nghĩa là gì?

Thảo luận - Làm việc theo cặp

Các hoạt động có ý nghĩa không chỉ cần kết nối với cuộc sống hàng ngày của trẻ mà còn cần cung cấp những cơ hội phong phú để thực hành ngôn ngữ một cách chân thực.

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ◆ Giảng viên đề nghị tất cả học viên đứng dậy và cùng quan sát các hình ảnh được chiếu trên màn hình.
- ◆ Yêu cầu học viên chia sẻ những gì họ nghĩ về việc tạo ra một nhiệm vụ có ý nghĩa trong từng hình ảnh.
- ◆ Nếu học viên thấy hoạt động ở hình ảnh được chiếu là một nhiệm vụ có ý nghĩa với trẻ thì di chuyển lên phía trên của hội trường. Ngược lại, nếu học viên thấy hoạt động ở hình ảnh được chiếu là một nhiệm vụ ít hoặc không có ý nghĩa với trẻ thì di chuyển về phía cuối hội trường.
- ◆ Yêu cầu học viên giải thích lí do tại sao mình lựa chọn như vậy.

	Góc chơi này dường như là không gian để trẻ em đóng vai trong bữa ăn. Nó có thể rất có ý nghĩa vì nó trông giống như chiếc bàn ăn trong gia đình của trẻ. Nó cũng mang lại cho trẻ cơ hội sử dụng ngôn ngữ khi ngồi “ăn”.
	Hoạt động này cho trẻ thấy tất cả các em tô màu cùng một bức tranh. Nó có vẻ ít ý nghĩa hơn vì nó dường như là nhiệm vụ quá đơn giản với trẻ. Hoạt động này sẽ chỉ sử dụng để thực hành các kỹ năng vận động tinh.
	Trẻ được tham gia vào hoạt động đóng vai. Cách làm này sẽ tạo một góc chơi có ý nghĩa vì trẻ có thể sử dụng ngôn ngữ một cách “đời thực”.
	Hoạt động này có vẻ rất có ý nghĩa vì rõ ràng trẻ được phép tạo ra bất cứ thứ gì các em muốn hoặc có ý nghĩa đối với trẻ. Có vẻ như đây là những động vật và đồ vật gắn với đời thực. Điều quan trọng là phải đảm bảo việc sử dụng ngôn ngữ có ý nghĩa ở đây.
	Đây là một hoạt động có ý nghĩa vì trẻ đang tham gia vào một hoạt động có thật trong cuộc sống và cần sử dụng ngôn ngữ để tương tác.

Việc xác định một hoạt động có ý nghĩa hay không sẽ phụ thuộc vào đặc thù riêng của từng lớp học và trẻ. Hãy tự hỏi: Điều gì có ý nghĩa đối với cuộc sống của trẻ? Hàng ngày trẻ có những trải nghiệm gì? Ngôn ngữ nào là quan trọng với trẻ để học?

HỌC TẬP: 45 PHÚT

Hoạt động 2: Tạo góc chơi có ý nghĩa

Bảng hình - Làm việc theo cặp

Giảng viên sẽ hướng dẫn học viên xem đoạn phim về các góc chơi. Giảng viên có thể cho học viên xem đoạn phim nhiều lần nếu cần. Đường link: <https://youtu.be/PPc4neonszE>



Làm việc nhóm lớn/ Làm việc theo cặp: 35 phút

- ♦ Xem đoạn phim về cách tổ chức các góc chơi trong lớp học.
- ♦ Giảng viên có thể tạm dừng đoạn phim và sử dụng bảng để ghi lại câu trả lời và suy nghĩ của học viên.

Đây là hoạt động gì? Chủ đề của hoạt động này được lựa chọn như thế nào? (Clip 1:00-1:32)	Tóc/ tiệm làm tóc Trẻ bắt đầu đề cập đến sự khác biệt trên mái tóc của mình: độ dài của tóc, màu tóc, kết cấu tóc, v.v. Giáo viên quyết định sử dụng chủ đề mà các em đang quan tâm để tạo một góc chơi.
Ý tưởng ở góc chơi này được giới thiệu tới trẻ như thế nào? (Clip 1:32-1:50)	Giáo viên đọc truyện về tóc và cắt tóc. Cô và trẻ đã thực hiện một chuyến đi tưởng tượng tới một tiệm làm tóc, và nói chuyện về những công việc cần làm cũng như những đồ dùng cần thiết để mở một tiệm làm tóc.
Giáo viên đã khuyến khích và thu hút trẻ vào các hoạt động như thế nào? (Clip 1:50-2:58)	Đầu tiên, cả nhóm cùng suy ngẫm về các ý tưởng của mình và viết lại các ý tưởng đó về việc để mở một tiệm làm tóc thì cần những gì. Một số trẻ tham gia vào việc viết ra các bảng hiệu/ kí hiệu trong tiệm tóc.
Điều gì làm cho hoạt động học này có ý nghĩa? ♦ Từ mới được giới thiệu như thế nào? ♦ Trẻ có những cơ hội nào để sử dụng ngôn ngữ?	Giáo viên cung cấp các cơ hội thực tế để tương tác với ngôn ngữ: – Tạo danh sách đồ dùng cần mua cho tiệm làm tóc – Đóng vai trong góc chơi – Tạo biển hiệu cho góc chơi – Chuyển đi tưởng tượng đến tiệm làm tóc

Lưu ý:

Các góc của trẻ không phải lúc nào cũng cần có những vật liệu được làm hoàn hảo nhất. Sản phẩm do trẻ làm có thể trông không “hoàn hảo” nhưng chúng CÓ Ý NGHĨA hơn và sẽ tạo điều kiện cho trẻ hứng thú và học tập sâu sắc hơn.

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Học viên trình bày ngắn gọn ý hiểu của mình: “Thế nào là một nhiệm vụ có ý nghĩa?”

Nhiệm vụ có ý nghĩa là gì?

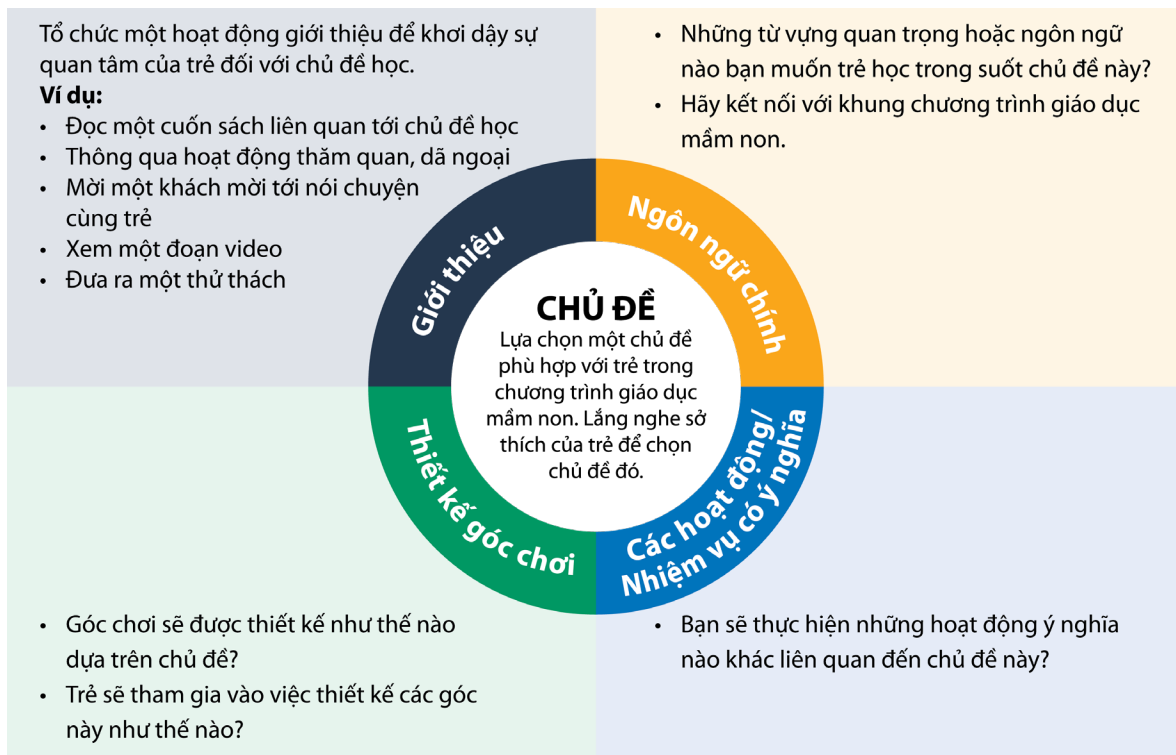
Nhiệm vụ có ý nghĩa là một chuỗi các hoạt động học tập được thiết kế có chủ đích và phù hợp, liên hệ tới cuộc sống hàng ngày của trẻ và sử dụng ngôn ngữ một cách có mục đích và có ý nghĩa. Các nhiệm vụ có ý nghĩa không cần phải hoàn thành trong một ngày. Giáo viên có thể dành nhiều ngày để tạo ra nhiều hoạt động có ý nghĩa khác nhau dựa trên cùng một chủ đề.

Các nhiệm vụ có ý nghĩa: Các đặc điểm chính

- Chủ đề phù hợp với đời sống hàng ngày của trẻ.
- Có chủ đích đưa ngôn ngữ mới vào các nhiệm vụ hay hoạt động học (vốn từ, cấu trúc câu, chữ cái, âm vị, sách...).
- Hoạt động yêu cầu trẻ sử dụng ngôn ngữ (nghe, đọc, viết hoặc nói) một cách tự nhiên.

“Một cách tự nhiên” tức là cách trẻ sử dụng ngôn ngữ giống như trong các hoạt động của đời sống hàng ngày. Ví dụ: trong đoạn phim trước, trẻ đã tạo một danh sách mua sắm. Đó là hoạt động mang tính đời thực. Nếu trẻ chỉ sao chép các từ vào vở của mình thì được xem KHÔNG phải là một hoạt động có ý nghĩa/mang tính đời thực (Honig, 2017)

Dưới đây là khung lí thuyết để giáo viên có thể suy nghĩ về các nhiệm vụ có ý nghĩa và phần mô tả các đặc điểm cụ thể.



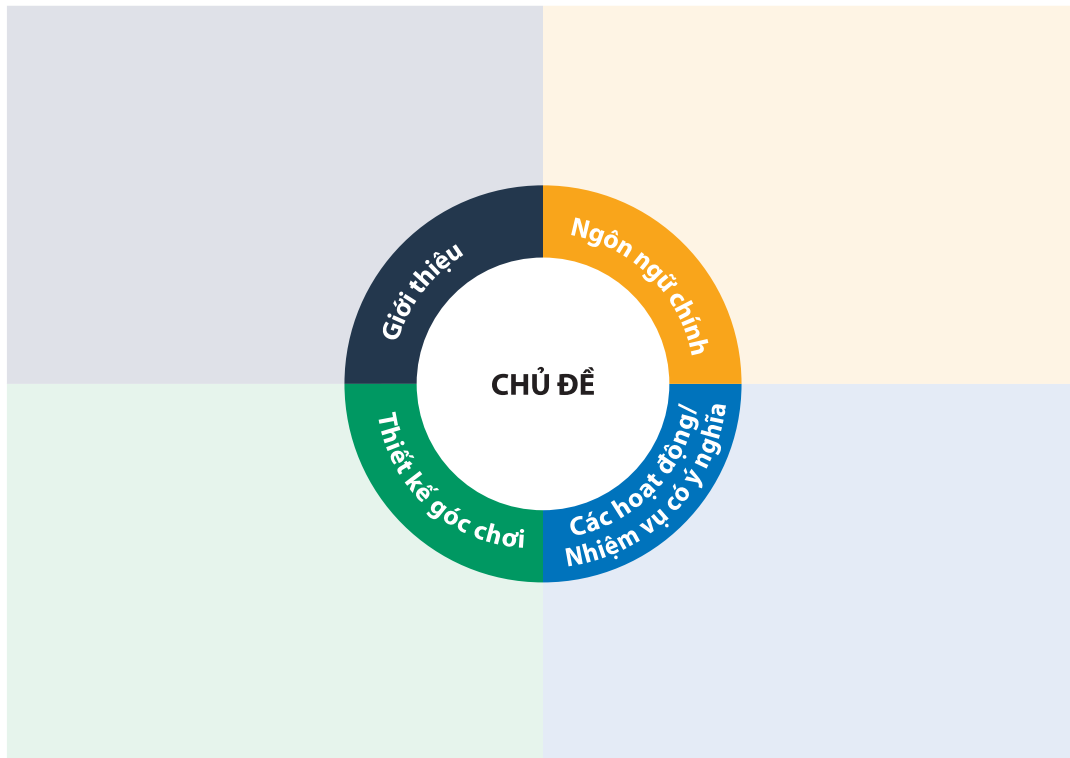
THỰC HÀNH: 55 PHÚT

Hoạt động 3: Thiết kế các nhiệm vụ có ý nghĩa

Làm việc nhóm: 10 phút

- ♦ Học viên điền vào khung bên dưới dựa trên đoạn phim đã được xem trong hoạt động trước.
- ♦ Học viên xem lại đoạn phim nếu cần.

Hãy suy ngẫm hoặc xem lại đoạn phim ở hoạt động học trước. Điền vào sơ đồ nhiệm vụ có ý nghĩa bên dưới dựa trên những gì học viên thấy trong đoạn phim.



Các câu trả lời gợi ý:

Giới thiệu:

- ♦ Giáo viên đọc sách với nội dung về tóc cho trẻ nghe.
- ♦ Giáo viên tổ chức các chuyến tham quan thực tế ảo.

Thiết lập góc:

- ♦ Trẻ lên danh sách các đồ dùng và vật liệu cần thiết.
- ♦ Trẻ tạo ra các biển báo và đồ trang trí cho góc.

Đầu vào ngôn ngữ:

- ♦ Trẻ em thực hành các câu hỏi như “Bạn đã sẵn sàng cho lịch làm tóc của mình chưa?”
- ♦ Từ mới như màu tóc và kết cấu tóc, các vai chơi (thợ làm tóc, khách hàng, thu ngân).



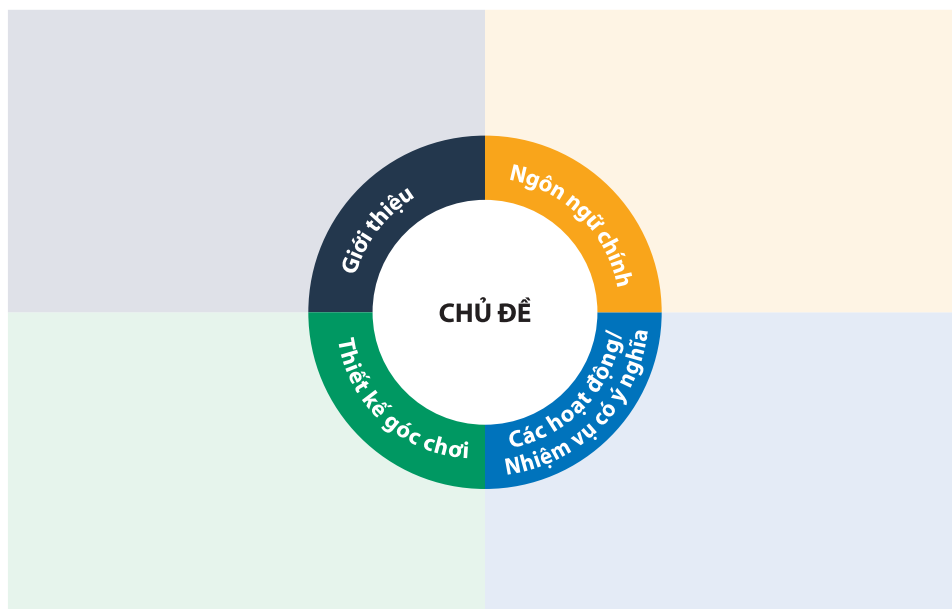
Hoạt động có ý nghĩa:

- Đóng vai trong góc - ngôn ngữ nói
- Quầy thu ngân – học toán
- Thực hành cắt tóc và kẹp tóc - vận động tinh
- Viết kí hiệu “ Lối thoát hiểm” - nhận thức về chữ cái và âm vị

Khung lí thuyết về các nhiệm vụ có ý nghĩa đề cập ở trên có thể giúp giáo viên kết nối chương trình giáo dục mầm non hiện hành với cuộc sống hàng ngày của trẻ và dạy ngôn ngữ cho trẻ theo một cách có ý nghĩa và hiệu quả hơn. Giáo viên hãy thực hành áp dụng khung lí thuyết này. Với một nhóm nhỏ, giáo viên chọn một chủ đề dựa trên chương trình giáo dục mầm non và sở thích trẻ. Sau đó, điền vào khung bằng cách sử dụng các câu hỏi hướng dẫn ở trên. Hãy chia sẻ ý tưởng của bạn với một nhóm khác.

Làm việc nhóm: 35 phút

- ♦ In khung lí thuyết này trên một tờ giấy khổ lớn.
- ♦ Mỗi nhóm sẽ chọn một chủ đề và điền vào khung này để lập kế hoạch để thực hiện các nhiệm vụ có ý nghĩa.



Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Treo các kết quả làm việc nhóm quanh phòng tập huấn.
- ♦ Học viên đi vòng quanh trong phòng để đọc ý tưởng của các học viên/ nhóm khác.

Các góc là cơ hội hoàn hảo để trẻ thử sức với các vai trò và hoạt động mới có thể thách thức định kiến về giới. Để trẻ khám phá những sở thích mới mà không phán xét; giáo viên thậm chí có thể khuyến khích trẻ thử điều gì đó mà bình thường trẻ không làm. Mặc dù việc để trẻ chọn góc của mình là điều bình thường - giáo viên nên đi xa hơn điều này và khuyến khích trẻ khám phá một điều gì đó mà thường ngày trẻ không có cơ hội. Điều này cho phép trẻ thử điều gì đó mới và xem liệu nó có khiến trẻ quan tâm không. Có thể trẻ sẽ khám phá ra một sở thích mới.

SUY NGẪM: 10 PHÚT

Hoạt động suy ngẫm:

Suy ngẫm - Làm việc cá nhân

Làm việc cá nhân: 5 phút

- ♦ Học viên quay trở lại các câu trả lời ở phần 4.1 và trả lời câu hỏi: Trong suy nghĩ của bạn, một môi trường học tập lí tưởng cho trẻ mầm non đã thay đổi như thế nào sau khi học xong nội dung này?

Làm việc theo cặp: 5 phút

- ♦ Thảo luận theo từng cặp và giải thích tại sao những ý tưởng của bạn về một môi trường học tập lí tưởng cho trẻ mầm non lại thay đổi sau phần nội dung này?
- ♦ Giảng viên yêu cầu học viên ghi lại những câu trả lời của mình trong tài liệu.
- ♦ Học viên chia sẻ những bài học mà học viên học được sau phần này.

Trông nó như thế nào? 	
Nghe nó như thế nào? 	
Cảm thấy nó như thế nào? 	

MÔ-ĐUN 4: CÁC HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG

Để hiểu sâu hơn về môi trường học tập giàu ngôn ngữ, học viên có thể xem thêm các đoạn phim dưới đây. Hãy sử dụng khung lí thuyết về môi trường học tập giàu ngôn ngữ trong Phụ lục A khi xem các đoạn phim này để phân tích những đặc điểm của môi trường học tập giàu ngôn ngữ.

Các câu hỏi gợi ý:

- ◆ Bạn thấy những thành tố nào của môi trường học tập giàu ngôn ngữ?
- ◆ Thành tố nào của môi trường học tập giàu ngôn ngữ (theo lí thuyết) mà bạn không thấy trong các đoạn phim?



Lập kế hoạch dạy & học cùng trẻ

<https://youtu.be/14931wQ1tVI>



Tích Hợp Văn Hóa vào Dạy Học

<https://youtu.be/KhlsLeW4pwU?si=PA7h8J8Eructfyl>



Hỗ trợ trẻ mầm non phát triển kĩ năng ngôn ngữ

<https://youtu.be/PdEpy-FNUak>

MÔ-ĐUN 4: THÔNG TIN THAM KHẢO

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ gồm 3 thành tố chính: Thành tố đầu tiên đó là môi trường học phải an toàn, tích cực và phong phú về mặt ngôn ngữ; thành tố thứ hai: các hoạt động học phải có ý nghĩa; thành tố thứ ba: trẻ cần được hỗ trợ một cách có trọng tâm thông qua các tương tác ngôn ngữ giữa giáo viên và trẻ. Thành tố thứ ba được đề cập chi tiết hơn ở khía cạnh thông qua các tương tác, bao gồm ở các mặt: cung cấp ngôn ngữ phong phú cho trẻ, trò chuyện thực tế, và đưa ra các phản hồi cho trẻ.

Một phần quan trọng trong môi trường học tập giàu ngôn ngữ là môi trường vật chất bao gồm sự đa dạng các bản in khác nhau trong lớp học. Đây có thể là các bản in truyền thống trong lớp học và bản in môi trường (sự khác nhau giữa hai dạng bản in này được mô tả bên dưới).

Chúng ta dễ dàng có thể tìm thấy rất nhiều dạng bản in khác nhau trong môi trường lớp học. Tuy nhiên, chúng ta sẽ phân biệt theo hai dạng bản in chính đó là: Bản in truyền thống và bản in môi trường. Bản in truyền thống trong lớp học là những gì bạn thường thấy trong lớp học: sách, bảng chữ cái, tên trẻ, bài thơ hoặc các loại nhãn. Bản in môi trường đề cập đến những bản in từ “cuộc sống thực” xung quanh trẻ có thể được mang vào lớp học và được sử dụng cho mục đích giảng dạy, ví dụ như thực đơn trong nhà hàng, biển báo giao thông, biển hiệu cửa hàng và vỏ bao bì hoặc nhãn thực phẩm... Mang bản in trong đời sống hàng ngày vào lớp học là một ví dụ cụ thể để tạo môi trường bản in có ý nghĩa hơn với trẻ. Trẻ sẽ học được cách sử dụng các ký tự và biểu tượng đó để trò chuyện trong đời sống hàng ngày. Cả bản in lớp học và bản in môi trường đều hữu ích đối với trẻ.

Việc tạo ra một môi trường học giàu bản in có thể sẽ tạo thêm nhiều công việc cho giáo viên mầm non trong khi giáo viên không có nhiều thời gian. Tham gia vào các hoạt động mà trẻ tự tạo ra các bản in trong lớp học, không chỉ mang lại trải nghiệm hấp dẫn và ý nghĩa hơn cho trẻ mà còn tiết kiệm thời gian cho giáo viên. Thiết kế và trang trí các bản in cho lớp học cùng với trẻ bằng cách sử dụng vật liệu tái chế giúp tiết kiệm cả thời gian và nguồn lực.

Bản in lớp học cơ bản	Bản in môi trường
	

Làm thế nào để tôi tạo một môi trường học tập có sự phong phú các bản in?

1. Tạo ra các bản in cùng trẻ và có liên quan đến trẻ:

Trẻ cần tham gia vào việc tạo ra bản in và trưng bày các bản in đó trong lớp học. Điều này giúp trẻ cảm thấy gắn kết hơn với bản in và hiểu mục đích của bản in trong lớp học. Việc trưng bày các bản in cần liên quan tới đời sống hàng ngày và văn hóa của trẻ. Điều này cũng cho phép trẻ cảm thấy được kết nối và có giá trị trong lớp học, đồng thời nâng cao hiểu biết của trẻ về thế giới quan xung quanh. Cần đảm bảo các bản in và việc trưng bày bản in trong lớp học thể hiện sự đa dạng về văn hóa và giới tính, không bao gồm các khuôn mẫu nhất định.

2. Tương tác thường xuyên với các bản in trong lớp học:

Các bản in cần được sử dụng trong lớp học chứ không chỉ đơn thuần chỉ để trưng bày. Các bản in này cần được sử dụng cho mục đích học tập. Trẻ cần được tham gia tích cực vào việc trang trí lớp học và các bản in. Giáo viên cũng cần sử dụng thường xuyên các bản in đó trong lớp học và trong các bài học của mình.

3. Cập nhật và thay đổi dựa trên các nội dung mới:

Khi các chủ đề thay đổi trong suốt cả năm học, hãy đảm bảo cập nhật và thay đổi cách trưng bày và các bản in trong lớp học. Điều này giữ cho lớp học hấp dẫn và thú vị cho các trẻ.

“Các nhà lãnh đạo của tương lai cần thấy mình được thể hiện trong những cuốn sách của ngày hôm nay.” - Ấn danh



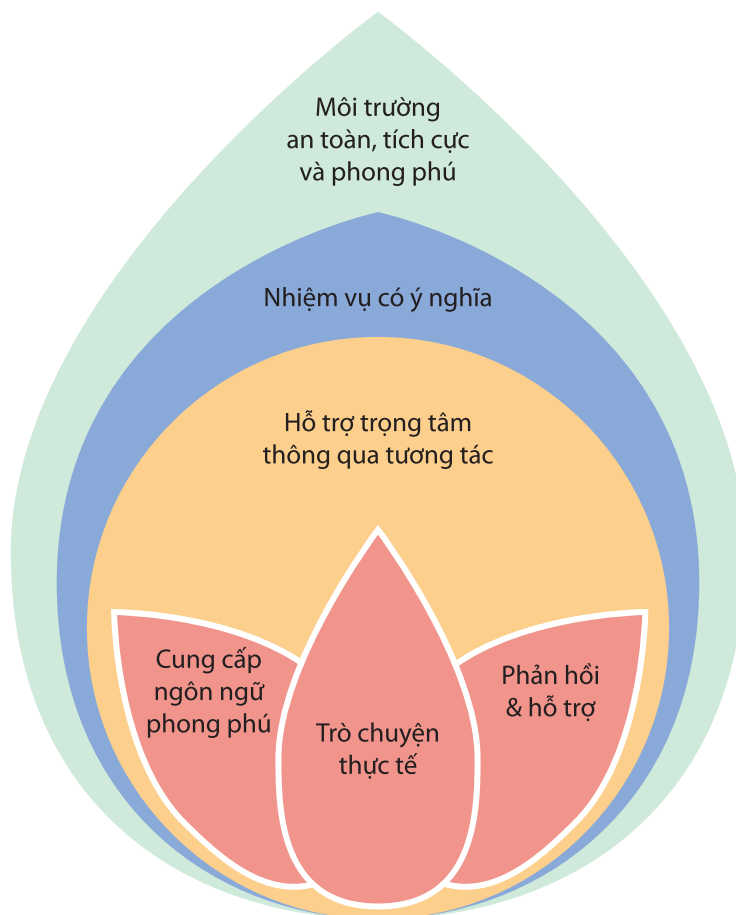
MÔ-ĐUN 5: HỖ TRỢ TRỌNG TÂM THÔNG QUA TƯƠNG TÁC



GIỚI THIỆU

Sau khi đã tìm hiểu những kiến thức cơ bản về việc tạo môi trường học tập giàu ngôn ngữ ở mô-đun 4, trong mô-đun này chúng ta sẽ học các kĩ thuật để cung cấp cho trẻ những hỗ trợ trọng tâm thông qua các tương tác. Hỗ trợ trọng tâm thông qua tương tác là một dạng kĩ thuật bắc giàn giáo. Nó cung cấp hỗ trợ cho trẻ ở mức độ có thể quản lí được và dựa trên những gì trẻ đã biết trước đây. Những kĩ thuật này sẽ phát huy hiệu quả tốt nhất khi nền tảng cơ bản về môi trường học tập giàu ngôn ngữ đã được thiết lập. Hãy lưu ý rằng, những kĩ thuật được giới thiệu trong mô-đun này là những miếng ghép trong một mô hình hoàn chỉnh, vì vậy cần đảm bảo duy trì môi trường tích cực, xây dựng các nhiệm vụ có ý nghĩa và luôn cung cấp hỗ trợ có trọng tâm và phát triển các nhiệm vụ có ý nghĩa.

Trong mô-đun này, học viên sẽ học cách: tổ chức các hoạt động góc trở nên ý nghĩa hơn, cách sử dụng đa dạng các câu hỏi và đưa ra phản hồi cho trẻ sao cho hiệu quả hơn. Đây là những kĩ thuật có thể được sử dụng trong suốt cả ngày và nên được tích hợp vào bài học cũng như khi giáo viên tương tác với trẻ.



HƯỚNG DẪN PHÂN BỐ THỜI GIAN MÔ-ĐUN 5

Nội dung	Thời lượng (phút)
5.1 Những vai trò khác nhau của giáo viên tại góc chơi	120
Kết nối	10
Học tập	45
Thực hành	55
Suy ngẫm	10
5.2 Đặt câu hỏi hiệu quả	120
Kết nối	10
Học tập	45
Thực hành	55
Suy ngẫm	10
5.3 Phản hồi thông qua tương tác	120
Kết nối	10
Học tập	45
Thực hành	55
Suy ngẫm	10
Tổng thời lượng	360 phút (6 giờ)

5.1 NHỮNG VAI TRÒ KHÁC NHAU CỦA GIÁO VIÊN TẠI GÓC CHƠI

Mục tiêu:

- ◆ Xác định chín kĩ thuật khác nhau giáo viên có thể áp dụng để tương tác với trẻ tại các góc chơi.
- ◆ Áp dụng chín kĩ thuật tại góc chơi trong lớp học.

Chuẩn bị



In và cắt rời phụ lục về chín kĩ thuật ở góc chơi (tên chín kĩ thuật, mô tả, ví dụ)



Các đồ chơi, đồ dùng có thể sử dụng tại các góc để thực hiện hoạt động đóng vai, áp dụng 9 kĩ thuật (đồ chơi có sẵn cho trẻ, đồ chơi động vật, mảnh ghép lego...)

KẾT NỐI: 10 PHÚT

Hoạt động 1: Thực tiễn hiện nay về việc tổ chức các hoạt động tại góc

Thảo luận - Làm việc theo cặp

Làm việc theo cặp: 10 phút

- ◆ Học viên đọc và trả lời các câu hỏi dưới đây cùng một học viên khác.

Hãy nghĩ về những góc hiện tại trong lớp học của mình hoặc những góc chơi ở trong trường hoặc trường mà bạn thường tới thăm. Trả lời các câu hỏi sau đây với một đồng nghiệp khác:

Bạn lựa chọn các góc chơi cho lớp học của mình như thế nào?	Ai là người xây dựng học liệu cho các góc chơi đó?
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

Hoạt động góc là một hoạt động phổ biến trong lớp học mầm non. Trong các hoạt động này, trẻ cần được khuyến khích chọn một góc phù hợp với sở thích và các hoạt động trong mỗi góc chơi nên có các mục tiêu học tập cụ thể liên quan đến nội dung, chủ đề của tuần đó hoặc ôn tập từ các tuần trước. Góc chơi là cơ hội hoàn hảo để trẻ tham gia vào tương tác xã hội. Đôi khi, trẻ cần sự hỗ trợ để bắt đầu hoặc duy trì tương tác trong các góc. Giáo viên có thể giúp đỡ điều này. Trong phần này, chúng ta sẽ tìm hiểu về các vai trò khác nhau mà giáo viên có thể đảm nhận để kích thích tương tác xã hội trong hoạt động chơi ở góc.

Các góc trong lớp học cũng có thể thay đổi hoặc điều chỉnh dựa trên nhu cầu và sở thích của trẻ. Các góc nên thể hiện những tình huống hàng ngày hoặc bối cảnh có ý nghĩa mà trẻ quen thuộc. Điều này sẽ giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả thông qua trò chơi đóng vai. Trong phần này, giáo viên sẽ học cách làm cho các góc trở nên có ý nghĩa và hấp dẫn hơn đối với trẻ.



HỌC TẬP: 45 PHÚT

Hoạt động 2: Tạo các góc chơi có ý nghĩa

Băng hình - Làm việc theo cặp

Hãy xem lại đoạn phim này. Lần này, hãy chú ý cách giáo viên tương tác với trẻ theo những cách khác nhau.

Làm việc nhóm lớn hoặc làm việc theo cặp đôi: 15 phút

- ♦ Xem đoạn phim sau đây về góc chơi và hoạt động chơi đóng vai. Đường dẫn tới đoạn phim: <https://youtu.be/PPc4neonszE>
- ♦ Yêu cầu học viên mô tả những cách khác nhau mà giáo viên tương tác với trẻ trong hoạt động này.



Điều gì bạn thấy mới lạ hoặc thú vị?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Hoạt động 3: Chín kĩ thuật tạo sự phong phú tại góc chơi

Trò chơi - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm lớn: 20 phút

Hoạt động:

- ◆ Hãy yêu cầu học viên đóng tài liệu của họ lại.
- ◆ Mỗi bàn (5 người) sẽ được phát các mảnh cắt ra từ bảng dưới đây.
- ◆ Ghép các mảnh cắt đó thành bảng hoàn chỉnh (khớp nối).
- ◆ Thảo luận chín kĩ thuật nhưng yêu cầu học viên không được mở tài liệu.

Khi trẻ đang chơi tại các góc, hầu hết giáo viên dành thời gian tập trung trông coi lớp học, đảm bảo trẻ tìm được góc chơi và hiểu những hướng dẫn của giáo viên. Đây là vai trò của giáo viên, nhưng nếu tập trung chính vào vai trò này sẽ khó có thể đem đến cho trẻ nhiều cơ hội học tập vui chơi. Khi dành nhiều thời gian hơn tại một góc chơi, giáo viên có thể tương tác nhiều hơn và hỗ trợ trẻ ở mức độ sâu hơn cho việc học của trẻ ở góc đó.

Trong phần này học viên sẽ được học một số kĩ thuật có thể áp dụng trong lớp học. Mỗi một kĩ thuật dưới đây sẽ tạo ra những cơ hội cho việc học và kích thích tương tác ngôn ngữ. Một vài kĩ thuật sẽ do giáo viên làm chủ trong khi một vài kĩ thuật khác trẻ có cơ hội chủ động hơn. Đôi khi giáo viên có thể kết hợp áp dụng nhiều kĩ thuật cùng một lúc, tuy nhiên tại một thời điểm giáo viên chỉ nên tập trung áp dụng một kĩ thuật. Điều quan trọng là cần phải dành đủ thời gian ở mỗi góc chơi.



Kĩ thuật	Mô tả	Ví dụ
Quan sát và giúp xây dựng góc chơi	Thông qua những cuộc trò chuyện ngắn với trẻ lúc bắt đầu hoạt động, giáo viên có thể phân vai cho trẻ và hướng dẫn trẻ biết chi tiết với vai trò đó trẻ sẽ làm gì, cần những vật dụng nào và điều gì sẽ diễn ra. Sau đó, giáo viên sẽ để trẻ chơi và bắt đầu quan sát. Giáo viên không tham gia vào hoạt động chơi nhưng sẽ quan sát những gì đang diễn ra. Giáo viên có thể mô tả bằng lời những điều mình quan sát. Thông qua việc quan sát, giáo viên có thể thu thập thông tin để sử dụng sau này (ví dụ: sở thích của trẻ, đồ dùng yêu thích, cấp độ và nội dung góc chơi...).	Giáo viên đến góc chơi đi chợ và hỏi: “Bạn nào bán trái cây vậy? Bạn nào bán cá vậy? Ai sẽ đi chợ và mua đồ? Các con sẽ làm gì? Các con cần mang theo gì? Mình đi chợ như thế nào nhỉ?”. Sau đó, giáo viên để trẻ chơi và quan sát trẻ. Giáo viên có thể mô tả điều mình thấy: “À, mẹ đang mua cà chua và đậu ở chợ này”.

Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ thông qua một quyển truyện đã được đọc	Giáo viên tạo một góc nơi trẻ có thể đóng vai trong cuốn truyện đã được đọc trước đó. Trẻ có thể chơi ở góc xây dựng, góc gia đình... tùy thuộc vào nội dung của truyện. Giáo viên có thể lựa chọn để sử dụng các chi tiết trong truyện ở các góc khác nhau. Hãy cung cấp cho trẻ các vật dụng cần thiết hoặc để trẻ tự thu thập và làm vật dụng cho góc chơi.	Giáo viên đưa trẻ quyển truyện có tựa đề “Chú vịt của Jules”, với một vài con vịt đồ chơi nhỏ, một chiếc áo phông có hình con vịt ở mặt sau áo.
Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ thông qua việc đóng vai	Giáo viên tự chọn và đóng một vai, sử dụng các vật dụng hỗ trợ. Thông qua việc đóng vai, giáo viên sẽ cho trẻ biết vai đóng ở ngoài đời thật diễn ra như thế nào.	Giáo viên đóng vai người mua hàng ở chợ: “Chào bác! Hôm nay tôi muốn nấu món ăn yêu thích cho hai đứa con của tôi.” Giáo viên quay sang hỏi hai đứa trẻ đóng vai con xem chúng muốn ăn món gì rồi quyết định món sẽ nấu. Sau đó, giáo viên nói tiếp với trẻ đóng vai người bán hàng: “Hôm nay tôi muốn nấu món thịt kho trứng cho con tôi. Tôi cần phải mua gì bác nhỉ? Nấu món này thì cần những nguyên liệu gì? Giá bao nhiêu hả bác?”
Cung cấp thông tin đầu vào cho trẻ bằng cách đưa ra vấn đề cần giải quyết	Giáo viên đóng vai trong trò chơi của trẻ và đưa ra một vấn đề/ tình huống cần giải quyết. Điều này sẽ giúp thêm ý tưởng cho trò chơi và là cơ hội để trẻ nói nhiều hơn.	Ở góc bán hàng, giáo viên đi đến người bán giày và hỏi: “Tôi muốn mua giày cho con trai tôi, nhưng nếu giày không vừa thì tôi phải làm như thế nào?”
Chơi cùng trẻ	Giáo viên tham gia chơi cùng trẻ. Trẻ là người dẫn dắt. Trẻ quyết định chúng sẽ làm gì. Giáo viên chỉ hỗ trợ và giúp trẻ tương tác với giáo viên hoặc giữa các trẻ với nhau.	Giáo viên tham gia vào một hoạt động tại góc xây dựng. Giáo viên nói: “Lớp mình xem bạn Ly đang làm gì này. Đây là một ý tưởng rất hay để xây một tòa tháp lớn hơn. Các con nghĩ sao?”



Thì thầm một vài ý tưởng với trẻ	Giáo viên chơi cùng trẻ. Trẻ là người dẫn dắt. Trẻ quyết định chúng sẽ làm gì. Thỉnh thoảng, giáo viên thì thầm vào tai của một trẻ và cho trẻ biết trẻ nên nói hoặc làm gì.	Giáo viên chơi cùng trẻ tại góc khám bệnh. Giáo viên thì thầm vào tai bác sĩ: “Con có thể hỏi: ‘Chị có đau ở đâu không? Có bị buồn nôn không?’”
Quản lí	Giáo viên không chơi cùng trẻ nhưng theo dõi những gì đang diễn ra ở các góc. Giáo viên chỉ đưa ra các hướng dẫn cho trẻ khi cần thiết.	“Mấy khối hình dạng để xây tháp để trong hộp kia”.
Đánh giá và rút kinh nghiệm cùng trẻ	Giáo viên thảo luận với một số trẻ hoặc cả lớp về trò chơi vừa rồi. Khuyến khích trẻ mô tả trẻ đã làm gì và bổ sung thành các câu trả lời hoàn chỉnh. Điều này sẽ thúc đẩy các trẻ khác vào các lần kế tiếp.	“Các con có nhớ người bán giày đã nói gì khi các con hỏi phải làm gì khi giày không vừa không?”
Cùng nhau tài liệu hóa và ghi chép	Giáo viên ngồi với trẻ để “ghi lại” những trải nghiệm, khám phá, kết luận hoặc những điều giáo viên và trẻ đã trao đổi.	“Vật nào chúng ta chưa nghĩ ra nhỉ? Cô trò mình cùng viết ra những gì chúng ta phải nghĩ cho lần tới nào”.

Bài tập viết - Làm việc nhóm lớn

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Học viên thảo luận câu hỏi sau đây.

Khi xem xong đoạn phim bạn nhận ra giáo viên trong đoạn phim đó đã áp dụng kĩ thuật nào trong chín kĩ thuật mà học vừa học?

.....

.....

.....

.....

.....

THỰC HÀNH: 55 PHÚT

Hoạt động 4: Các kĩ thuật trong thực tiễn!

Làm việc nhóm - Đóng vai

Làm việc nhóm: 55 phút

- ♦ Chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm gồm 5-6 học viên.
- ♦ Ở mỗi nhóm, một học viên sẽ đóng vai giáo viên (được giao một trong chín kĩ thuật). Những thành viên còn lại sẽ đóng vai là “trẻ” trong góc chơi.
- ♦ Các nhóm thực hành chơi trong 5 phút. “Giáo viên” sẽ tương tác với “trẻ” ứng với kĩ thuật được giao. Những học viên đóng vai trẻ sẽ phải đoán xem “giáo viên” đã áp dụng kĩ thuật gì.
- ♦ Học viên thảo luận các câu hỏi dưới đây trong nhóm:

1. Theo bạn, những vai trò/ kĩ thuật nào của giáo viên sẽ dễ hoặc khó thực hiện hơn?

.....

.....

.....

2. Bạn nhận thấy điều gì về mức độ tương tác của trẻ khi giáo viên thực hiện kĩ thuật đó?

.....

.....

.....

3. Bạn đã bao giờ sử dụng bất kì kĩ thuật nào trong số này chưa? Đây là kĩ thuật bạn chưa từng sử dụng (hoặc không sử dụng thường xuyên) và tại sao?

.....

.....

.....

4. Bạn muốn thử áp dụng ngay kĩ thuật nào trong chín kĩ thuật nêu trên?

.....

.....

.....

Hãy nhớ rằng giáo viên không cần phải áp dụng tất cả kĩ thuật mỗi ngày. Hãy bắt đầu một cách từ từ, chọn một kĩ thuật để thực hành và xem mức độ phản ứng của trẻ khi áp dụng kĩ thuật đó. Sau đó mới tiến tới thử áp dụng một số kĩ thuật khác.

SUY NGẪM: 10 PHÚT

Hoạt động 5: Kết nối với kĩ năng tiền đọc - viết và môi trường học tập giàu ngôn ngữ

Bảng hình - Làm việc nhóm lớn

Làm việc toàn thể: 10 phút

- ♦ Giảng viên chia lớp thành 8 nhóm nhỏ. Mỗi nhóm đảm nhiệm một trong những kĩ năng tiền đọc viết đã học trong mô-đun 3 và nhóm cuối cùng được giao đảm nhiệm những đặc điểm của môi trường học giàu ngôn ngữ.
- ♦ Giảng viên cho các nhóm xem đoạn phim phía trên và tìm ra những kĩ năng tiền đọc viết và những đặc điểm nào của môi trường học tập giàu ngôn ngữ có trong đoạn phim.
- ♦ Mỗi nhóm sẽ chia sẻ một điều mà nhóm mình quan sát được có liên quan tới các kĩ năng tiền đọc - viết hoặc các đặc điểm của môi trường học tập giàu ngôn ngữ.

Những ví dụ về kĩ năng tiền đọc viết và các đặc điểm của môi trường học giàu ngôn ngữ nào mà học viên thấy trong đoạn phim đã xem?

Kĩ năng tiền đọc - viết	Đặc điểm của môi trường học giàu ngôn ngữ
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

“...nhiệm vụ của giáo viên trước hết phải là nuôi dưỡng, và hỗ trợ, quan sát, khích lệ, hướng dẫn, khuyến nủ, thay vì can thiệp, áp đặt hoặc ngăn cấm.”

Maria Montessori

5.2 ĐẶT CÂU HỎI HIỆU QUẢ

Mục tiêu:

- ◆ Phân loại các dạng câu hỏi thường gặp khi giao tiếp với trẻ.
- ◆ Đánh giá ưu và nhược điểm của một số loại câu hỏi nhất định.
- ◆ Thực hành đặt các câu hỏi để thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ của trẻ.

Các thuật ngữ chính

Câu hỏi đóng: Là các câu hỏi mà có câu trả lời thường là có hoặc không. Các câu hỏi này thường có các câu trả lời ngắn gọn, hạn chế các cơ hội mở rộng đoạn hội thoại.

Câu hỏi mở: Những câu hỏi gợi ra câu trả lời dài hơn và/hoặc kích thích suy nghĩ sâu hơn của trẻ.

Chuẩn bị



Thẻ màu



Bút viết bảng

KẾT NỐI: 10 PHÚT

Hoạt động 1, phần 1: Các dạng câu hỏi

Bài tập viết - Làm việc nhóm

Làm việc cá nhân: 10 phút

- ◆ Giảng viên yêu cầu học viên viết ra tất cả các câu hỏi đã từng hỏi trẻ trong lớp của mình trong tuần vừa qua.
- ◆ Mỗi thẻ chỉ ghi một câu hỏi.
- ◆ Thu các tấm thẻ ghi chú và sắp xếp chúng trên giấy khổ lớn xung quanh phòng thành 2 dạng câu hỏi (tại thời điểm này, chưa tiết lộ tên dạng câu hỏi).



Lưu ý dành cho người giảng viên:

Dạng câu hỏi thứ nhất: Các câu hỏi hạn chế câu trả lời, hạn chế cơ hội mở rộng đoạn hội thoại,..

Dạng câu hỏi thứ hai: Những câu hỏi gợi ra câu trả lời dài hơn và/hoặc kích thích suy nghĩ sâu hơn của trẻ.

- ♦ Yêu cầu học viên thử đoán vì sao các câu hỏi được sắp xếp theo cách đó.

Giáo viên đã hỏi trẻ trong lớp của mình những câu hỏi gì trong tuần qua?

.....

.....

.....

.....

.....

Lưu ý dành cho người giảng viên:

Cố gắng sử dụng các gợi ý để khuyến khích học viên đặt tên cho các dạng câu hỏi. Hãy đặt câu hỏi cho học viên về sự giống nhau giữa các câu hỏi thuộc cùng một nhóm. Hỏi học viên tại sao có dạng câu hỏi được sử dụng thường xuyên hơn so với những dạng câu hỏi khác?

HỌC TẬP: 45 PHÚT

Khi trẻ học một ngôn ngữ, chúng có thể cần một số gợi ý, câu hỏi hoặc hỗ trợ có chủ đích từ giáo viên. Điều này hướng dẫn tư duy của trẻ và thúc đẩy trẻ suy nghĩ sáng tạo và trừu tượng hơn. Việc giáo viên quyết định chọn câu hỏi nào để sử dụng trong khi giao tiếp với trẻ phụ thuộc vào chủ đề và khả năng ngôn ngữ của trẻ. Trong phần này, học viên sẽ tìm hiểu các loại câu hỏi khác nhau và học cách sử dụng chúng hiệu quả với trẻ để thúc đẩy sự tương tác xã hội nhiều hơn.



Hoạt động 1, phần 2

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Giảng viên phân tích các dạng câu hỏi.
- ♦ Thảo luận về sự khác nhau giữa các dạng câu hỏi này.

Khi chúng ta phân tích các câu hỏi thường được sử dụng trong lớp học của mình, ta thường thấy rằng:

Chúng ta thường hỏi nhiều câu hỏi hạn chế câu trả lời, hạn chế cơ hội mở rộng đoạn hội thoại (ví dụ: Con có mệt không?) và chỉ có một số ít câu hỏi gợi ra câu trả lời dài hơn và/hoặc kích thích suy nghĩ sâu hơn của trẻ.

- ♦ Chúng ta tập trung vào những thông tin hoặc kiến thức mang tính dữ kiện (ví dụ: Đây là cái gì? Đây là màu gì?) thay vì các ý tưởng thể hiện quan điểm, lập luận, hay tư duy của trẻ.
- ♦ Chúng ta cung cấp quá ít thời giờ cho trẻ suy nghĩ trước khi trẻ trả lời câu hỏi.

Hoạt động 2: Các ví dụ

Bài tập viết - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm: 20 phút

- ♦ Giảng viên chia lớp thành 6 nhóm.
- ♦ Mỗi nhóm sẽ được giao một dạng câu hỏi và họ sẽ phải đưa ra hai ví dụ cho dạng câu hỏi đó.
- ♦ Mỗi nhóm được phát một tờ giấy khổ lớn để viết ra dạng câu hỏi họ được giao cùng với hai ví dụ minh họa.

Câu hỏi lựa chọn (cái này hay cái kia?)

Là những câu hỏi có thể trả lời bằng cách lựa chọn một trong hai phương án cho sẵn.

Ví dụ

- ♦ Con muốn ăn táo hay ăn xoài?
- ♦ Nó có màu xanh lá cây hay màu xanh da trời?

Câu hỏi “có/không?”

Đây là một loại câu hỏi đóng yêu cầu câu trả lời có hoặc không.

Ví dụ:

- ◆ Đây có phải là con chó không?
- ◆ Con có lạnh không?

Câu hỏi để chỉ vào một thứ gì đó “ở đâu?”

Đây là những câu hỏi không yêu cầu câu trả lời bằng lời nói mà trẻ sẽ chỉ vào câu trả lời

Ví dụ

- ◆ Bông hoa màu đỏ ở đâu?
- ◆ Mẹ ở đâu trong bức ảnh này? Con chỉ cho ba xem nào.

Câu hỏi về trải nghiệm và trí tưởng tượng

Đây là một dạng câu hỏi để hỏi trẻ về trải nghiệm của trẻ (nghĩa là mô tả, suy ngẫm về trải nghiệm đó...) hoặc yêu cầu trẻ sử dụng trí tưởng tượng của mình chẳng hạn như sáng tác một câu chuyện hoặc phản ứng với một tình huống hư cấu.

Ví dụ

- ◆ Nếu có một con rắn trong phòng của con, con sẽ làm gì?
- ◆ Con hãy kể cho cô nghe các bước con trồng một cái cây trong vườn của nhà mình?



Câu hỏi về sự đối lập

Giáo viên nói ngược lại với thực tế hoặc cố tình làm điều gì đó sai để kích thích sự phản ứng của trẻ.

Ví dụ

- ♦ Vào một ngày nắng nóng, cô giáo nói: “Aaaah, hôm nay lạnh quá.”
- ♦ Minh hét lên: “Nóng quá!”
- ♦ Cô giáo: “Con có chắc là hôm nay trời nóng không?”
- ♦ Minh gật đầu.
- ♦ Cô giáo: “Minh nói hôm nay trời nóng. Các con khác thì nghĩ sao? Làm sao con biết?”

Câu hỏi “Tại sao/như thế nào”

Các câu hỏi “Vì sao?” và “như thế nào?” có thể kích thích trẻ có câu trả lời dài hơn. Ngay cả khi trẻ chỉ có thể trả lời bằng một từ thì giáo viên cũng có thể diễn đạt lại câu trả lời của trẻ thành một câu hoàn chỉnh.

Ví dụ

- ♦ Cô giáo: “Ở nhà, con giúp bố mẹ cho gà ăn như thế nào?”
- ♦ Hạnh: “Con lấy ít hạt ngô và để ở một góc vườn. Con gà sẽ đến ăn...”
- ♦ Cô giáo: “Vậy con để hạt ngô ở góc vườn à? Có phải lúc nào cũng là góc đó không?”
- ♦ Hạnh: “Vâng ạ.”
- ♦ Cô giáo: “Tại sao con lại luôn để hạt ngô ở một chỗ để gà đến ăn?”

Làm việc nhóm lớn: 15 phút

- ♦ Giảng viên khuyến khích học viên đi quanh phòng để cùng quan sát các ví dụ của các nhóm khác.
- ♦ Học viên viết các ví dụ vào tài liệu của mình. Giảng viên cùng thảo luận xem học viên còn thắc mắc hay băn khoăn về những ví dụ cho từng dạng câu hỏi trong phần trên hay không.

THỰC HÀNH: 55 PHÚT

Một số dạng câu hỏi sẽ kích thích tương tác ngôn ngữ nhiều hơn số khác. Nhưng tất cả các câu hỏi đều có mục đích và ưu điểm riêng trong một hoàn cảnh nhất định. Giáo viên cần biết vì sao một số dạng câu hỏi thường được chọn để sử dụng trong giao tiếp với trẻ. Việc sử dụng đa dạng các câu hỏi là điều cần thiết để có thêm nhiều tương tác ngôn ngữ với trẻ.

Để hỗ trợ trẻ phát triển ngôn ngữ, chúng ta cần lưu ý:

- ◆ Hỏi trẻ nhiều dạng câu hỏi.
- ◆ Đặt câu hỏi kích thích tư duy, lập luận, giải quyết vấn đề và sự tương tác.
- ◆ Cho trẻ đủ thời gian để trẻ suy nghĩ và trả lời.
- ◆ Thúc đẩy các tình huống để trẻ có thời gian đặt câu hỏi và có thời gian trả lời lẫn nhau.

Vì việc hỏi những câu hỏi kích thích tư duy, lập luận/giải quyết vấn đề, kích thích sự tương tác không hề dễ dàng nên giáo viên cần phải chuẩn bị trước các câu hỏi, sau đó bổ sung các câu hỏi khác dựa trên tình huống, bối cảnh thực tế.

Hoạt động 3: Thiết kế câu hỏi

Làm việc nhóm: 30 phút

- ◆ Giảng viên chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm gồm bốn học viên.
- ◆ Giảng viên đặt những thẻ màu có viết sẵn các chủ đề khác nhau vào một chiếc giỏ (Các chủ đề bao gồm: cuộc sống gia đình, động vật, các bộ phận cơ thể, thực phẩm lành mạnh, thói quen hàng ngày...).
- ◆ Mỗi nhóm sẽ chọn một chủ đề và viết các ví dụ về những dạng câu hỏi khác nhau mà nhóm có thể sử dụng với trẻ trong lớp của mình.

Chủ đề	
Câu hỏi lựa chọn “cái này hay cái kia”	
Câu hỏi “có/không”	
Câu hỏi để chỉ vào một thứ gì đó “ở đâu”	
Câu hỏi về trải nghiệm	
Câu hỏi về trí tưởng tượng	
Câu hỏi về sự đối lập	
Câu hỏi “như thế nào?”	



Làm việc nhóm: 20 phút

- ♦ Giảng viên yêu cầu các nhóm trao đổi kết quả thiết kế câu hỏi với nhau.
- ♦ Học viên đưa ra phản hồi và góp ý về các câu hỏi đã được thiết kế.

Để thúc đẩy một môi trường công bằng, giáo viên cần đảm bảo rằng đang hỏi cả trẻ trai và trẻ gái những câu hỏi đóng và mở. Việc giáo viên đặt các câu hỏi có ý nghĩa cho trẻ đóng vai trò vô cùng quan trọng. Hãy cho trẻ thời gian để suy nghĩ và trả lời thay vì chỉ gọi một trẻ đầu tiên giơ tay trả lời. Sau khi đặt câu hỏi cho trẻ, giáo viên nên dành khoảng 5-7 giây cho trẻ suy nghĩ trước khi trả lời. Nếu trẻ không thể trả lời câu hỏi của giáo viên, điều đó hoàn toàn bình thường và cho chúng ta thấy cần thay đổi câu hỏi khác!

SUY NGẪM: 10 PHÚT

Làm việc cá nhân: 10 phút

Bài tập viết - Làm việc cá nhân

1. Làm thế nào để giáo viên có thể tạo ra nhiều cơ hội cho trẻ hỏi lẫn nhau?

.....

.....

.....

2. Việc sử dụng đa dạng câu hỏi liên quan như thế nào tới các giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ và môi trường học tập giàu ngôn ngữ?

.....

.....

.....

Trẻ em phải được hướng dẫn cách tư duy như thế nào, thay vì phải tư duy cái gì.

- Margaret Mead

5.3 PHẢN HỒI THÔNG QUA CÁC TƯƠNG TÁC NGÔN NGỮ

Mục tiêu:

- ♦ Lựa chọn được kĩ thuật phản hồi hiệu quả với trẻ nhằm thúc đẩy việc học ngôn ngữ theo cách tích cực và hỗ trợ

Các thuật ngữ chính

Phản hồi: Bất kì thông tin nào được cung cấp cho người học với mục đích cải thiện kết quả. Phản hồi nhằm hướng dẫn lại hoặc tập trung vào các điểm có thể thay đổi để đạt được mục tiêu. Nó có thể bằng lời nói hoặc văn bản và có thể được thực hiện bởi giáo viên hoặc bạn học (Quỹ Hỗ trợ Giáo dục, 2021).

Phản hồi gián tiếp/ ngầm: Phản hồi, sửa lỗi một cách gián tiếp hay tế nhị chỉ ra lỗi cho người học để thay đổi.

Phản hồi trực tiếp: Trực tiếp chỉ ra hoặc thu hút sự chú ý đến lỗi sai của người học.

Chuẩn bị



Hoạt động 4: Cắt rời những thẻ lời nói của trẻ trong hoạt động 4 (Bảng 1)



Hoạt động 5: In và cắt rời các tấm thẻ trong hoạt động 5



Bộ thẻ môi trường học tập giàu ngôn ngữ

KẾT NỐI: 5 PHÚT

Hoạt động 1: Lớp học của tôi

Bài tập viết - Làm việc cá nhân

Làm việc cá nhân: 10 phút

- ♦ Giảng viên nhắc lại nội dung đã học về quá trình phát triển ngôn ngữ trong phần 2.2, Mô-đun 2.

Như đã giới thiệu trong mô-đun 4, trẻ cần cảm thấy an toàn mới sẵn sàng để thử nghiệm ngôn ngữ mới. Cách giáo viên tương tác và phản ứng với trẻ trong khi chúng đang nói góp phần vào việc đem lại cảm giác thoải mái cho trẻ và giúp ích cho quá trình phát triển ngôn ngữ của chúng. Phản ứng của giáo viên cần tích cực, khích lệ và mang tính chiến lược để hỗ trợ tốt nhất cho sự phát triển ngôn ngữ của trẻ. Giáo viên cung cấp sự hỗ trợ từng bước một bằng lời nói để khuyến khích trẻ, đồng thời hỗ trợ chúng học hỏi ngôn ngữ mới nhiều hơn bằng ngôn ngữ mới của mình. Hãy nhớ lại Mục 2.2 khi chúng ta học về quá trình phát triển ngôn ngữ. Theo đó, một thành tố quan trọng đối với trẻ học ngôn ngữ là cách phản ứng của môi trường xung quanh khi chúng sử dụng ngôn ngữ mới. Phản ứng của môi trường bao gồm cách giáo viên phản ứng hoặc tương tác với trẻ khi trẻ đang thử sức với ngôn ngữ mới.

Trẻ thường mắc lỗi trong quá trình học ngôn ngữ. Điều này thậm chí còn xảy ra thường xuyên hơn khi các trẻ học ngôn ngữ thứ hai.

- ♦ Giảng viên yêu cầu từng học viên suy ngẫm về những câu hỏi dưới đây (học viên không cần chia sẻ những câu trả lời này trước toàn thể lớp tập huấn).

Bạn hoặc các giáo viên khác thường phản ứng thế nào nếu trẻ phát âm sai một từ hoặc sử dụng từ/ câu/ ngữ pháp không chính xác?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

HỌC TẬP: 55 PHÚT

Hoạt động 2: Một số ví dụ thực tế trong lớp học

Đóng vai - Làm việc theo cặp

Làm việc theo cặp: 10 phút

- ♦ Giảng viên chia học viên trong lớp tập huấn thành các cặp. Mỗi cặp được giao một tình huống 1, 2 hoặc 3 dưới đây.
- ♦ Các cặp sẽ đọc và thực hành đóng vai cho tình huống được giao: Một người đóng vai trẻ và người còn lại là giáo viên.

Tình huống 1

Trẻ đang chăm chú lắng nghe giáo viên kể chuyện về một gia đình đi chợ: “Hai mẹ con đi bộ rất xa mới đến chợ. Khi đến nơi, họ mua chuối, gạo và khoai tây.”

Sau khi kể chuyện, giáo viên hỏi trẻ: “Hai mẹ con họ đã mua những gì ở chợ?”

Trẻ trả lời: “Bố mua một quả chuối.”

Giáo viên nói, “KHÔNG! KHÔNG có người bố nào trong câu chuyện. Cô còn không nói đến từ bố! Những ai đã đi chợ?!”



Tình huống 2



Giáo viên đã cho trẻ luyện tập gọi tên các con vật khác nhau. Các em đã học: con gà, con bò và con chó. Để luyện tập từ mới, giáo viên yêu cầu trẻ kể một câu chuyện về các con vật này.

Trong khi kể chuyện, trẻ nói sai từ “con gà” thành “con vịt”.

Giáo viên ngắt lời trẻ và nói: “Không, con nói không đúng các từ đó. Con hãy đứng lên và nói từ “con gà” 3 lần.. Và bây giờ, con hãy tiếp tục câu chuyện của mình.”

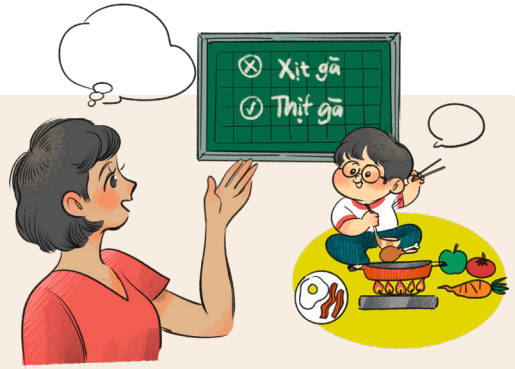
Tình huống 3

Cô hỏi trẻ đang chơi ở góc nấu ăn: “Con nấu món gì?”

Trẻ trả lời: “Xịt gà ạ.”

Giáo viên nói: “À, thịt gà..”. Giáo viên chỉ tay vào trẻ và nói “Con nấu món thịt gà.”

Ngày hôm sau, giáo viên phát hiện có 3 trẻ khác cũng bị nhầm lẫn âm “th” thành ‘x’. Vì vậy, giáo viên đã lên kế hoạch và thiết kế các bài học cho trẻ thực hành phát âm đúng âm “th”.



Làm việc toàn thể: 15 phút

- ♦ Giảng viên chọn một cặp học viên để đóng vai tình huống 1. Thảo luận các câu hỏi dưới đây cho mỗi tình huống đóng vai.
- ♦ Lặp lại với các tình huống 2 và 3.

1. Đứa trẻ đã mắc lỗi gì trong mỗi tình huống?
2. Giáo viên phản ứng như thế nào? Cách phản ứng đó có hiệu quả không? Vì sao?
3. Cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong những tình huống này cao hay thấp?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Lưu ý dành cho người giảng viên:

Hãy kết nối phần nội dung này với quan sát trẻ theo quá trình.

Hoạt động 3: Giải thích tình huống 3

Làm việc nhóm lớn: 15 phút

- ♦ Giảng viên chiếu tình huống 3 trên màn .
- ♦ Yêu cầu học viên chỉ ra cách mà giáo viên trong tình huống 3 đã phản hồi với trẻ.
- ♦ Giảng viên phân tích về cách người giáo viên trong tình huống 3 đã thực hiện: phản hồi bằng quy trình 3 bước.
 - o Bước 1: Xác nhận việc hiểu nội dung;
 - o Bước 2: Nhắc lại hoặc diễn đạt lại theo cách chính xác hơn;
 - o Bước 3: Phân tích lỗi và lên kế hoạch bài dạy/ giáo án hoặc hoạt động phù hợp.

Tình huống

Cô hỏi trẻ đang chơi ở góc nấu ăn: “Con nấu món gì?”

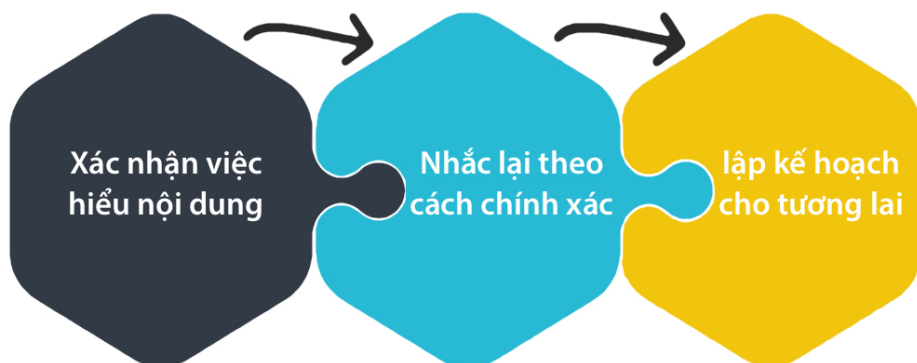
Trẻ trả lời: “Xịt gà ạ.”

Giáo viên nói: “À, thịt gà.”. Giáo viên chỉ tay vào trẻ và nói “Con nấu món thịt gà.”

Ngày hôm sau, giáo viên phát hiện có 3 trẻ khác cũng bị nhầm lẫn âm “th” thành ‘x’. Vì vậy, giáo viên đã lên kế hoạch và thiết kế các bài học cho trẻ thực hành phát âm đúng âm “th”.



Giáo viên này cũng đã áp dụng quy trình đơn giản gồm 3 bước trong tình huống trẻ mắc lỗi.



Hoạt động 4: Phản hồi và mở rộng

Làm việc cá nhân: 5 phút

- ♦ Học viên dành 5 phút để đọc tình huống dưới đây:
- ♦ Trong khi trẻ chơi tự do ngoài trời, trẻ chỉ vào quả bóng và nói với giáo viên: “Bóng đỏ”
- ♦ Học viên đọc bảng phản hồi của giáo viên về tình huống trên.

Phản hồi của giáo viên	Giáo viên đã làm gì?	Vì sao lại hữu ích?
“Con có một quả bóng màu đỏ.”	1. Nhắc lại hoặc diễn đạt lại nội dung trẻ đã cố gắng nói.	Đây có thể là cách giáo viên kiểm tra xem mình có hiểu đúng nội dung trẻ muốn nói không.
“Con có một quả bóng to, màu đỏ.”	2. Cũng giống như trên và mở rộng nội dung trẻ vừa nói.	Bằng cách này, giáo viên cho trẻ tiếp xúc với những từ hoặc cụm từ mới.
“Con có một quả bóng màu đỏ. Con muốn chơi bóng cùng với ai nào?”	3. Cũng giống như trên và bổ sung một câu hỏi.	Bằng cách này, giáo viên sẽ kích thích phản ứng của trẻ và tạo ra cơ hội mới để tương tác.

Làm việc toàn thể: 10 phút

- ♦ Học viên đọc tình huống sau và dự kiến ba cách phản hồi phù hợp theo bảng trên:
 - o Trẻ nói: “Con muốn tơ tò tơ” (“chơi trò chơi” bị phát âm sai thành “tơ tò tơ”).
 - o Giảng viên có thể giới thiệu ba cách phản hồi:
 - “À, cô hiểu rồi! Con muốn chơi trò chơi!” (Nhắc lại/ diễn đạt lại)
 - “Con muốn chơi trò chơi. Chúng ta chơi rất nhiều trò chơi vui nhộn trong lớp này!” (Nhắc lại và mở rộng)
 - “Con muốn chơi trò chơi. Thế con muốn chơi trò chơi với ai?” (Nhắc lại và đặt câu hỏi)

Hoạt động bổ sung:

Đường dẫn tới đoạn phim:



Đường dẫn đến video: <https://www.youtube.com/watch?v=q9gZWgoBcLU>

Nếu có thời gian, hãy chiếu đoạn phim trong đó cô Jelke đang thảo luận các kĩ thuật đặt câu hỏi và cách đưa ra phản hồi cùng với chuyên gia tư vấn (Đoạn từ 13:10-15:37).

Tại sao cách thức giáo viên phản hồi cho trẻ lại quan trọng?

Như chúng ta đã được học trong mô-đun 2, mục 2.2, trẻ liên tục kiểm chứng xem liệu mình có đang sử dụng ngôn ngữ mới đúng cách hay không. Nếu người lớn bỏ qua các lỗi của trẻ, trẻ không thể xác nhận hoặc điều chỉnh giả thuyết của mình về việc sử dụng ngôn ngữ. Người lớn cần phản hồi tức thì và hiệu quả cho việc sử dụng ngôn ngữ của trẻ để trẻ học nhanh hơn. Điều này không có nghĩa là giáo viên cần phải sửa lỗi cho trẻ một cách trực tiếp hoặc làm trẻ xấu hổ. Sử dụng quy trình 3 bước trên đây, giáo viên có thể đưa ra cách sử dụng ngôn ngữ đúng một cách nhanh chóng, tự nhiên, và mang tính khích lệ. Điều này giúp tạo ra một môi trường học tập an toàn, tích cực và hỗ trợ.



THỰC HÀNH: 55 PHÚT

Hoạt động 5: Thực hành cách phản hồi với trẻ

Trò chơi - Làm việc theo cặp

Làm việc theo cặp đôi: 25 phút

- ♦ Mỗi cặp học viên sẽ được phát một thẻ có ví dụ về lời nói của trẻ:
 - o (1) Con muốn
 - o (2) Giặt rau đi
 - o (3) Con nhện con
 - o (4) Đi rồi mẹ
 - o (5) Giấy vỡ rồi
 - o (6) Cất thìa mẹ đi
- ♦ Học viên viết vào bảng trong tài liệu của mình về cách giáo viên vận dụng 3 chiến lược để phản hồi trẻ ở tình huống mình nhận được.

Cách nói của trẻ	"Con chơi."	
Chiến lược 1: Nhắc lại hoặc diễn đạt lại	"Con thích chơi."	
Chiến lược 2: Mở rộng	"Con thích chơi nấu ăn và chơi xếp hình."	
Chiến lược 3: Đặt câu hỏi	"Con thích chơi. Con thích chơi gì?"	

Hoạt động 6: Đóng vai

Đóng vai - Làm việc theo cặp

Làm việc toàn thể: 30 phút

- Giữ nguyên các cặp như trên. Mỗi học viên sẽ nhận được một tấm thẻ. Một người đóng vai giáo viên, một người đóng vai trẻ.
- "Giáo viên" cần phải phản ứng trước lỗi ngôn ngữ của trẻ bằng cách sử dụng mô hình 3 bước như được trình bày ở trên.
- Giáo viên lựa chọn một vài cặp lên và đóng vai tình huống trong tấm thẻ tương ứng của mình trước cả lớp.
- Những học viên khác có thể đưa ra nhận xét về cách phản ứng của các cặp đối với trẻ.
 - Cặp đôi có áp dụng phương pháp 3 bước không?
 - Cách phản ứng có tích cực và mang tính hỗ trợ không? Họ nên cải thiện chi tiết nào?

Tấm thẻ của giáo viên	Tấm thẻ của trẻ
Trẻ đang chơi ở góc xây dựng. Bạn thấy trẻ đang xây dựng một công trình gì đó. Bạn đến chỗ trẻ và hỏi xem trẻ đang xây dựng thứ gì. Giáo viên sẽ phản ứng bằng cách sử dụng chiến lược mở rộng nội dung.	Trẻ đang chơi ở góc xây dựng và xây toà tháp bằng khối xếp hình. Cô giáo đến chỗ trẻ và xem trẻ đang xây dựng cái gì. Trẻ trả lời: "Nhà to!!!"

Trẻ đang làm việc với một bạn khác để phân loại các đồ vật theo màu sắc. Các đồ vật màu vàng được xếp vào một hộp và các đồ vật màu xanh lá cây được xếp vào hộp khác. Hãy đến chỗ trẻ và đưa cho em một đồ vật mới. Bạn hỏi trẻ xem đồ vật ấy thuộc hộp đồ màu xanh lá cây hay màu vàng. Bạn sẽ phản ứng bằng cách sử dụng chiến lược nhắc lại hoặc diễn đạt lại.	Trẻ đang sắp xếp đồ vật vào các hộp khác nhau. Tất cả các đồ vật màu vàng được xếp vào một hộp và các đồ vật màu xanh lá cây được xếp vào hộp khác. Thầy giáo đến và đưa cho trẻ một đồ vật khác có màu xanh lá cây. Thầy hỏi trẻ xem đặt nó vào hộp nào. Trẻ trả lời: “Xắn! Xắn! (Xanh xanh).”
Giáo viên đang đọc truyện cho các trẻ nghe. Khi kết thúc câu chuyện, giáo viên hỏi trẻ: “Con thích phần nào nhất?”. Giáo viên sẽ phản ứng bằng cách sử dụng chiến lược nhắc lại hoặc diễn đạt lại.	Giáo viên của trẻ vừa đọc truyện cho em nghe. Bây giờ, giáo viên hỏi trẻ: “Con thích phần nào nhất trong câu chuyện?”, Trẻ trả lời: “Bố!”
Giáo viên đang cho trẻ ăn trong giờ ăn. Một trẻ nhìn có vẻ như đang muốn xin thêm đồ ăn. Giáo viên sẽ phản ứng bằng cách sử dụng chiến lược đặt câu hỏi.	Trẻ đang trong giờ ăn. Trẻ nhìn vào cô giáo và nói: “Muốn nữa!”
Trẻ đang vẽ tranh. Giáo viên thấy một trẻ đã vẽ một chiếc xe máy màu đen. Giáo viên hỏi xem: “Con đang vẽ gì?”. Giáo viên sẽ phản ứng bằng cách sử dụng chiến lược mở rộng nội dung.	Trẻ đang vẽ một bức tranh. Giáo viên hỏi trẻ: “Con đang vẽ cái gì?”. Trẻ nói: “Con vẽ một chiếc xe máy.”

SUY NGẪM: 10 PHÚT

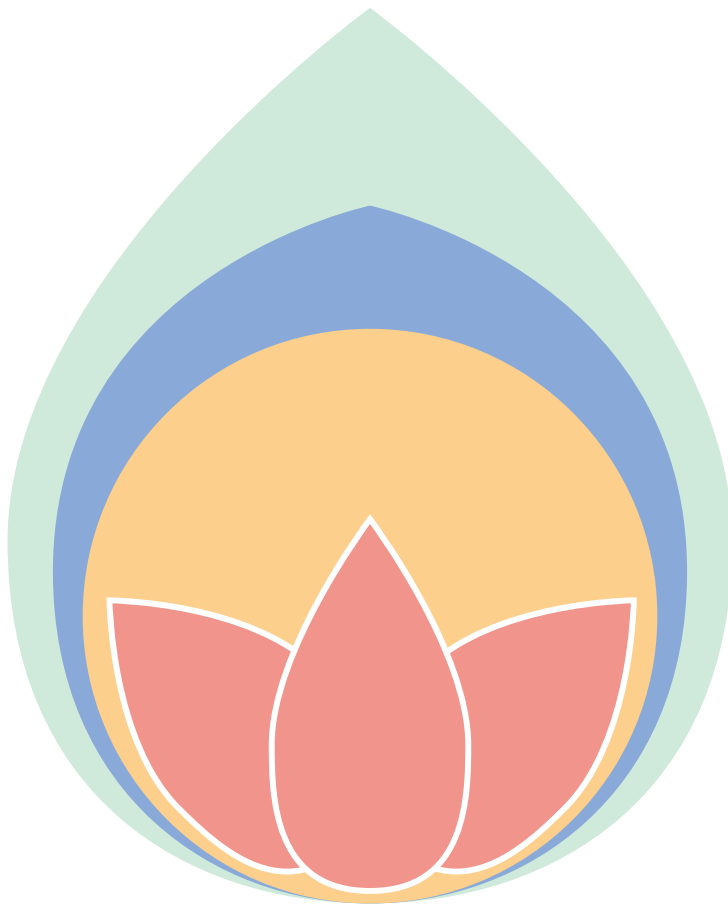
Làm việc theo nhóm nhỏ: 5 phút

- ♦ Giảng viên chia lớp học thành các nhóm, mỗi nhóm gồm ba học viên.
- ♦ Phát cho mỗi nhóm một số tấm thẻ về đặc điểm của môi trường học tập 1 giàu ngôn ngữ (ba vòng tròn thể hiện ba thành tố chính của môi trường học tập giàu ngôn ngữ).
- ♦ Yêu cầu các nhóm suy ngẫm và xác định xem những tấm thẻ nào kết nối trực tiếp với các mục tương ứng trong mô-đun này.

Làm việc nhóm lớn: 5 phút

- ♦ Học viên chia sẻ những tấm thẻ nào kết nối với mỗi mục tương ứng trong mô-đun.
- ♦ Nhắc học viên rằng ở đây không có câu trả lời đúng hay sai. Có những tấm thẻ sẽ kết nối với nhiều kỹ thuật khác nhau; đôi khi có sự trùng lặp và điều này là hoàn toàn bình thường.

Chúng ta hãy cùng suy ngẫm về mô hình môi trường học tập giàu ngôn ngữ dưới đây. Những kĩ thuật học viên đã học được trong mô-đun này kết nối như thế nào với ba thành tố chính trong mô hình? Hãy sử dụng các tấm thẻ nêu đặc điểm của môi trường học tập giàu ngôn ngữ để định hướng cho tư duy của mình.



Môi trường an toàn,
tích cực và
phong phú

Nhiệm vụ có
ý nghĩa

Hỗ trợ trọng tâm
thông qua
tương tác

- Cung cấp ngôn ngữ phong phú.
- Trò chuyện thực tế
- Phản hồi & hỗ trợ

MÔ-ĐUN 5: THÔNG TIN THAM KHẢO

Khi xây dựng môi trường học tập giàu ngôn ngữ, học viên sẽ trở nên tiến bộ hơn trong các kĩ thuật của mình. Mô-đun này trình bày cho học viên 3 kĩ thuật nâng cao để làm phong phú cho môi trường học tập giàu ngôn ngữ. Những kĩ thuật này đóng góp vào tất cả các thành tố của mô hình môi trường học tập giàu ngôn ngữ và phối hợp với nhau để tạo ra môi trường tổng thể cần thiết cho việc phát triển ngôn ngữ.

Điểm mấu chốt trong mô hình môi trường học tập giàu ngôn ngữ là cung cấp nhiều cơ hội tương tác ngôn ngữ, giữa giáo viên với trẻ và giữa trẻ với nhau. Bảng dưới đây nêu bật một số những điều “Nên và Không nên” khi giáo viên tương tác ngôn ngữ với trẻ.

Những điều “Nên” và “Không nên” khi tương tác ngôn ngữ với trẻ:

Nên	Không Nên
Sử dụng ngôn ngữ rõ ràng	Sử dụng lối nói chuyện của trẻ con
Nói với tốc độ bình thường	Nói nhanh như khi nói chuyện với người lớn
Sử dụng các câu ngắn nhưng cần đúng ngữ pháp (“Cô rất thích chiếc xe ô tô này.”)	Rút ngắn câu khiến câu chưa đúng ngữ pháp(Mở đi.”)
Nhấn mạnh các từ quan trọng trong câu (“Con muốn uống sữa hay nước?”)	Sử dụng câu cụt ngủn (Sữa hay nước?)
Sử dụng các công cụ hỗ trợ trực quan khi giao tiếp với trẻ	Sử dụng quá nhiều từ không quen thuộc trong một câu
Tại một thời điểm chỉ đưa ra một đến hai hướng dẫn để trẻ có thể hiểu và tiếp thu (giáo viên chỉ tăng độ khó hay độ phức tạp của ngôn ngữ sử dụng khi hướng dẫn trẻ khi trình độ ngôn ngữ của trẻ phát triển)	Đưa ra quá nhiều hướng dẫn cùng một lúc
Sử dụng các từ trong tiếng mẹ đẻ của trẻ (nếu có thể)	Cấm sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong lớp học
Đặt các câu hỏi mở	Chỉ sử dụng dạng câu hỏi có - không
Khi trẻ nói sai, giáo viên hãy nói mẫu đúng cho trẻ.	Khi trẻ nói sai, giáo viên phớt lờ điều đó hoặc yêu cầu trẻ nhắc lại ngay lập tức.



CÁC LOẠI HÌNH PHẢN HỒI

Ở mục 5.3, học viên đã học về cách phản hồi của giáo viên đối với trẻ. Là một phần của bước 3:

Phân tích lỗi, giáo viên cần phân tích mức độ thường xuyên mà trẻ mắc lỗi, loại lỗi, và cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong lớp học để lựa chọn phương pháp sửa lỗi cho trẻ một cách phù hợp. Trong môi trường giáo dục mầm non đa ngữ, điều quan trọng là phải chú ý tới những lỗi sai khi sử dụng ngôn ngữ của trẻ và cách mà giáo viên sẽ sửa cho trẻ. Giáo viên cần sửa lỗi cho trẻ nhưng cũng cần đảm bảo trẻ vẫn cảm thấy thoải mái để tiếp tục học được. Sử dụng bảng dưới đây để phân tích các dạng phản hồi mà giáo viên có thể hỗ trợ cho trẻ.

Các loại hình phản hồi	
Có trọng tâm - Chỉ chọn một đến hai lỗi có chủ ý để làm trọng tâm. - Chọn những lỗi liên quan đến nội dung trẻ đã biết hoặc đang được học.	Không có trọng tâm - Giáo viên tập trung vào quá nhiều lỗi cùng lúc. - Tập trung vào những lỗi trẻ chưa được học.
Phổ biến Thiết kế một bài dạy để sửa lỗi. Khi đó là lỗi phổ biến của cả lớp.	Cá biệt - Là lỗi mà chỉ có một trẻ mắc phải. - Làm việc trực tiếp hoặc sử dụng các chiến lược sửa lỗi riêng với trẻ đó.
Trực tiếp - Áp dụng kĩ thuật sửa lỗi trực tiếp khi trẻ chưa được học về nội dung đó; hoặc trẻ lặp lại lỗi đó nhiều lần sau khi đã sửa lỗi gián tiếp. - Kĩ thuật này ít được sử dụng trong giáo dục mầm non, đặc biệt là đối với ngôn ngữ nói.	Gián tiếp Khi trẻ đã biết, nhưng chỉ mắc lỗi do sơ ý

HỖ TRỢ TỪNG BƯỚC NHẪM PHÂN BIỆT GIỮA HAI NGÔN NGỮ

Đôi khi trẻ ở trong một môi trường học tập giàu ngôn ngữ cảm thấy khó phân biệt giữa hai ngôn ngữ. Việc trộn lẫn các ngôn ngữ của trẻ là điều hoàn toàn bình thường. Hãy nghĩ về mô-đun 1 khi học viên đã được tìm hiểu về chuyển mã ngôn ngữ. Mặc dù đây là điều hoàn toàn bình thường với sự phát triển của trẻ, nhưng giáo viên có thể sử dụng các chiến lược khác để giúp trẻ bước đầu phân biệt giữa hai ngôn ngữ. Dưới đây là hai chiến lược nâng cao có thể áp dụng.

Các phương pháp hỗ trợ từng bước để phân biệt giữa hai ngôn ngữ	
Sử dụng màu sắc trong tài liệu in	Sử dụng con rối
Hãy quyết định về một màu cho mỗi ngôn ngữ. Ví dụ: sử dụng màu đỏ cho tiếng Việt và màu xanh cho tiếng Tày (hoặc một ngôn ngữ thiểu số khác). Khi dạy từ hoặc tạo các nhãn trong lớp học, hãy sử dụng hai màu khác nhau một cách nhất quán. Điều này sẽ giúp trẻ nhận diện được mặt chữ ở hai ngôn ngữ khác nhau.	Chọn một con rối “nói” tiếng Việt và một con rối “nói” tiếng Tày (hoặc một ngôn ngữ thiểu số khác) Khi đọc truyện hoặc đóng vai, hãy sử dụng con rối để thể hiện hai ngôn ngữ khác nhau đang được nói. Điều này giúp trẻ phân biệt được giữa các ngôn ngữ khi chúng lắng nghe.

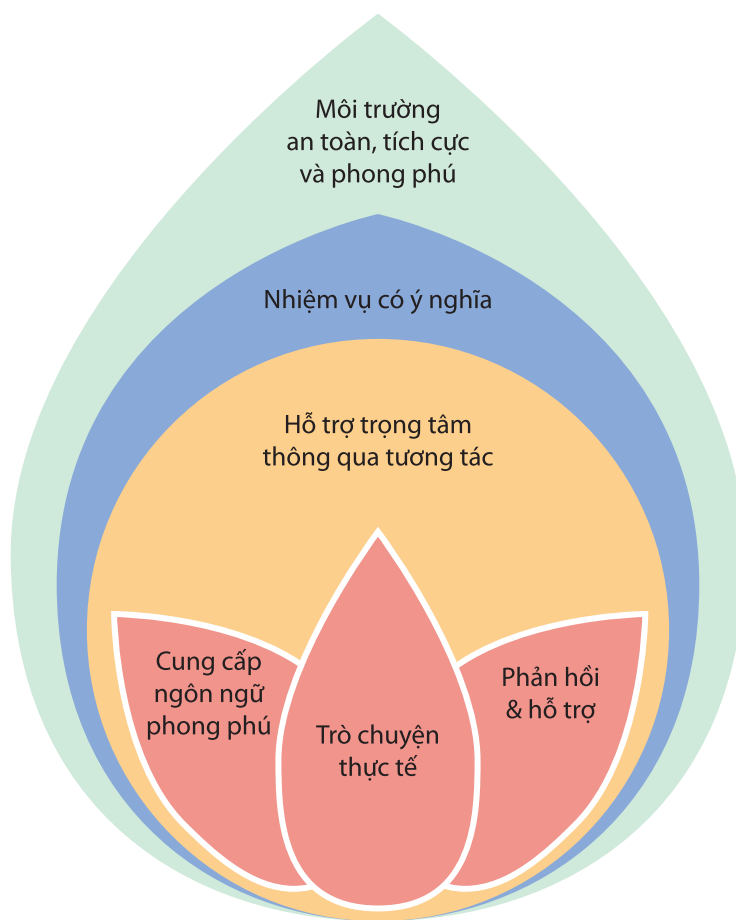


MÔ-ĐUN 6: KỸ THUẬT SỬ DỤNG SÁCH TRUYỆN



GIỚI THIỆU

Ở các mô-đun trước, học viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về môi trường học tập giàu ngôn ngữ (mô-đun 4) và các kĩ thuật nâng cao dành cho giáo viên (mô-đun 5). Trong mô-đun này, chúng ta sẽ tìm hiểu các phương pháp kể chuyện một cách hiệu quả. Kể chuyện cho trẻ và sáng tạo ra các câu chuyện đều là những cách thức lí tưởng để trẻ xây dựng kĩ năng tường thuật cũng như các kĩ năng tiền đọc – viết khác. Mặc dù trong phần này, chúng ta sẽ học về hai kĩ thuật kể chuyện khác nhau, nhưng cần lưu ý rằng đây là một phần không tách rời của môi trường học tập giàu ngôn ngữ, đồng thời chúng có tính kết nối với ba thành tố của môi trường học tập giàu ngôn ngữ. Học viên có thể sử dụng các tấm thẻ về đặc điểm môi trường học giàu ngôn ngữ trong quá trình học mô-đun này để thấy được tính kết nối của chúng.



HƯỚNG DẪN PHÂN BỐ THỜI GIAN MÔ-ĐUN 6

Nội dung	Thời lượng (phút)
6.1 Kể chuyện tương tác	180
Kết nối	15
Học tập	70
Thực hành	75
Suy ngẫm	20
6.2 Vòng tròn kể chuyện	180
Kết nối	15
Học tập	70
Thực hành	75
Suy ngẫm	20
Tổng thời lượng	360 phút (6 giờ)

6.1 KỂ CHUYỆN TƯƠNG TÁC

Để tận dụng hiệu quả các khoảng khắc hàng ngày (phần 4.2), giáo viên cần lập kế hoạch các hoạt động học có chủ đích và cung cấp cho trẻ các hướng dẫn, học liệu cần thiết. Giáo viên có thể thực hiện được việc này thông qua kể chuyện tương tác. Kể chuyện tương tác tạo ra những cơ hội cho giáo viên hỗ trợ trẻ phát triển các kỹ năng tiền đọc – viết. Giáo viên có rất nhiều không gian để phát huy sự sáng tạo trong việc kể chuyện tương tác nhằm đáp ứng mục tiêu học tập đề ra.

Kể chuyện tương tác là việc sử dụng một quyển truyện để thu hút trẻ vào cuộc trò chuyện có ý nghĩa. Thay vì việc giáo viên đọc truyện và trẻ chỉ lắng nghe, kể chuyện tương tác là việc trẻ tham gia dự đoán, phân tích và thảo luận về câu chuyện. Việc này cũng sẽ đưa câu chuyện lên một tầm cao mới bằng cách tạo ra các hoạt động giới thiệu và mở rộng nhằm hình thành các kỹ năng tiền đọc - viết cho trẻ thông qua sách truyện.



Mục tiêu:

- ◆ Xác định các bước khác nhau trong kỹ thuật kể chuyện tương tác và các đặc điểm chính của kỹ thuật này.
- ◆ Thực hành thiết kế một hoạt động kể chuyện tương tác.

Các thuật ngữ chính

Định kiến giới: Những ý tưởng định sẵn về các thuộc tính cá nhân, hành vi và vai trò được xác định và giới hạn bởi giới tính.

Chuẩn bị

 Cuốn sách: Chú vịt của Jules	 Một chiếc khăn quàng cổ (cỡ lớn, có thể trùm đầu) hoặc một chăn mỏng.	 Những con vịt đồ chơi nhiều màu sắc, hình dáng khác nhau.	 Bút viết bảng, bút chì màu, sáp màu.
 In những chiếc áo phông trên khổ A3 cho học viên (in hai mặt, giấy trắng, cứng).	 In ấn các hình ảnh được trích ra từ câu chuyện của Jules (dùng cho hoạt động sắp xếp các tình tiết của câu chuyện).	 Các đồ dùng, văn phòng phẩm khác mà giảng viên sử dụng khi thiết kế hoạt động (các vật liệu tự nhiên, lego, đồ chơi bằng nhựa, hoặc các đồ dùng đồ chơi sẵn có trong lớp...).	

KẾT NỐI: 15 PHÚT

Hoạt động 1: Các thực hành hiện tại của giáo viên khi tổ chức các hoạt động kể chuyện

Trò chơi - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm: 15 phút

- Học viên hãy hồi tưởng về hoạt động kể chuyện mà giáo viên thường tổ chức. Học viên suy ngẫm về những câu hỏi dưới đây:

- Tương tác của trẻ trong suốt quá trình kể chuyện đó ở mức độ nào?
- Trẻ được phát triển những kĩ năng nào?
- Cảm nhận của giáo viên về cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ trong hoạt động kể chuyện đó ra sao?

HỌC TẬP: 70 PHÚT

Hoạt động 2: Một ví dụ về hoạt động kể chuyện tương tác

Lớp học mẫu - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm lớn: 45 phút

- ♦ Giảng viên thực hành một bài học về kể chuyện tương tác. Giảng viên đóng vai giáo viên và học viên đóng vai trẻ.
- ♦ Học viên cùng tham khảo kế hoạch kể chuyện tương tác dựa trên một cuốn sách. Lưu ý rằng trên thực tế toàn bộ kế hoạch này không cần phải được thực hiện hết trong một ngày. Giáo viên có thể chia thành các phần nội dung thành các hoạt động trong một vài ngày hoặc trong một tuần.

Kế hoạch: Kể chuyện tương tác	
Tựa đề cuốn sách	Chú vịt của Jules
Tài liệu tham khảo	Berebrouckx, A. (1998). De eend van Jules. Antwerpen: Uitgeverij Zwijsen Belgie Nv.
Nội dung	Jules là một cậu bé rất may mắn vì cậu có một chiếc áo phông mới. Chiếc áo phông có hình một chú vịt rất đẹp trên đó. Jules rất tự hào về điều này. Hôm nay, cậu bé sẽ mặc chiếc áo mới đi học. Cậu mặc chiếc áo mới vào và không tìm thấy chú vịt nữa. Cậu bé tìm khắp mọi nơi, nhưng không thể tìm thấy chú vịt. Cuối cùng, cậu bé đi bộ đến trường, trong lòng cảm thấy rất buồn bã. Chúng ta có thể thấy chú vịt nằm sau lưng áo của Jules, nhưng Jules không hề biết điều đó. Ý nghĩa của cuốn sách không phải nói về chú vịt. Ý nghĩa của nó là việc tìm kiếm một thứ gì đó đã mất và cảm giác buồn bã khi bạn mất đi một thứ gì đó.
Thông điệp chính	Đôi khi chúng ta bị mất đồ. Chúng có thể ở nơi ít ngờ nhất.

Mục tiêu hoạt động	Thông qua hoạt động này, trẻ có thể: - o Mở rộng vốn từ: trốn, tìm, thấy, dưới... - o Phát triển ngôn ngữ nói: hỏi và trả lời câu hỏi về nội dung cuốn sách. - o Tường thuật: nhớ được một số chi tiết và kể lại câu chuyện trong cuốn sách. - o Nhận thức bản in: cầm sách đúng chiều, lật mở sách... - o Nhận thức âm vị và nhận thức về chữ cái: nhận ra âm đầu và chữ cái có trong tên gọi của một số con vật trong cuốn sách. - o Động lực đọc.
Đối tượng	Trẻ 3 – 5 tuổi
	 (Source: Berebrouckx, A. (1998). De eend van Jules. Antwerpen: Jitgeverij Zwijzen België NV.)
Hoạt động giới thiệu	* Mục tiêu: - o Trẻ nhận biết 4 từ mới: trốn, tìm, thấy, dưới. * Tổ chức hoạt động: - o Trước khi bạn đọc cuốn truyện, hãy giới thiệu các từ mới thông qua hoạt động này. - o Giáo viên dùng một chiếc khăn lớn (hoặc một chiếc chăn nhỏ) để che lên một trẻ. Giáo viên các trẻ khác: - o Bạn_____ đi đâu mất rồi?! - o Chúng ta có thể tìm bạn ấy ở đâu? - o Bạn ấy trốn ở đâu vậy? - o Tại sao chúng ta lại không thấy bạn ấy?

Hoạt động giới thiệu

Giáo viên bỏ tấm khăn phủ lên một trẻ ra cho cả lớp thấy và thảo luận các câu hỏi sau đây:

- o Con đã từng bị mất thứ gì chưa?
- o Con cảm thấy như thế nào?
- o Con tìm thấy nó bằng cách nào?
- o Khi tìm thấy nó, con cảm thấy như thế nào?

Làm mẫu phương pháp “Xoay người và nói” từ mục 4.1 và thực hành với một câu hỏi.

Giới thiệu bốn từ mới trong lúc thảo luận các câu hỏi trên. Dạy từng từ bằng cử chỉ điệu bộ (phản xạ toàn thân) và yêu cầu trẻ nhắc/ lặp lại và thực hành.

Trốn	Dùng một cuốn sách để giả vờ “trốn”.	
Tìm	Đưa tay về phía trước trán như thể thấy/cô đang tìm kiếm thứ gì đó.	
Thấy	Mô phỏng hành động khi thấy một thứ gì đó.	
Dưới	Diễn tả ý nghĩa của từ “dưới” bằng cách chui xuống gầm bàn và nói từ: dưới.	

*** Làm rõ cho học viên biết rằng giáo viên đang sử dụng các chiến lược dạy từ vựng mà học viên đã được tìm hiểu trong mục 3.2**

Đọc truyện	* Mục tiêu: - o Nhận thức bản in: Trẻ cầm sách đúng chiều, lật mở sách... - o Động lực đọc. * Tổ chức hoạt động: - o Trước khi đọc truyện, hãy chỉ ra cách cầm sách và chỉ vào tên cuốn truyện (kĩ năng nhận thức bản in). - o Đọc truyện cho cả lớp hoặc nhóm nhỏ gồm 5-6 trẻ. Cho trẻ xem các bức tranh trong cuốn truyện khi giáo viên đọc sách.
Kể lại câu chuyện	* Mục tiêu: - o Trẻ có thể hỏi và trả lời các câu hỏi của giáo viên về câu chuyện. - o Trẻ có thể nhớ lại một số chi tiết của câu chuyện. - o Trẻ có thể nhận biết được cảm xúc... * Tổ chức hoạt động: Góc 1: Kể lại câu chuyện trong nhóm nhỏ gồm 5-6 trẻ Trước khi bắt đầu, giáo viên hỏi trẻ xem trẻ có nhớ những gì diễn ra trong câu chuyện hay không. Trong lúc kể lại câu chuyện lần nữa, hãy tạm dừng để hỏi trẻ các câu hỏi liên quan đến câu chuyện, chẳng hạn như: - o Chú vịt đầu rôi? - o Chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo? - o Cậu bé bây giờ cảm thấy thế nào? Làm sao các con biết điều đó? - o Theo các con, chú vịt ở đâu? - o Con có thể sáng tạo một kết thúc mới cho câu chuyện không? Sử dụng phương pháp “Xoay và nói” từ mục 3.1 khi giáo viên đặt một số câu hỏi.

Hoạt động mở rộng

Góc 2: Chú vịt đâu rồi?

* Mục tiêu:

- o Trẻ có thể sử dụng các từ chỉ màu sắc để miêu tả con vịt.
- o Trẻ có thể sử dụng các từ chỉ vị trí (Bên dưới, bên cạnh, bên trên, v.v.) để mô tả vị trí của con vịt.
- o Trẻ có thể trả lời câu hỏi của giáo viên: “Chú vịt màu ... ở đâu?”

* Tổ chức hoạt động:

Làm mẫu trò chơi này với cả lớp trước.

1. Giáo viên sẽ có ba con vịt: một xanh, một vàng và một đỏ. Giáo viên cũng sẽ có một chiếc khăn/chăn cho hoạt động này (từ hoạt động đầu tiên).
2. Yêu cầu trẻ nhắm mắt lại. Sau đó, giáo viên đặt một con vịt bên dưới chiếc khăn/ chăn.
3. Hỏi các em “Chú vịt đâu rồi?”
4. Trẻ phải tìm con vịt. Sau đó, giáo viên hỏi tiếp: “Chú vịt màu... ở đâu?”
5. Khuyến khích trẻ nói: “Chú vịt màu đỏ/ xanh/ vàng ở dưới chiếc khăn.”
6. Để làm cho hoạt động trở nên thử thách hơn, hãy giới thiệu các vật dụng khác để giấu vịt bên dưới (dùng cốc, bát...). Giáo viên thậm chí có thể giấu hai con vịt cùng một lúc. Giáo viên có thể sử dụng lớp học và giấu vịt trong lớp học đó.

Sau khi trẻ đã chơi trò chơi này một vài lần trong cả lớp, hãy chia lớp thành các nhóm (4-5 trẻ) và mời một trẻ đóng vai “chú vịt đi trốn” và các trẻ khác sẽ phải nói xem chú vịt ở đâu. Giáo viên đi quanh lớp trong lúc trẻ đang chơi trò chơi này để đảm bảo rằng trẻ đang luyện tập từ và cấu trúc câu.

Góc 3: Hoạt động vẽ áo có hình chú vịt

* Mục tiêu:

- o Trẻ có thể sử dụng các từ, cụm từ để miêu tả chiếc áo phong của mình.

* Tổ chức hoạt động:

1. Nói cho trẻ biết hôm nay trẻ sẽ tự thiết kế chiếc áo có hình chú vịt. Trẻ có thể vẽ to, nhỏ và màu sắc nào tùy thích.
2. Khuyến khích trẻ “đặt tên” cho chú vịt của mình hoặc làm cho chú vịt “biết nói”.
3. Sau khi hoàn thành, hãy chia sẻ chiếc áo có hình chú vịt của mình với các bạn và mô tả về chú vịt trên đó.

Hoạt động mở rộng	Góc 4: Sắp xếp tranh theo trình tự câu chuyện * Mục tiêu: - o Trẻ có thể nhớ lại câu chuyện và sắp xếp lại tranh theo trình tự câu chuyện. - o Trẻ kể lại câu chuyện với các bức tranh đã xếp. * Tổ chức hoạt động: 1. In các bức tranh trong cuốn sách và cắt rời. 2. Trẻ sắp xếp các các bức tranh đúng thứ tự câu chuyện và sau đó kể lại câu chuyện cho các bạn khác nghe. 3. Để mở rộng thêm, hãy loại bỏ tranh ở phần cuối của câu chuyện và yêu cầu trẻ tự sáng tạo phần kết câu chuyện theo ý mình.
--------------------------	--

Hoạt động 3: Suy ngẫm về các đặc trưng của kể chuyện tương tác

Suy ngẫm - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm: 15 phút

- ♦ Chia học viên thành các nhóm (4 - 5 người) học viên sẽ xác định những đặc trưng chính hoặc những điểm “nổi bật” của cách kể chuyện tương tác.
- ♦ Để xác định những đặc trưng chính của kể chuyện tương tác, học viên đọc tài liệu của mình về kế hoạch bài học.

Làm việc toàn thể: 10 phút

- ♦ Học viên chia sẻ về những đặc điểm chính hoặc điểm nổi bật của kể chuyện tương tác.

Kể chuyện tương tác gồm những đặc trưng chính nào?	
♦ Sử dụng một cuốn truyện thú vị và hấp dẫn ♦ Có mục tiêu học tập rõ ràng ♦ Dạy trước từ mới nếu cần (tham khảo mục 3.2 để biết cách thực hiện) ♦ Phát triển kỹ năng sử dụng sách (cách cầm sách, cách lật trang...) ♦ Các hoạt động mở rộng kết nối với các kỹ năng tiền đọc – viết.	♦ Đọc truyện với giọng diễn cảm ♦ Tạm dừng và đặt câu hỏi cho trẻ trong tiến trình kể chuyện (sử dụng kỹ thuật “Xoay và nói” trong mục 3.1) ♦ Chuẩn bị và thực hiện các hoạt động mở rộng dựa trên câu chuyện nhằm thúc đẩy tương tác xã hội ♦ Hoạt động mở rộng có một số mục tiêu tương tự như các phần trước của bài dạy

Cần lưu ý rằng sự phát triển ngôn ngữ diễn ra thông qua các tương tác ngôn ngữ (mục 2.2). Giáo viên cần tạo cho trẻ nhiều cơ hội có ý nghĩa và hấp dẫn để thực hành ngôn ngữ. Tương tác xã hội giúp phát triển mạnh mẽ ngôn ngữ nói của trẻ, từ đó sẽ giúp cho các em phát triển các kĩ năng tiền đọc - viết khác. Thông thường, giáo viên chỉ gọi một vài trẻ trả lời câu hỏi trong khi những trẻ còn lại ngồi im lặng. Lớp học tương tác xã hội là lớp học có nhiều trẻ tham gia vào các cuộc trò chuyện và tương tác cùng lúc. Giáo viên cần tận dụng thời gian trong lớp học của mình và thiết kế các hoạt động, bài học thu hút càng nhiều trẻ tham gia càng tốt. Hãy nhớ rằng, trẻ nên có 70% quỹ thời gian trên lớp để nói. Kể chuyện tương tác là một kĩ thuật hiệu quả để có một lớp học nhiều tương tác xã hội.



THỰC HÀNH: 75 PHÚT

Hoạt động 4: Thực hành kể chuyện tương tác

Trò chơi - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm: 60 phút

- ♦ Chia lớp thành 6 nhóm (mỗi nhóm không quá 5 thành viên) – nếu số lượng học viên ít, có thể chia thành 4 nhóm.
- ♦ Mỗi nhóm sẽ được phát một cuốn truyện khác nhau và sử dụng kế hoạch dưới đây để thiết kế hoạt động kể chuyện tương tác dựa trên nội dung cuốn truyện đã chọn.
- ♦ Giảng viên khuyến khích học viên có thể sử dụng internet hoặc các nguồn thông tin khác để thiết kế các hoạt động học mới lạ mà học viên chưa từng tổ chức với trẻ của mình.

Kế hoạch: Kể chuyện tương tác

Tựa đề cuốn sách	
Nội dung	
Thông điệp chính	

Mục tiêu hoạt động	Sau bài học này, trẻ có thể: 1. 2.
Đối tượng	
Hoạt động giới thiệu	Thiết kế một hoạt động giới thiệu để tạo hứng thú với chủ đề của câu chuyện. Mô tả cách giáo viên sẽ tổ chức hoạt động giới thiệu.
Đọc truyện	Giáo viên đọc nội dung của cuốn sách từ đầu tới cuối cho trẻ.
Kể lại câu chuyện	Thiết kế các câu hỏi mà giáo viên sẽ sử dụng trong quá trình kể lại câu chuyện cho trẻ nghe. Giáo viên sẽ hỏi thêm những câu hỏi nào để tương tác với trẻ? 1. 2. 3. Hãy suy nghĩ về cách giáo viên sẽ tương tác với trẻ trong quá trình kể chuyện.
Hoạt động mở rộng	Thiết kế ba hoạt động mở rộng có liên quan đến câu chuyện. Nêu rõ mục tiêu hoạt động và cách nó kết nối với các kỹ năng tiền đọc viết mà giáo viên đang hỗ trợ trẻ phát triển.

Làm việc nhóm lớn: 15 phút

- ♦ Giảng viên lựa chọn một nhóm để thực hiện hoạt động kể chuyện tương tác. Một thành viên trong nhóm sẽ đóng vai giáo viên, các thành viên còn lại của lớp tập huấn đóng vai trẻ.
- ♦ Trong hoạt động thực hành này, nhóm được chọn sẽ tổ chức tất cả các hoạt động học: Giới thiệu, đọc truyện, kể lại câu chuyện và các hoạt động mở rộng.
- ♦ Nếu còn thời gian, giảng viên mời một nhóm khác thực hành phần tổ chức hoạt động kể chuyện tương tác.
- ♦ Giảng viên tổ chức một hoạt động suy ngẫm sau hoạt động đóng vai trên với tất cả học viên và sử dụng các câu hỏi gợi ý dưới đây:



- ◆ Hoạt động thực hành trên đã tạo ra những tương tác với trẻ như thế nào?
- ◆ Giáo viên cảm nhận như thế nào về cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ?
- ◆ Các hoạt động này có sự sáng tạo và mới mẻ như thế nào?
- ◆ Các hoạt động có mục tiêu rõ ràng và giáo viên có đạt được mục tiêu đã đề ra không?

Kể chuyện tương tác là một cách hữu ích để đề cập tới những định kiến giới đang còn tồn tại hiện nay. Giáo viên cần chọn lựa sách một cách có chủ đích, ở đó các nhân vật nam/nữ, các bé trai/ gái thể hiện những vai trò khác với các vai trò truyền thống của nam và nữ. Hoặc các cuốn sách thể hiện các đặc điểm đa dạng của nhân vật. Điều này giúp trẻ thấy rằng chúng có thể trở thành bất cứ ai chúng muốn, không có giới hạn về giới tính hay những khuôn mẫu khác.

Hướng dẫn lựa chọn sách phù hợp cho trẻ có thể tìm thấy trong tài liệu này tại phần Phụ lục D.

SUY NGẪM: 20 PHÚT

Hoạt động 5: Suy ngẫm và kết nối

Làm việc theo cặp - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm lớn: 20 phút

- ◆ Giảng viên yêu cầu học viên suy ngẫm về kế hoạch kể chuyện tương tác mà họ đã tự thiết kế và trả lời các câu hỏi sau vào tài liệu học viên.

1. Những kĩ năng nào trong số bảy kĩ năng tiền đọc viết đã được phát triển trong bài này?
2. Các kĩ năng này được phát triển như thế nào?

- ◆ Ngôn ngữ nói
- ◆ Vốn từ
- ◆ Kĩ năng tường thuật
- ◆ Nhận thức về âm vị
- ◆ Nhận thức về bảng chữ cái
- ◆ Nhận thức về bản in
- ◆ Động cơ đọc

6.2 VÒNG TRÒN KỂ CHUYỆN

Mục tiêu:

- ♦ Xác định những đặc điểm của kĩ thuật vòng tròn kể chuyện.
- ♦ Thực hành hoạt động vòng tròn kể chuyện.

Chuẩn bị

 Giấy	 Bút viết bảng, bút chì màu	 Máy ghi âm (hoặc điện thoại có chức năng ghi âm)
 Đồ dùng, đồ chơi khác trong lớp học có liên quan tới việc tổ chức hoạt động mở rộng		 Bộ thẻ môi trường học tập giàu ngôn ngữ

KẾT NỐI: 15 PHÚT

Hoạt động 1: Câu chuyện của tôi

Thảo luận - Làm việc theo cặp

Ngôn ngữ nói là một thành tố quan trọng trong bất kì nền văn hóa nào.

Bạn có còn nhớ những câu chuyện mà mình đã kể khi còn nhỏ trong gia đình không? Bạn đã kể những câu chuyện đó khi nào? Nội dung những chuyện đó nói về những điều gì?

Chia sẻ theo cặp: 15 phút

- ♦ Thảo luận nhanh câu hỏi trên đây theo từng cặp học viên.



HỌC TẬP: 70 PHÚT

Hoạt động 2: Mô hình vòng tròn kể chuyện

“Vòng tròn kể chuyện là một hoạt động do trẻ làm chủ, với các ý tưởng xuất phát từ suy nghĩ và sở thích của trẻ trong lớp học. Vai trò của giáo viên là làm mẫu việc kể chuyện bằng cách kể câu chuyện ngắn của chính mình ngay trong vòng kể chuyện đầu tiên và điều tiết bằng cách giúp trẻ thay phiên nhau và chăm chú lắng nghe người khác kể. Giáo viên không được chỉnh sửa cách sử dụng ngôn ngữ của trẻ vì các vòng tròn kể chuyện thúc đẩy khả năng học hỏi lẫn nhau của chúng.” (Flynn, 2016).

Vòng tròn kể chuyện là kỹ thuật được phát triển bởi TS. Darla K. Deardorff (2020), ban đầu là một công cụ của UNESCO phát triển để giúp mọi người có xuất thân từ đa dạng các nền văn hoá khác nhau để có thể dễ dàng hiểu nhau hơn, nhưng hiện nay được sử dụng trong lớp học môi trường học tập giàu ngôn ngữ dành cho trẻ mầm non như một cách không chỉ để kết nối mà còn để phát triển các kỹ năng tiền đọc viết đặc thù trong bối cảnh đa dạng văn hoá.

Vòng tròn kể chuyện là một hoạt động đơn giản có thể được đưa vào lịch trình hàng tuần, tạo cơ hội cho trẻ luyện tập ngôn ngữ nói, kể chuyện, kết nối với bạn bè và thực hành ngôn ngữ mới trong một môi trường an toàn và tích cực.

Lớp học mẫu - Làm việc nhóm lớn

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Giảng viên làm mẫu kể chuyện bằng cách kể câu chuyện của chính mình trước. Bạn đang đóng vai là giáo viên dạy trẻ mầm non, vì vậy hãy kể một câu chuyện thật lôi cuốn và phù hợp với các em nhỏ nhé.
- ♦ Sau đó hỏi xem học viên có câu hỏi nào không.

Làm việc nhóm nhỏ: 25 phút

- ♦ Chia lớp thành các nhóm bốn người.
- ♦ Mỗi người sẽ có hai phút để kể một câu chuyện. Có thể là bất kỳ câu chuyện, một sự kiện có thật, một điều gì đó mà họ muốn xảy ra hoặc một câu chuyện tưởng tượng.
- ♦ Các học viên khác “lắng nghe tích cực” không ngắt ngang câu chuyện và chờ cho đến khi người kể chuyện kết thúc mới được đặt câu hỏi.
- ♦ Giảng viên đi quanh phòng để quan sát và lắng nghe câu chuyện, nhưng không ngắt lời hoặc chỉnh sửa ngôn ngữ của người kể.
- ♦ Sau khi mỗi người kết thúc câu chuyện của mình, những người khác có thể đặt câu hỏi cho họ.

Làm việc nhóm lớn: 5 phút

- ◆ Thảo luận những khía cạnh họ quan sát thấy xoay quanh các đặc điểm của vòng tròn kể chuyện (sử dụng thông tin trong tài liệu của họ dưới đây)

Vòng tròn kể chuyện

Quy trình:

1. Giáo viên làm mẫu kể chuyện cho cả lớp nghe. Đây là một câu chuyện được kể bằng miệng, không phải được đọc từ một cuốn sách. Giáo viên có thể kể câu chuyện về bất kì chủ đề nào.
2. Giáo viên khuyến khích trẻ đặt một số câu hỏi về câu chuyện để kích thích sự tương tác giữa trẻ với giáo viên và giữa trẻ với trẻ.
3. Giáo viên chia lớp thành các nhóm nhỏ.
4. Hẹn giờ và cho mỗi trẻ 2-3 phút để kể câu chuyện của mình. Sau đó dành thời gian cho các bạn khác đặt câu hỏi và thảo luận về câu chuyện.
5. Giáo viên đi quanh lớp để lắng nghe nhưng không ngắt lời hoặc sửa lỗi ngôn ngữ của trẻ trong suốt câu chuyện.

Kỹ thuật vòng tròn kể chuyện nên được tiến hành định kì hàng tuần. Sẽ rất hữu ích nếu duy trì nếu duy trì các nhóm kể chuyện trong khoảng thời gian đủ dài để trẻ có thể bắt đầu kết nối các câu chuyện của mình và kế thừa lẫn nhau. Điều này cũng giúp xây dựng mối quan hệ giữa những các trẻ trong nhóm.

Lợi ích:

- ◆ Thúc đẩy sự hợp tác giữa các trẻ với nhau.
- ◆ Các kĩ năng tiền đọc viết được phát triển, đặc biệt là kĩ năng tường thuật.
- ◆ Trẻ làm mẫu và học các cách sử dụng ngôn ngữ lẫn nhau (học tập đồng đẳng).
- ◆ Trẻ khám phá những sở thích và trải nghiệm mà trẻ khác chia sẻ.
- ◆ Trẻ có nhiều động lực hơn để kể câu chuyện của mình một cách tự tin trước mặt các bạn trong nhóm nhỏ (hỗ trợ những trẻ trong giai đoạn im lặng).
- ◆ Có thể kể nhiều thể loại và hình thức câu chuyện khác nhau.
- ◆ Hoàn toàn do trẻ dẫn dắt và dựa trên sở thích của chính trẻ.
- ◆ Trẻ học cách đưa ra bối cảnh và mô tả các sự kiện.
- ◆ Trẻ học cách sắp xếp các câu chuyện theo trình tự logic.
- ◆ Trẻ thực hành các năng lực liên văn hóa.

Những điểm khác cần lưu ý:

- ◆ Những trẻ nhỏ tuổi có thể cần gợi ý hoặc hỗ trợ bằng hình ảnh để bắt đầu câu chuyện. Hãy hỏi các em một câu hỏi đơn giản: "Tối qua, con đã làm gì?" hay "Con có thể mô tả đồ chơi yêu thích của mình được không?"
- ◆ Có thể cho phép trẻ nói cả tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ. Không nên ngắt lời trẻ hay buộc các em phải nói một ngôn ngữ nhất định.

Flynn, 2021



Hoạt động 3: Mở rộng vòng tròn kể chuyện

Trò chơi - Làm việc nhóm

Làm việc nhóm: 15 phút

- ♦ Giảng viên cắt bảng dưới đây theo từng hoạt động mở rộng.
- ♦ Mỗi nhóm được giao một hoạt động mở rộng.

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

- ♦ Thảo luận về các hoạt động mở rộng khác nhau và lợi ích của chúng.
- ♦ Giảng viên đề nghị học viên đề xuất các hoạt động mở rộng khác.

Vòng tròn kể chuyện Các hoạt động mở rộng

Hoạt động mở rộng: Ghi âm các câu chuyện của trẻ

Sử dụng câu chuyện được ghi âm từ trẻ. Giáo viên cũng có thể sử dụng bản ghi âm đó để nêu bật những cách thực hành ngôn ngữ tốt và sử dụng nó làm hình mẫu cho các trẻ khác. Lắng nghe câu chuyện của các trẻ khác để tìm ra mối liên hệ với câu chuyện hoặc trải nghiệm này.

Hoạt động mở rộng: Biến những câu chuyện mà trẻ kể thành một cuốn sách truyện.

Lắng nghe cẩn thận câu chuyện của trẻ. Sau đó, giáo viên có thể sử dụng ý tưởng của trẻ biến nó thành một cuốn truyện. Cuốn sách này sau đó có thể được sử dụng trong kể chuyện tương tác hoặc đưa vào thư viện lớp học để tất cả trẻ đều có thể “đọc” được.

Hoạt động mở rộng: Truyện tranh về cá nhân trẻ.

Trẻ có thể biến câu chuyện của mình thành một cuốn truyện tranh. Sau khi thực hành kể câu chuyện của mình, trẻ có thể sử dụng tài liệu để tái hiện lại câu chuyện đó bằng tranh hoặc hình ảnh. Giáo viên có thể đặt những cuốn sách đó trong thư viện lớp học.

Hoạt động mở rộng: Kết nối với các nội dung học tập khác.

Sử dụng những nội dung từ trong câu chuyện của trẻ kể để kết nối với các phần khác trong bài học. Nếu trẻ kể một câu chuyện về vật nuôi trong nhà hoặc thú cưng của chúng, khi giáo viên dạy về chủ đề con vật, hãy kết nối lại với câu chuyện đó để giúp mở rộng vốn từ và củng cố kiến thức trước đó của trẻ.

Hoạt động mở rộng: Đóng vai

Sau khi trẻ kể câu chuyện, hãy yêu cầu các bạn khác trong lớp diễn xuất lại câu chuyện đó.

Bạn có nghĩ ra được các hoạt động mở rộng nào khác không?



Làm việc nhóm lớn: 5 phút

- ♦ Giải thích về lợi ích của kỹ thuật vòng tròn kể chuyện
- ♦ Cùng xem một đoạn phim ngắn



Phát triển năng lực liên văn hóa: <https://www.youtube.com/watch?v=U-54KeT1n5w&list=PLTBJkYjTKsbcAzvvVDXKKZUbaUT9yKriE&index=9>

THỰC HÀNH: 75 PHÚT

Hoạt động 4: Thực hành áp dụng vòng tròn kể chuyện

Lớp học mẫu - Làm việc nhóm

Thảo luận nhóm: 25 phút

- ♦ Giảng viên chia học viên thành các nhóm, mỗi nhóm gồm 4 – 5 học viên. Yêu cầu các nhóm thiết kế một hoạt động vòng tròn kể chuyện cùng với các hoạt động mở rộng.

Làm việc theo cặp hai nhóm: 40 phút

- ♦ Yêu cầu hai nhóm gộp lại thành một nhóm lớn.
- ♦ Một thành viên sẽ đóng vai giáo viên, các thành viên còn lại đóng vai trẻ. Giáo viên sẽ triển khai bài học vòng tròn câu chuyện vừa thiết kế.
- ♦ Thay đổi người đóng vai giáo viên.

Làm việc nhóm lớn: 10 phút

Các câu hỏi suy ngẫm:

- ♦ Giáo viên đã áp dụng những đặc điểm chính của vòng tròn kể chuyện như thế nào?
- ♦ Giáo viên đã đảm nhận vai trò gì trong hoạt động này?
- ♦ Việc không ngắt lời trẻ có khó khăn không?
- ♦ Những kỹ năng tiền đọc viết nào đã được dạy trong hoạt động này?

SUY NGẪM: 20 PHÚT

Thảo luận - Làm việc nhóm

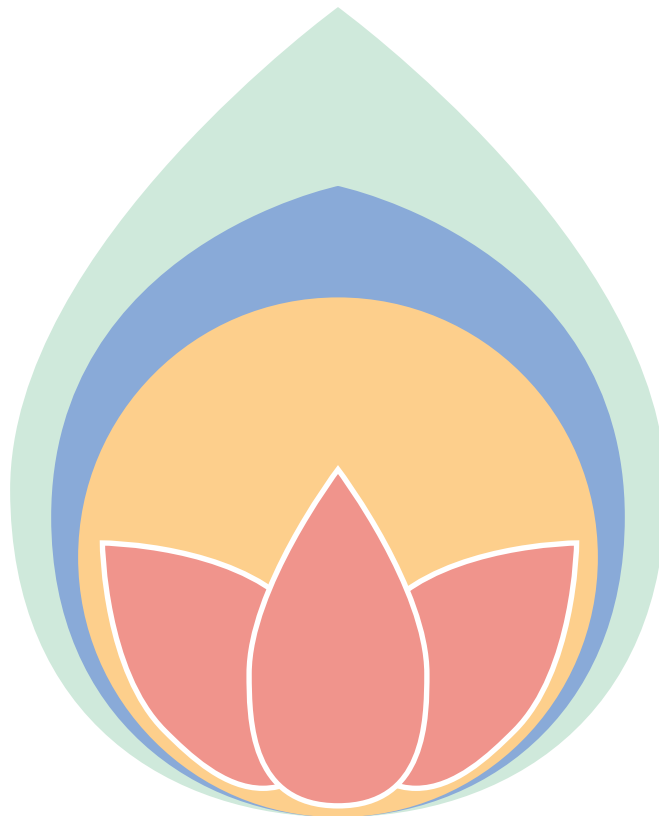
Làm việc nhóm: 10 phút

- ♦ Chia lớp học thành các nhóm gồm ba người.
- ♦ Phát cho mỗi nhóm một số tấm thẻ về đặc điểm của môi trường học tập giàu ngôn ngữ.
- ♦ Yêu cầu các nhóm suy ngẫm và xác định xem những tấm thẻ nào kết nối trực tiếp với các mục tương ứng trong mô-đun này.

Làm việc nhóm lớn: 5 phút

- ♦ Chia sẻ xem những tấm thẻ nào kết nối với mỗi mục tương ứng trong mô-đun.
- ♦ Nhắc học viên rằng ở đây không có câu trả lời đúng hay sai. Có những tấm thẻ sẽ kết nối với nhiều kĩ thuật khác nhau; đôi khi có sự trùng lặp và điều này là hoàn toàn bình thường.

Học viên hãy cùng suy ngẫm về mô hình môi trường học tập giàu ngôn ngữ dưới đây. Những kĩ thuật mà học viên đã học được trong mô-đun này kết nối như thế nào với 3 thành tố của môi trường học tập giàu ngôn ngữ? Hãy sử dụng các tấm thẻ về đặc điểm của môi trường học tập giàu ngôn ngữ để suy ngẫm và trả lời câu hỏi trên.



Môi trường an toàn,
tích cực và
phong phú

Nhiệm vụ có
ý nghĩa

Hỗ trợ trọng tâm
thông qua
tương tác

- Cung cấp ngôn
ngữ phong phú.
- Trò chuyện thực tế
- Phản hồi & hỗ trợ

MÔ-ĐUN 6: THÔNG TIN THAM KHẢO

Các câu chuyện, dù là giáo viên hay trẻ dẫn dắt, đều là những cách thức có ý nghĩa để tạo ra một môi trường học tập giàu ngôn ngữ. Trong kĩ thuật kể chuyện tương tác và vòng tròn kể chuyện, giáo viên tạo cơ hội cho trẻ được thực hành các kĩ năng tiền đọc viết. Dù trẻ sử dụng một hay nhiều ngôn ngữ, cách tiếp cận này đều hỗ trợ các em rất hiệu quả. Kể chuyện tương tác mở ra không gian để giáo viên xây dựng những hoạt động sát với nhu cầu và sở thích của trẻ, giúp các em luôn giữ được niềm cảm hứng khám phá và tự do sáng tạo.

Suy ngẫm của giảng viên

Phần này dành riêng cho bạn với vai trò là một giảng viên để suy ngẫm về quá trình cung cấp những kiến thức mới cho học viên trong lớp.

Hãy xem lại mục tiêu của phần này và các câu hỏi định hướng dưới đây để cùng suy ngẫm về kết quả của lớp tập huấn.

Với vai trò là giảng viên, bạn có thể tự ghi lại những suy ngẫm của mình, nói ra suy ngẫm đó rồi ghi âm lại, hoặc vẽ sơ đồ tư duy, hoặc có thể chia sẻ ngay với đồng nghiệp của mình về những điều bạn đã làm tốt và những điều bạn có thể cải thiện trong các lớp tập huấn tiếp theo.

Bạn tự chủ động trong việc lựa chọn hình thức suy ngẫm sau tập huấn.

Mục tiêu của từng mục trong mỗi phần nội dung

Kết nối

Mục tiêu của bước này là kích hoạt mối quan tâm của học viên về chủ đề sẽ được cung cấp trong khóa tập huấn và sử dụng những kiến thức, kinh nghiệm của học viên để kết nối nội dung sắp được học với bối cảnh thực tế trong công việc của học viên. Giai đoạn này rất quan trọng để đảm bảo rằng tất cả học viên có thể nhận thấy mối liên quan giữa chủ đề với công việc hiện tại của mình, từ đó họ sẽ quan tâm và được khích lệ để suy ngẫm thấu đáo hơn.

Học tập

Mục tiêu của bước này là giới thiệu kiến thức mới tới học viên thông qua bài giảng trong lớp tập huấn để đảm bảo rằng người tham gia có được trải nghiệm trực tiếp về kiến thức mới một cách tích cực và hứng thú. Học viên sẽ cùng suy ngẫm về những kiến thức mới này bằng cách phân tích dựa trên kinh nghiệm cá nhân.

Thực hành

Thực hành kiến thức mới là một bước quan trọng trong việc xây dựng sự hiểu biết, kĩ năng và sự tự tin của học viên để áp dụng kiến thức mới học. Giai đoạn này giúp người học có cơ hội đưa lí thuyết vào thực tế và nhận phản hồi từ giảng viên và học viên khác ngay lập tức. Những phản hồi này giúp nâng cao nhận thức của học viên và tăng cường phát triển chuyên môn.

Suy ngẫm

Suy ngẫm là một kĩ năng quan trọng đối với các nhà giáo dục. Ở bước này, học viên có cơ hội nhìn nhận, suy ngẫm về kiến thức được học cũng như cân nhắc những việc cần làm để đưa những kiến thức mới tiếp thu vào thực hành một cách phù hợp với bối cảnh thực tiễn.

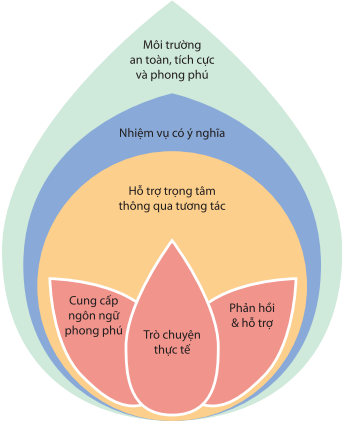
Phần X:

Mục tiêu của phần:

Bạn đã đạt được mục tiêu của phần này chưa? Làm thế nào để Bạn biết điều đó?

Mục	Suy ngẫm
Kết nối	◆ Bạn đã đạt được mục tiêu của mục này chưa? ◆ Làm thế nào để bạn biết điều đó? ◆ Bạn sẽ thay đổi điều gì trong những lần tập huấn tới?
Học tập	◆ Bạn đã đạt được mục tiêu của mục này chưa? Làm thế nào để bạn biết điều đó? ◆ Bạn sẽ thay đổi điều gì trong những lần tập huấn tới?
Thực hành	◆ Bạn đã đạt được mục tiêu của mục này chưa? Làm thế nào để bạn biết điều đó? ◆ Học viên có đủ thời gian trên lớp tập huấn để áp dụng thử những kiến thức đã học không? ◆ Bạn có đưa ra những phản hồi, góp ý để học viên có thể cải thiện việc áp dụng những kiến thức này không? ◆ Bạn sẽ thay đổi điều gì trong những lần tập huấn tới?
Suy ngẫm	◆ Bạn có tạo cơ hội cho học viên suy ngẫm trong lớp tập huấn không? ◆ Học viên có suy ngẫm bằng cách mô tả nội dung của mô-đun không? ◆ Học viên có suy ngẫm về việc thực hành trong bối cảnh thực tế của mình không? ◆ Bạn sẽ thay đổi điều gì trong những lần tập huấn tới?

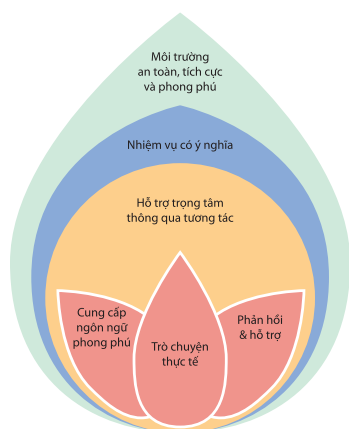
PHỤ LỤC A: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ

VÒNG TRÒN 1	Môi trường tích cực, an toàn và phong phú
Môi trường tích cực, an toàn, và phong phú 	Môi trường an toàn, tích cực và hỗ trợ bao gồm cả môi trường vật chất lẫn môi trường cảm xúc - xã hội hay bầu không khí lớp học. Trẻ cần một môi trường vật lí không gây hại, song các em cũng cần một môi trường an toàn về mặt cảm xúc và tinh thần. Môi trường an toàn, tích cực, và phong phú là môi trường học mà mọi đứa trẻ đều cảm thấy được tôn trọng, được chăm sóc và văn hoá của trẻ được đề cao. Điều này bao gồm việc đề cao văn hóa gia đình, ngôn ngữ, giới tính và sở thích của các em. Môi trường học này là nơi mà trẻ cảm thấy an toàn về mặt cảm xúc và tinh thần. Điều này sẽ cho phép trẻ cảm thấy hạnh phúc và được bao quanh bởi nhiều cơ hội học tập có ý nghĩa. ◆ Mọi đứa trẻ trong lớp học đều được tôn trọng về văn hóa và ngôn ngữ (cả môi trường vật chất lẫn cách giáo viên thiết kế giáo án và tương tác với trẻ trong lớp). ◆ Môi trường học không tạo ra các yếu tố gây căng thẳng cho trẻ. ◆ Tất cả trẻ cảm thấy được an toàn và thoải mái khi chia sẻ những ý tưởng hay câu trả lời của mình. ◆ Giáo viên ghi nhận hoặc khen ngợi trẻ (không chỉ là khi trẻ có những câu trả lời đúng hay làm đúng mà còn cả khi trẻ thể hiện sự nỗ lực, cố gắng hoàn thành một hoạt động/ nhiệm vụ nào đó theo một cách mới, sáng tạo). ◆ Giáo viên phản ứng với trẻ một cách tích cực và hỗ trợ.

VÒNG TRÒN 2

Các nhiệm vụ có ý nghĩa

Các nhiệm vụ có ý nghĩa



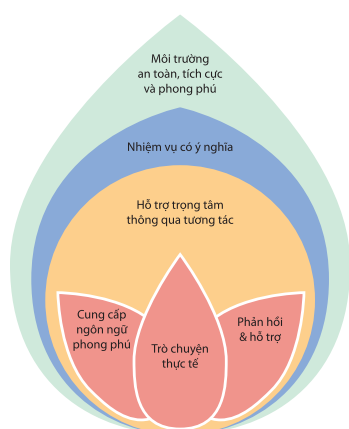
Một nhiệm vụ có ý nghĩa là một bài học được thiết kế dựa trên bối cảnh của trẻ nhằm phát triển các kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cụ thể nào đó. Tuy nhiên, các nhiệm vụ có ý nghĩa không nhất thiết lúc nào cũng phải là một bài học đặc biệt. Đó có thể là bất kỳ khoảnh khắc ý nghĩa nào trong ngày mà giáo viên tận dụng để hỗ trợ phát triển ngôn ngữ của trẻ. Dù là trong một nhiệm vụ có ý nghĩa trong một bài học hay các nhiệm vụ có ý nghĩa diễn ra trong suốt cả ngày học, giáo viên nên chú ý đến ba điểm sau: cung cấp ngôn ngữ phong phú, các cuộc trò chuyện thực tế và phản hồi cho trẻ.

- ◆ Hoạt động học được thiết kế phù hợp với môi trường/bối cảnh/văn hoá của trẻ.
- ◆ Hoạt động trong lớp mang tính thực tế và thể hiện tính chức năng trong đời sống thực.
- ◆ Hoạt động học có đủ thách thức và tạo động lực cho trẻ.
- ◆ Trẻ cần sử dụng ngôn ngữ để hoàn thành nhiệm vụ.
- ◆ Trẻ cần có tương tác trong khi thực hiện các hoạt động hoặc nhiệm vụ.

VÒNG TRÒN 3

Hỗ trợ có trọng tâm thông qua tương tác

Hỗ trợ có trọng tâm thông qua tương tác



Hỗ trợ có trọng tâm thông qua tương tác

Ngôn ngữ của trẻ được phát triển thông qua tương tác thực tế giữa giáo viên với trẻ cũng như giữa trẻ với trẻ. Giáo viên cần hỗ trợ cụ thể và trọng tâm trong khi tương tác với trẻ. Điều này bao gồm những phương pháp hỗ trợ từng bước nhỏ khác nhau (Scaffolding: phương pháp bắc giàn giáo). Khi giáo viên đưa ra các phản hồi cho trẻ cần phải luôn tích cực và có chủ đích. Có ba cách để hỗ trợ trẻ từng bước một cách có trọng tâm thông qua các tương tác là:

- ◆ Cung cấp ngôn ngữ phong phú
- ◆ Trò chuyện một cách thực tế
- ◆ Đưa ra những phản hồi và hỗ trợ

Cung cấp ngôn ngữ phong phú

- ◆ Ngôn ngữ mà giáo viên sử dụng với trẻ trong các hoạt động cần mang chức năng sử dụng.
- ◆ Ngôn ngữ cung cấp ở cấp độ phù hợp với năng lực của trẻ.
- ◆ Ngôn ngữ mà giáo viên cung cấp cần được lồng ghép vào các tình huống hàng ngày của trẻ.
- ◆ Giáo viên có thể điều chỉnh cách giáo viên cung cấp ngôn ngữ cho trẻ dựa trên trình độ, năng lực của trẻ.
- ◆ Giáo viên sử dụng bối cảnh và trực quan để hỗ trợ cho phù hợp với kiến thức, trải nghiệm mà trẻ đã có trước đây.

Trò chuyện thực tế

- ◆ Giáo viên sử dụng mọi cơ hội trong ngày để tương tác với trẻ, cả trong các bài học và qua những thói quen hàng ngày hoặc các thời điểm chuyển tiếp giữa các hoạt động.
- ◆ Giáo viên lưu ý tới sự quan tâm hay sở thích của trẻ khi trò chuyện với trẻ.
- ◆ Giáo viên thường xuyên thay đổi các dạng câu hỏi mà giáo viên hỏi trẻ (mở/đóng).
- ◆ Giáo viên tạo không gian và cơ hội cho trẻ để tương tác (tương tác không chỉ là giữa giáo viên và trẻ mà cả tương tác giữa trẻ với trẻ)
- ◆ Giáo viên đảm bảo mọi trẻ đều có cơ hội được chia sẻ và tương tác với nhau, chứ không phải chỉ có một trẻ tự tin hơn sẽ được nói.
- ◆ Giáo viên giúp trẻ diễn đạt những cử chỉ, điệu bộ thành lời nói cụ thể.
- ◆ Giáo viên lắng nghe tích cực các cuộc trò chuyện của trẻ và giáo viên hỏi trẻ một số câu hỏi để giúp trẻ tiếp tục cuộc trò chuyện.

Hỗ trợ và phản hồi

- ◆ Giáo viên thực sự cố gắng hiểu những gì đứa trẻ chia sẻ. Giáo viên sử dụng thêm các câu hỏi, đồ vật hoặc ngôn ngữ cơ thể để làm rõ hoặc diễn đạt lại những điều trẻ muốn nói. Giáo viên đưa ra gợi ý và đề nghị trợ giúp trẻ khi cần thiết.
- ◆ Giáo viên đưa ra phản hồi hiệu quả: tập trung vào nội dung của thông điệp, sửa những thông điệp đó theo một cách gián tiếp, hay diễn đạt lại điều trẻ muốn nói theo một cách đúng và dễ hiểu hơn.
- ◆ Giáo viên lặp lại những điều trẻ nói và mở rộng thêm đoạn hội thoại bằng các từ và câu mới.

PHỤ LỤC B: BỘ THẺ SUY NGẪM VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC GIÀU NGÔN NGỮ

Đường dẫn: https://drive.google.com/file/d/1VD4bzDceMwF0AWIvn_EXXjT9kWBdSFsg/view?usp=sharing



PHỤ LỤC C: CÁC NHẬN ĐỊNH VỀ MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP GIÀU NGÔN NGỮ

Là giáo viên, tôi tạo ra một môi trường học ở đó văn hóa và ngôn ngữ của trẻ được tôn trọng.	Hoạt động học mà tôi tổ chức cho trẻ tham gia dựa trên văn hoá, đời sống hàng ngày của trẻ.	Tôi điều chỉnh cách mình sử dụng ngôn ngữ với trẻ sao cho phù hợp với năng lực ngôn ngữ của trẻ.
Tôi quan tâm tới cảm giác thoải mái của trẻ trong lớp học. Tôi tạo ra không gian lớp học mà trẻ cảm thấy an toàn và thoải mái khi chia sẻ ý tưởng hay sáng kiến của mình.	Các hoạt động học mà tôi thiết kế phù hợp với năng lực của trẻ, nhưng đủ thách thức và tạo thêm động lực cho trẻ cố gắng.	Tôi tạo ra không gian hay nhiệm vụ khác nhau để trẻ có thể tương tác với nhau, hoặc trẻ tương tác với tôi trong nhiều tình huống khác nhau ở trường.
Tôi khen ngợi và ghi nhận những nỗ lực của trẻ trong lớp, dù đó chỉ là một điều rất nhỏ.	Giáo viên hãy tự đưa ra một ví dụ của mình về cách tạo môi trường an toàn, tích cực, và phong phú; HOẶC tổ chức các nhiệm vụ có ý nghĩa với trẻ; HOẶC hỗ trợ trẻ thông qua các tương tác...	Tôi lắng nghe tích cực các cuộc trò chuyện của trẻ. Đôi khi tôi hỏi thêm các câu hỏi để mở rộng cuộc trò chuyện và cho trẻ cơ hội tiếp tục chia sẻ những gì mình biết về chủ đề.
Tôi quan tâm tới cảm xúc của trẻ và cố gắng để giúp trẻ cảm thấy thoải mái hơn trong mọi hoạt động trong ngày.	Các nhiệm vụ hay hoạt động học hàng ngày mang tính thực tế và thể hiện tính chức năng.	Tôi tế nhị sửa các lỗi sai cho trẻ theo nhiều cách khác nhau nhưng không bắt trẻ phải lặp lại một câu đúng theo cách máy móc. Như vậy trẻ sẽ tiến bộ dần dần và cảm thấy thoải mái hơn.

PHỤ LỤC D: MỘT VÍ DỤ VỀ KỂ CHUYỆN TƯƠNG TÁC

CÂU CHUYỆN: Ở NƠI QUỶ SỨ GIẶC NON

Giáo viên sẽ tìm thấy trong phần này một ví dụ khác về cách sử dụng sách tranh ở trong lớp học và tại các góc chơi. Phần mô tả dưới đây được lồng ghép với các phương pháp đã được giới thiệu trong các phần trước của tài liệu:

- ◆ Xuất phát từ cảm giác thoải mái và sự tham gia của trẻ và áp dụng 8 điểm hành động để cải thiện
- ◆ Thiết lập môi trường học tập giàu ngôn ngữ bằng cách tạo ra các hoạt động (a) an toàn, (b) có ý nghĩa và (c) cung cấp các hỗ trợ về ngôn ngữ thông qua các tương tác
- ◆ Áp dụng nhiều kĩ thuật khác nhau ở các góc chơi để tăng cường sự tương tác
- ◆ Sử dụng nhiều dạng câu hỏi khác nhau

Thông tin chi tiết về cuốn sách

Nguồn tham khảo	Sendak, M (1963). Where the wild things are. New York: Harper & Row
Nội dung	Max là một cậu bé tinh nghịch. Max mặc một bộ trang phục giống một chú chó sói. Cậu bị mẹ phạt vì quá quậy phá và phải đi ngủ khi cậu bé còn chưa được ăn tối. Tuy nhiên, buổi tối đó phòng ngủ của cậu bắt đầu biến đổi thành một thế giới khác. Max đã dong thuyền lạc tới một hòn đảo có rất nhiều quái vật thường được gọi là “những con quỷ sứ giấc non”. Cậu được tôn làm vua của chúng. Max cùng lũ quỷ sứ giấc non tổ chức một bữa tiệc rất vui vẻ và huyền ảo. Mặc dù vậy, Max vẫn cảm thấy cô đơn. Cuối cùng, Max dong thuyền quay trở về về nhà.
Ý nghĩa câu chuyện	Một giấc mơ về những con quái vật
Thể loại	Truyện tranh và chữ
Đối tượng	Trẻ 4 – 5 tuổi, dành cho lứa tuổi trẻ lớn





(Nguồn: Sendak, M (1963). *Where the wild things are*. New York: Harper & Row.)

Hoạt động giới thiệu: Những con quái vật

Loại hoạt động	Giáo viên giới thiệu hình ảnh một con quái vật thông qua việc sử dụng các tranh, ảnh hoặc bằng một món đồ chơi. Giáo viên kể cho trẻ nghe về những con quái vật. Giáo viên có thể giới thiệu từ “quỷ sứ giặc non” mà được sử dụng trong cuốn sách (nhưng lúc này chưa cần nói về cuốn sách trong hoạt động giới thiệu này).
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Những con quái vật nhồi bông hoặc những hình ảnh về các con quái vật
Quá trình	Giáo viên mang con quái vật nhồi bông hoặc tranh ảnh về những con quái vật tới lớp học. Giáo viên giới thiệu về chủ đề quái vật. Giáo viên hỏi trẻ về những điều trẻ đã biết về quái vật cũng như cảm xúc của trẻ khi nói về những con quái vật. Tất cả những kinh nghiệm của trẻ và điều trẻ chia sẻ đều được ghi nhận. Tất cả các con quái vật không nhất thiết đều trông giống nhau. Hãy cùng khám phá xem quái vật trông như thế nào và chúng cư xử ra sao. Ngoài ra, hãy cùng khám phá những cảm xúc của con người liên quan tới chủ đề quái vật.
Từ vựng	Từ vựng sẽ được giới thiệu theo một cách tự nhiên: quái vật, những điều kinh khủng, sợ hãi, khóc, giấc mơ, ác mộng...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Các câu hỏi giáo viên có thể hỏi: ◆ Các con đã bao giờ nhìn thấy quái vật chưa? Đó là khi nào, ở đâu? ◆ Những con quái vật trông thế nào? ◆ Liệu chúng ta có thể hóa trang thành quái vật không? ◆ Những con quái vật đó chúng cư xử như thế nào? ◆ Các con có sợ những con quái vật không? ◆ Các con thường làm gì khi cảm thấy sợ hãi?

Hoạt động chính: Kể chuyện và kể lại câu chuyện

1. Kể chuyện

Loại hoạt động	Giáo viên kể chuyện
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Sách
Quá trình	Giáo viên kể lại câu chuyện thông qua việc đọc nội dung trong cuốn truyện. Giáo viên vừa kể chuyện vừa chỉ vào các bức tranh trong cuốn sách để trẻ có thể quan sát được.

2. Kể lại câu chuyện

Loại hoạt động	Giáo viên và trẻ cùng tham gia kể lại câu chuyện
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Sách
Quá trình	Dựa vào các câu hỏi và nhận xét của giáo viên và trẻ để kể chuyện. Giáo viên đã trẻ chú ý đến những kinh nghiệm và cảm xúc của trẻ.
Các câu hỏi có thể sử dụng	Trong phần nội dung kể về Max là một cậu bé tinh nghịch: ◆ Max đang làm gì vậy? ◆ Các con đoán xem ba mẹ của Max sẽ nghĩ gì về điều này? ◆ Tại sao Max lại phải đi ngủ khi cậu còn chưa được ăn tối? ◆ Lúc này Max cảm thấy thế nào? ◆ ... Trong phần nội dung kể về việc Max ở trong rừng và trên chiếc thuyền: ◆ Điều gì đang xảy ra vậy? Điều gì xảy ra trong phòng ngủ của Max? ◆ Các con muốn ở trong khu rừng đó không? ◆ Điều gì sẽ xảy ra bây giờ? ◆ Các con nghĩ xem, Max đang đi đâu? ◆ ...

Các câu hỏi có thể sử dụng	Trong phần nội dung kể về hòn đảo – xứ sở quỷ sứ giặc non: ◆ Max có cảm thấy sợ hãi không? ◆ Các con có thấy sợ không? ◆ Con quái vật nào mà các con cảm thấy sợ nhất? ◆ Max đang làm gì trên hòn đảo này? ◆ Các con sẽ làm gì nếu mình cũng bị lạc vào xứ sở này? ◆ ... Trong phần nội dung Max trở thành quỷ sứ giặc non bệ hạ: ◆ Tại sao Max được tôn làm vua của các loài quái vật? ◆ Họ đã cùng làm gì suốt cả đêm? ◆ Trong phần nội dung Max quay trở về nhà: ◆ Các con đoán xem Max cảm thấy thế nào trong bức tranh này (bức tranh cậu bé ngồi trước lều của mình)? ◆ Tại sao Max lại cảm thấy như vậy? ◆ Nếu là mình, các con sẽ cảm thấy thế nào? ◆ Max đang nhớ nhà. Cậu thấy nhớ nơi có ai đó yêu thương mình. Các con đã từng bao giờ thấy nhớ nhà chưa? ◆ Max đã làm gì? ◆ Những con quái vật trên đảo có đồng ý với ý định của Max không? ◆ Điều gì xảy ra khi Max về nhà? ◆ Các con có nghĩ điều này thực sự xảy ra với Max?
--	--

Các hoạt động mở rộng

1. Bốn cảm xúc

Loại hoạt động	4 cảm xúc cơ bản của con người
Nhóm	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Chiếc gương và cuốn sách
Quá trình	Trẻ sẽ cùng quan sát những con quái vật trong cuốn sách. Những con quái vật trong sách trông thế nào? Mũi, mắt, miệng của những con quái vật trông thế nào? Chúng đã làm khuôn mặt của mình trông ra sao? Trẻ đứng trước gương và giả vờ mình là một con quái vật bằng cách kéo khuôn mặt của mình giống với một con quái vật.

Quá trình	Giáo viên đề cập lại những cảm xúc đã được nói tới trong cuốn sách: Sợ hãi, buồn, vui sướng, tức giận. Các con có thể tạo ra những khuôn mặt tức giận, sợ hãi, vui, buồn khi đứng trước gương không? Các con có thể nhận ra cảm xúc của nhau không?
Từ vựng	Từ vựng sẽ được giới thiệu theo một cách tự nhiên: gương mặt, mũi, miệng, môi, răng, sợ hãi, buồn, vui...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi và phản hồi có thể sử dụng: ◆ Những con quái vật trông như thế nào? ◆ Các con có thể làm khuôn mặt mình đáng sợ giống như một con quái vật không? ◆ Các con sẽ cảm thấy thế nào nếu mình gặp một con quái vật? Lúc đó khuôn mặt của các con trông sẽ như thế nào? ◆ Các con có nghĩ rằng những con quái vật cũng có thể cảm thấy sợ hãi? Tại sao?

2. Làm mặt nạ những con quái vật hoặc vẽ hình các con quái vật

Loại hoạt động	Vẽ hoặc làm mặt nạ quái vật (có thể tổ chức cả hai hoạt động)
Nhóm	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Màu vẽ, sáp màu, bìa cứng, ruy băng, kéo, dập ghim, đĩa giấy...
Quá trình	Giáo viên yêu cầu trẻ cùng nhắm mắt và tưởng tượng đến một con quái vật (bất kì con quái vật nào). Giáo viên hướng dẫn trẻ bằng cách sử dụng các câu hỏi (Các con có thể thấy rõ con quái vật đó trông thế nào không? Khuôn mặt của con quái vật trong thế nào? Khuôn mặt đó có màu gì? Các con thấy da mặt của con vật thế nào?). Trẻ bắt đầu vẽ những con quái vật (Mỗi con quái vật trông sẽ khác nhau, giáo viên cho phép sự khác biệt này). Từ những bức tranh trẻ vẽ về sự hình dung của mình về những con quái vật, trẻ có thể bắt đầu thiết kế mặt nạ quái vật. Trẻ có thể bắt đầu với hoạt động làm mặt nạ quái vật mà không cần thực hiện hoạt động vẽ.

Từ vựng	Từ vựng sẽ được giới thiệu theo một cách tự nhiên: Tường tượng, mặt nạ, khuôn mặt, làn da, mặt, thô, mịn, màu sắc, lông, răng nhọn và dẹt, lông, mỡ, lỗ mũi,...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi và phản hồi giáo viên có thể trao đổi với trẻ: ◆ Các con thấy rõ con quái vật trông như thế nào không? ◆ Các con sẽ buộc sợi ruy băng với chiếc mặt nạ như thế nào? ◆

3. Thiết kế hòn đảo quái vật trong lớp học

Loại hoạt động	Trẻ trang trí, thay đổi không gian lớp học hoặc một góc chơi trở thành thế giới của những con quái vật hoặc hòn đảo của quái vật.
Nhóm	Hoạt động này có thể được xem như một hoạt động góc dành cho 5 – 6 trẻ. Hoạt động này cũng có thể thực hiện cho toàn lớp học.
Đồ dùng	Các đồ dùng trong lớp học, các bức tranh vẽ của trẻ, quần áo, đèn lồng...
Quá trình	Giáo viên gợi ý cho trẻ để thiết kế một hòn đảo của quái vật. Hòn đảo đó trông sẽ như thế nào nhỉ? Thế giới của những con quái vật trông ra sao? Trẻ bắt đầu động não. Giáo viên có thể hỗ trợ tư duy bằng cách ghi chép lại các ý tưởng của trẻ trên một sơ đồ tư duy trực quan. Giáo viên cũng có thể hỏi trẻ muốn thay đổi cách bố trí các góc hay lớp học như thế nào. Sau trẻ có thể bắt đầu thực hiện các ý tưởng. Nếu hoạt động này được tổ chức cho toàn bộ lớp học, giáo viên lấy một vài ý tưởng từ hoạt động thảo luận phía trên rồi chia trẻ thành các nhóm nhỏ để thực hiện các ý tưởng (Ví dụ: Trẻ nói rằng: (1) trẻ muốn vẽ các con quái vật thật đáng sợ, (2) trẻ muốn làm cho lớp học trở nên tối hơn, (3) trẻ muốn thu thập những âm thanh đáng sợ. Đối với những ý tưởng này, giáo viên có thể chia trẻ thành 3 nhóm trẻ khác nhau. Mỗi nhóm sẽ có ý tưởng và kế hoạch thực hiện các hoạt động riêng. Giáo viên có thể hỗ trợ từng nhóm bằng cách gợi ý các ý tưởng để thực hiện hoạt động của nhóm. Lưu ý: Giáo viên có thể cân nhắc việc duy trì không gian trang trí lớp học như vậy trong một hoặc hai hai tuần khi trẻ học về chủ đề này.

Từ vựng	Một số từ vựng có thể được giới thiệu theo một cách tự nhiên: Thiết kế, xây dựng, thế giới, vật liệu, sáng, tối, ...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi hay phản hồi có thể sử dụng: ◆ Thế giới của những con quái vật trông như thế nào? ◆ Làm thế nào để chúng ta có thể trang trí lớp học thành một hòn đảo của những con quái vật? ◆ Chúng ta nên làm gì? ◆ Chúng ta sẽ thực hiện điều đó như thế nào? Chúng ta cần những vật liệu gì để xây dựng hòn đảo quái vật? ◆ Các con sẽ cảm thấy thế nào nếu mình bị lạc vào thế giới của những con quái vật? ◆

4. Xây dựng chương ngại vật

Loại hoạt động	Trẻ xây dựng chương ngại vật
Nhóm trẻ	Khoảng 5-6 trẻ
Đồ dùng	Đồ dùng, vật liệu để xây dựng các chương ngại vật
Quá trình	Max đang bơi thuyền từ phòng ngủ của mình đến hòn đảo của những con quái vật. Hòn đảo đó ở rất xa. Những con sóng biển cao và những cơn gió thổi mạnh trên biển. Trên hòn đảo, cậu bé chơi nhiều hoạt động thú vị: nhảy múa, leo trèo cây... Trong lớp học, cô giáo yêu cầu trẻ làm một con đường từ góc này của lớp học (nơi trang trí căn phòng của Max) đến góc bên kia của lớp học (hòn đảo của quái vật) với nhiều hoạt động vận động khác nhau. Trẻ sẽ cùng nhau xây dựng một chương ngại vật. Trẻ sẽ tự quyết sẽ xây dựng chương ngại vật trên đường đi như thế nào và cần sử dụng các vật liệu gì. Giáo viên sẽ đề cập đến "Điều gì sẽ xảy ra trong thế giới của những con quái vật?" Các hoạt động có thể phải thực hiện để vượt qua chương ngại vật bao gồm: nhảy, lăn, tạo những khuôn mặt đáng sợ giống quái vật trước gương, bò, bơi lội, chèo thuyền... Các hoạt động có thể điều chỉnh tùy thuộc vào các vật liệu, đồ dùng của lớp học. Trước khi bắt đầu thực hiện, giáo viên có thể kiểm tra một lượt các hoạt động, đưa ra các ví dụ cụ thể hoặc yêu cầu trẻ giải thích về những việc sẽ cần phải làm.

Từ vựng	Các từ vựng giáo viên có thể giới thiệu theo một cách tự nhiên: lặp lại, thêm một lần nữa, chạy, nhanh, nhảy, chậm, ngã, bơi thuyền, bơi, khó, cẩn thận, dễ, thách thức...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Các từ vựng giáo viên có thể giới thiệu theo một cách tự nhiên: lặp lại, thêm một lần nữa, chạy, nhanh, nhảy, chậm, ngã, bơi thuyền, bơi, khó, cẩn thận, dễ, thách thức... ◆ Các con nghĩ xem các con quái vật sẽ chạy/ di chuyển như thế nào? ◆ Những con đường trên đảo quái vật sẽ trông như thế nào nhỉ? ◆ Liệu chúng ta có thể thiết kế những con đường đó đi lại khó khăn hơn không? ◆ Con đường như vậy đã đủ khó khăn, trở ngại cho việc đi lại chưa? ◆ Các con sẽ sử dụng những vật liệu gì để xây dựng con đường này? ◆ ...

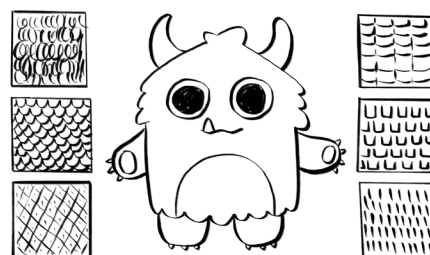
5. Vượt chướng ngại vật

Loại hoạt động	Trẻ sẽ tham gia vào hoạt động vượt chướng ngại vật đã được xây dựng bởi một nhóm trẻ
Nhóm	Toàn bộ lớp học
Đồ dùng	Đồ dùng, vật liệu phục vụ cho hoạt động vượt chướng ngại vật.
Quá trình	Trước khi bắt đầu, giáo viên có thể mời những trẻ đã tham gia vào việc xây dựng chướng ngại vật (công nhân) sẽ cùng giáo viên làm mẫu việc làm thế nào để vượt qua tất cả các chướng ngại vật, đưa ra các ví dụ hay giải thích làm thế nào để vượt qua từng thách thức.
Từ vựng	Từ vựng giáo viên có thể giới thiệu theo một cách tự nhiên: lặp lại, thêm một lần nữa, chạy, nhanh, nhảy, chậm, ngã, bơi thuyền, bơi, khó, cẩn thận, dễ, thách thức...

Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi hay phản hồi giáo viên có thể sử dụng (tùy thuộc vào các chương ngại vật): ◆ Đừng chạy quá nhanh, nếu không các con sẽ bị ngã khỏi thuyền. ◆ Chúng ta là những quái vật thực sự. Nhưng mà những con quái vật sẽ chạy như thế nào nhỉ? ◆ Các con có thấy hoạt động này khó không? Làm thế nào để việc vượt qua các chương ngại vật này trở nên khó khăn hơn? ◆ Các con có nhớ: Bạn Max có bị ngã không? ◆ Trong khi nhảy vượt chương ngại vật: Trong truyện, các con quái vật đã trèo lên cây có phải không? Chúng đã làm như thế nào? ◆ Nhảy một lần bằng cả hai chân trong vòng và nhảy một lần bằng cả hai chân giữa các vòng. ◆ ...
-----------------------------------	--

6. Vẽ hình mẫu hoa văn cho quái vật và kết cấu trực quan

Loại hoạt động	Hoạt động vẽ các họa tiết, hoa văn: Vẽ các hình quái vật trực quan.
Nhóm	5-6 trẻ
Đồ dùng	Các hình mẫu của quái vật, bút chì (ngoài ra có thể sử dụng các loại vật liệu khác như hạt gạo, hoa giấy, lông vũ, hạt cát, sỏi...)
Quá trình	Trẻ nhận một tờ mẫu quái vật có sẵn. Trẻ sẽ vẽ trang trí thêm các bộ phận khác cho con quái vật bao gồm lông, da...Con quái vật đó trông sẽ như thế nào? Giáo viên có thể chia sẻ một vài mẫu hoa văn tương tự (như con voi, cá...). Trẻ vẽ các hoa văn cho con quái vật. Một hoạt động khác: trẻ sẽ trang trí da của một con quái vật bằng các mảnh giấy vụn, hạt cát hoặc sỏi nhỏ, các loại hạt, lông vũ, hoa giấy, gạo...



Từ vựng	Từ vựng có thể được giới thiệu theo một cách tự nhiên: da, lông vũ, thô, mịn, đường kẻ sọc, đường vân, các vòng tròn, các hình vuông...
Các câu hỏi có thể sử dụng	Một số câu hỏi hoặc phản hồi giáo viên có thể sử dụng: ◆ Các con đang vẽ con quái vật gì vậy? ◆ Nếu con quái vật có làn da như vậy, khi sờ vào sẽ như thế nào? Các con có muốn chạm vào một con quái vật như vậy không? ◆ Vẽ như họa tiết, hoa văn như vậy có khó không? ◆ Các con đã sử dụng những vật liệu nào để tạo ra những hoa văn như vậy? ◆ ...

Tất cả các hoạt động trên không nhất thiết cần phải được thực hiện trong một ngày. Sẽ tốt hơn nếu giáo viên dành đủ thời gian thực hiện từng hoạt động một để trẻ có thể khám phá, tương tác, và học tập. Ví dụ: Các hoạt động giới thiệu cuốn sách được thực hiện vào thứ Hai, hoạt động kể chuyện thực hiện vào thứ Ba, các hoạt động mở rộng khác được thực hiện vào thứ Tư và thứ Năm, sau đó hoạt động kể lại câu chuyện vào thứ Sáu. Ngoài ra, các hoạt động cũng có thể được thực hiện song song với các hoạt động khác (tổ chức đồng thời) trong thời gian hoạt động góc. Cần cân nhắc điều chỉnh các hoạt động cũng như đồ dùng học tập theo chủ đề của câu chuyện mà giáo viên đang kể.

PHỤ LỤC E: BẢNG TIÊU CHÍ LỰA CHỌN SÁCH

Hãy đánh dấu x vào các câu trả lời mà giáo viên thấy phù hợp khi lựa chọn sách cho trẻ mầm non:

STT	Câu hỏi	Trả lời		
		Có	Không	Không rõ
1	Giáo viên có thể đọc cuốn sách này một cách nhiệt tình và thực sự yêu thích cuốn sách không?			
2	Trẻ có thể liên hệ một số nội dung trong sách với sở thích và trải nghiệm hàng ngày của trẻ không?			
3	Phần lời của cuốn sách có quá dài với trẻ không?			
4	Cuốn sách có được viết rõ ràng với ngôn từ và trình tự để trẻ có thể hiểu được hay không?			
5	Cuốn sách có từ mới không?			
6	Các từ ngữ, hành động, nhịp điệu có được lặp đi lặp lại hay không?			
7	Cuốn sách có lời thoại của các nhân vật hay không?			
8	Trẻ có thể tham gia vào nội dung cuốn sách bằng các lời nói hoặc hành động hay không?			
9	Cuốn sách có những tình tiết hài hước và vui nhộn không?			
10	Câu chuyện có phát triển và kết thúc khiến trẻ hài lòng không?			
11	Cuốn sách có khơi gợi trí tưởng tượng và óc hài hước của trẻ không?			
12	Truyện dân gian (cổ tích, thần thoại, truyện ngụ ngôn,...) có quá phức tạp về nội dung và hình tượng nhân vật có khiến trẻ khó hiểu không?			
13	Hình minh họa có giải thích và gắn kết tốt với lời không?			
14	Kích cỡ của cuốn sách có phù hợp để phù hợp với việc trẻ cầm đọc một mình/ nhóm nhỏ/ nhóm lớn không?			
15	Cuốn sách đó có giá trị giáo dục không?			

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Bản in lớp học: Để cập tới các tài liệu in ấn điển hình được sử dụng trong lớp học như sách, các biểu tượng, khẩu hiệu, biểu đồ...

Bản in môi trường: Là những bản in xuất hiện trong đời sống hàng ngày của trẻ em ví dụ: các biển báo giao thông, thực đơn trong nhà hàng, các nhãn thực phẩm, bảng kí hiệu...

Câu hỏi đóng: Là các câu hỏi mà có câu trả lời thường là có hoặc không; Các câu hỏi chỉ giới hạn các câu trả lời; hoặc các dạng câu hỏi hạn chế các cơ hội mở rộng đoạn hội thoại hay hạn chế các câu trả lời mở rộng.

Câu hỏi mở: Những câu hỏi gợi ra câu trả lời dài hơn và/hoặc kích thích suy nghĩ sâu hơn của trẻ.

Định kiến về giới: Những định kiến về đặc điểm cá nhân, hành vi và vai trò được xác định và giới hạn bởi giới tính.

Môi trường giàu bản in: Một lớp học có đầy đủ cả lớp học và bản in về môi trường. Trẻ có thể xem, tiếp cận và tương tác với các bản in phù hợp với sự phát triển bằng tiếng Việt và tiếng mẹ đẻ của trẻ.

Môi trường học tập giàu ngôn ngữ: “Một không gian học tập được thiết kế nhằm tích cực thúc đẩy và khuyến khích việc nâng cao khả năng giao tiếp và phát triển ngôn ngữ nói chung của trẻ. Môi trường học giàu ngôn ngữ đề cập đến các khía cạnh thể chất, cảm xúc và giác quan của không gian dành cho trẻ em, cũng như các nguồn lực được sử dụng và sự tương tác với người lớn.” (Jones, 2023).

Môi trường lớp học: Khái niệm môi trường lớp học không chỉ giới hạn ở không gian vật chất hay sắp xếp đồ dùng dạy và học tập, mà còn bao gồm cả không gian cảm xúc và tâm lí, những yếu tố định hình quá trình học tập và tương tác của trẻ trong lớp học.

Nhiệm vụ có ý nghĩa: Một hoạt động dựa trên bối cảnh của trẻ để phát triển kĩ năng ngôn ngữ hoặc tận dụng những khoảnh khắc hàng ngày để thực hành ngôn ngữ.

Nói chuyện song song: Giáo viên mô tả những gì trẻ đang làm ngay thời điểm trẻ đang thực hiện các hoạt động đó.

Những hoạt động có thể lồng ghép việc dạy học: Những cơ hội học tập bất ngờ, tự phát, nảy sinh từ các câu hỏi, sở thích hoặc hành động của trẻ, cho phép giáo viên đi sâu hơn vào một chủ đề và thúc đẩy sự tham gia.

Phản hồi: Bất kì thông tin nào được cung cấp cho người học về hiệu suất với mục đích cải thiện kết quả. Phản hồi nhằm hướng dẫn lại hoặc tập trung tập trung vào các điểm có thể thay đổi để đạt được mục tiêu. Nó có thể bằng lời nói hoặc văn bản và có thể được thực hiện bởi giáo viên hoặc giáo viên học. (Ủy Hỗ trợ Giáo dục, 2021).

Phản hồi ngầm (gián tiếp): Là cách đưa ra phản hồi khắc phục lỗi sai của người học mà không trực tiếp nói cho người học biết lỗi sai của họ.

Phản hồi trực tiếp: Là cách đưa ra phản hồi một cách trực tiếp, trọng tâm vào lỗi sai của người học.

Phương pháp bắc giàn giáo: Sự hỗ trợ từng bước nhỏ của giáo viên dành cho trẻ liên tục trong suốt quá trình học tập.

Trò chuyện lấy trẻ làm trung tâm: Trò chuyện trực tiếp với trẻ về những gì trẻ đang làm.

Tự nói chuyện: Giáo viên mô tả những gì các trẻ đang làm trong khi thực hiện việc đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Deardorff, D. K. (2019). Manual for Developing Intercultural Competencies: Story Circles. <https://ci.nii.ac.jp/ncid/BB28889369>

Flynn, Erin E., "Language Rich Early Childhood Classroom: Simple But Powerful Beginnings" (2016). School of Social Work Faculty Publications and Presentations. 245. https://pdxscholar.library.pdx.edu/socwork_fac/245

Hadianto, D., S. Damaianti, V., Mulyati, Y., & Sastromiharjo, A. (2022). Effectiveness of Literacy Teaching Design Integrating Local Culture Discourse and Activities to Enhance Reading Skills. *Cogent Education*, 9(1). <https://doi.org/10.1080/2331186x.2021.2016040>

Honig, A. S. (Ed.). (2017). *Literacy, Storytelling and Bilingualism in Asian Classrooms*. Routledge.

Jones, O. (2023, November 2). What is a language rich environment? tips on how to create one in EYFS. Fennies Nurseries. <https://fennies.com/what-is-a-language-rich-environment-tips-and-tricks/>

Peleman, B., Vandenbroeck, M. & Van Avermaet, P. (2019). *De overgang naar de kleuterschool voor kinderen uit gezinnen in armoede*. Gent: Universiteit.

Taalsterk – Een taalsterk aanbod voor anderstalige nieuwkomers. (n.d.). [Taalsterk.be](https://taalsterk.be/). Retrieved March 1, 2024, from <https://taalsterk.be/>

Tài liệu này được xuất bản vào năm 2026 bởi:
© 2026 VVOB
Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Belgium
Điện thoại: +32 2 209 07 99; Website: www.vvob.org



Bản quyền:

Tài liệu này là sản phẩm của các chuyên gia VVOB với sự góp ý của các chuyên gia giáo dục khác. Các kết quả, diễn giải, và kết luận được trình bày trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh quan điểm của VVOB, của Ban Giám đốc VVOB, hoặc của nhà tài trợ. VVOB không chịu trách nhiệm về tính xác thực của các số liệu trong tài liệu này.

Quyền lợi và cấp phép xuất bản

Chịu trách nhiệm biên tập:

Tom Vandenberg

© 2026 VVOB vzw



Tài liệu này được xuất bản và lưu hành dựa trên nguyên tắc tài sản sáng tạo công cộng (Creative Commons) và phi thương mại (CC BY-NC-SA 4.0). Quyền sao chép, phân phối, vận chuyển, và ứng dụng tài liệu này đều được cho phép với mục đích phi thương mại, và với điều kiện sau đây:

Vui lòng trích dẫn tài liệu như sau: VVOB – education for development. 2026. “Môi trường học tập giàu ngôn ngữ”

Mọi câu hỏi về bản quyền và quyền xuất bản vui lòng gửi về VVOB, Julien Dillensplein 1 bus 2A, 1060 Brussels, Belgium. Điện thoại: +32 2 209 07 99; E-mail: info@vvob.org; Website: www.vvob.org

Quyền phủ nhận

Tài liệu này có sử dụng trích dẫn và tham khảo một số ấn phẩm và trang web khác. VVOB không chịu trách nhiệm về các nội dung hiện tại và trong tương lai của các ấn phẩm và các trang web đó, cũng như không chịu trách nhiệm về ấn phẩm và các trang web đưa tin và trích dẫn tài liệu này của VVOB. Tài liệu này được biên soạn và xuất bản với hỗ trợ tài chính từ chính phủ Bỉ và Flanders. Nội dung tài liệu thuộc trách nhiệm của VVOB và không nhất thiết phản ánh quan điểm của nhà tài trợ, do đó chính phủ Bỉ và Flanders không chịu trách nhiệm với bất kỳ nội dung nào của tài liệu này.

Được tài trợ bởi:





1 Đa Phước 8, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
+84(0) 236 3923 332
www.vvob.org/vietnam